

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ THANH HÓA

**GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THÀNH PHỐ THANH HÓA**

Nhà xuất bản Thanh Hóa - 2022

LỜI NÓI ĐẦU

Lịch sử hình thành và phát triển của Đảng bộ thành phố Thanh Hóa gần 80 năm qua (1945-2022) là lịch sử hào hùng trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ quê hương, gắn liền với những trang sử vẻ vang của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đây mạnh công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục truyền thống Lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng, không chỉ tiếp tục khẳng định lịch sử cách mạng của Đảng bộ thành phố là những trang sử đấu tranh anh dũng, kiên cường, bất khuất của Nhân dân thành phố do Đảng bộ lãnh đạo qua các thời kỳ mà còn khơi dậy trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ niềm tự hào, ý thức tự tôn dân tộc, không ngừng phát huy truyền thống, tiếp tục nỗ lực, phấn đấu *“xây dựng thành phố đến năm 2025 trong nhóm đô thị loại I trực thuộc tỉnh hàng đầu cả nước, đến năm 2030 cơ bản trở thành đô thị thông minh, văn minh, hiện đại, là một trong 5 thành phố trực thuộc tỉnh dẫn đầu cả nước, một động lực quan trọng đưa tỉnh Thanh Hóa trở thành cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc”* theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 25/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“Xây dựng và phát triển thành phố Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”* và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Thanh Hóa lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra.

Thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy *“về nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh*

Hóa đối với cán bộ, đảng viên và Nhân dân, giai đoạn 2021-2025”. Ban Thường vụ Thành ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Biên soạn do Ban Tuyên giáo chủ trì, tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn sách **“Giáo dục truyền thống lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa”**. Đây là tài liệu tuyên truyền, cung cấp những nội dung, kiến thức cơ bản về lịch sử đảng bộ, lịch sử văn hóa, truyền thống cách mạng của thành phố Thanh Hóa đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đồng thời, cuốn sách là tài liệu đưa vào giảng dạy, học tập trong hệ thống giáo dục phổ thông của thành phố Thanh Hóa.

Trong quá trình biên soạn, Tổ Biên soạn đã nhận được sự đóng góp quý báu của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội khoa học lịch sử thành phố, các nhà nghiên cứu lịch sử, các đồng chí lãnh đạo thành phố,... để đáp ứng được yêu cầu giảng dạy trong các trường THCS, THPT, Trung tâm Chính trị thành phố.

Mặc dù, đã có nhiều cố gắng nhưng cuốn sách cũng không thể tránh khỏi hạn chế, thiếu sót trong quá trình biên soạn, rất mong nhận được ý kiến góp ý, bổ sung của đội ngũ giáo viên giảng dạy lịch sử các nhà trường, của cán bộ, đảng viên thành phố để tiếp tục nâng cao chất lượng cuốn sách vào những lần tái bản.

Ban Thường vụ Thành ủy trân trọng giới thiệu cuốn sách *“Giáo dục truyền thống lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa”* đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân, thầy cô giáo và học sinh trong hệ thống giáo dục phổ thông thành phố.

Xin trân trọng cảm ơn!

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH LÝ THANH HÓA

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý

Thành phố Thanh Hóa là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật của tỉnh Thanh Hóa. Thành phố nằm ở phía Đông của tỉnh Thanh Hóa, là trung tâm của vùng đồng bằng Thanh Hóa. Phía Bắc và Đông Bắc thành phố giáp huyện Hoằng Hóa; phía Tây Bắc giáp huyện Thiệu Hóa; phía Nam và Đông Nam giáp huyện Quảng Xương; phía Tây giáp huyện Đông Sơn. Thành phố nằm trong tọa độ địa lý: $19^{\circ}14'$ - $19^{\circ}46'$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}45'$ - $105^{\circ}49'$ kinh độ Đông, nằm trên trục đường giao thông Bắc - Nam, cách Thủ đô Hà Nội 160km về phía Bắc, cách thành phố Vinh 135km về phía Nam, cách biển Sầm Sơn 16km về phía Đông; cách biên giới Việt Nam - Lào 135km về phía Tây.

2. Điều kiện tự nhiên

Thành phố Thanh Hóa có diện tích tự nhiên là 14.677,07ha. Là một trong những đô thị loại I trực thuộc tỉnh có quy mô diện tích, dân số, số đơn vị hành chính lớn nhất của cả nước.

Địa hình thành phố Thanh Hóa ở ba phía Bắc, Tây, Nam đều được núi bao bọc, trong đó đáng chú ý là dãy núi Hàm Rồng án ngữ ở phía Bắc.

Hệ thống núi non nổi bật nhất trên địa bàn thành phố là núi Hàm Rồng (Long Hạm) chạy từ làng Dương Xá (làng Giàng, phường Thiệu Dương) men theo hữu ngạn sông Mã về đến chân cầu Hàm Rồng và nằm án ngữ phía Bắc thành phố. Bên phía đối diện là núi Ngọc.

Phía Tây Bắc thành phố là di chỉ núi Đọ thuộc địa phận ba xã Thiệu Khánh, Thiệu Vân thuộc thành phố và Thiệu Tân của huyện Thiệu Hóa, nơi hợp lưu của sông Mã, sông Chu. Vào năm 1960, các nhà khoa học Việt Nam và quốc tế đã khai quật khảo cổ học và chứng minh, cách đây 30 - 40 vạn năm, nơi đây đã từng là nơi cư trú của người nguyên thủy và đã để lại dấu vết về một nền văn hóa của thời kỳ đồ đá cũ. Di chỉ núi Đọ thuộc khu vực di chỉ Thiệu Dương và Đông Sơn được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích cấp quốc gia từ năm 1962.

Về phía Tây thành phố có núi Nhồi (An Hoạch) nổi tiếng với loại đá xanh và làng nghề chế tác đá có truyền thống từ lâu đời. Trên đỉnh cao nhất có hòn Vọng phu (hình ảnh của người phụ nữ chờ chồng). Đá ở núi Nhồi đã có tiếng từ lâu, cả trong và ngoài nước. Núi Nhồi là một danh thắng của thành phố. Vì vậy, để bảo vệ danh thắng này, UBND tỉnh đã có văn bản cấm khai thác đá ở núi Nhồi và vùng phụ cận. Một dãy núi quan trọng khác của thành phố là núi Mật Sơn, núi Long trên địa bàn phường Đông Vệ. Núi Long (Ngọc Long) có hình thù như một con rồng; núi Mật Sơn (Kỳ Lân) có hình thù như một con hổ. Hai ngọn núi này châu đầu về nhau. Trên núi Mật Sơn có ngọn núi Kim Đồng, Ngọc Nữ. Từ năm 1931, người Pháp đã cho xây dựng Nhà máy nước trong khu vực Mật Sơn.

Tài nguyên đất ở thành phố khá phong phú, đa dạng, có đất để trồng lúa nước, có đất ở các vùng cao hơn phù hợp để trồng hoa màu, cây ăn quả và đất ở vùng đồi núi để trồng rừng. Thành phố là vùng đất mới do phù sa của dòng sông Lũ (sông Hải

Hán), sông Mã, sông Bồn Giang (một nhánh của sông Chu) tạo thành. Thổ nhưỡng phù hợp với sự phát triển của cây lúa, các loại cây rau màu thực phẩm và một số loại cây công nghiệp.

Về tài nguyên rừng, diện tích rừng của thành phố đáng chú ý là rừng đặc dụng Hàm Rồng diện tích là 214ha với đa dạng chủng loại cây. Ngoài cây thông, còn trồng keo tai voi, tràm bông vàng và một số loài cây bản địa. Phía Tây thành phố có núi Rừng Thông (Sơn Viên hay còn gọi là Phượng Lĩnh) thuộc phường Đông Lĩnh thành phố Thanh Hóa và thị trấn Rừng Thông của huyện Đông Sơn. Là dãy núi đất xen lẫn đá có độ cao trung bình 100m, đỉnh cao nhất là 162m trồng chủ yếu là cây thông dầu. Ở đây có những cây thông hàng trăm năm tuổi với độ cao hàng chục mét. Tỷ lệ che phủ rừng ở thành phố hiện nay là 2,5%. Cùng với rừng đặc dụng Hàm Rồng ở phía Bắc, Rừng Thông ở phía Tây thành phố được mệnh danh là những “lá phổi xanh” giúp ổn định, điều hòa khí hậu, môi trường cho thành phố.

Tài nguyên nước của thành phố do một hệ thống các sông tự nhiên, sông đào tạo thành, đủ nước phục vụ sản xuất, đời sống. Dòng sông Mã (Mã Giang) trải dài trên đất Thanh Hóa hơn 200km, đoạn qua địa bàn Thành phố từ phía Tây Bắc xuống Đông Nam khoảng 10km. Trên dòng sông Mã có những cây cầu lớn bắc qua như cầu Hàm Rồng (được người Pháp xây dựng từ đầu thế kỷ XX); cầu Hoàng Long, cầu Nguyệt Viên (cầu Hoàng Long được khởi công xây dựng vào năm 1997, cầu Nguyệt Viên được khởi công xây dựng vào năm 2013). Từ xa xưa, dòng sông Lễ (sông Hải Hán) chuyên tải phù sa, lấp trũng, đến hôm nay đã trở thành một dòng sông chìm, sông tiêu mà đoạn đi qua Thọ Hạc có tên gọi Hạc Giang, nơi cửa sông có cầu Bốn Voi bắc qua. Dòng kênh Bồ Vệ cắt ngang dòng sông Lễ nối dòng Bồn Giang chảy thẳng ra biển qua cửa Bồ Vệ. Kênh

Bến Ngự - Hương Bào do vua Minh Mạng cho đào trong thời gian tại vị (1820-1841). Con kênh này nối kênh Bồ Vệ từ làng Tạnh Xá qua Hương Bào đến sông Mã.

Sông nhà Lê là hệ thống sông đào có từ thời tiền Lê do Lê Hoàn khởi xướng và sau đó được các triều đại tiếp theo như Lý, Trần, hậu Lê cho đào tiếp để có hình dạng như ngày nay. Từ đầu nguồn ở Hậu Hiền sông chảy xuống Bôn (Đông Thanh, Đông Sơn), xuống Nấp (phường An Hưng) rồi chảy về cầu Bó và hợp lưu với sông Cốc để ra sông Mã.

Công trình âu thuyền Bến Ngự - đập Lễ Môn và kênh tiêu thủy Quảng Châu xây dựng trong những năm 60-70 của thế kỷ XX đã ngăn lũ, tiêu úng, tạo cho vùng đất Thành phố vốn lầy trũng thoát khỏi cảnh ngập lụt trong mùa mưa. Ngoài ra, còn có sông Nông giang (kênh Bắc) dẫn nước từ đập Bái Thượng về thành phố qua cầu Cáo trên địa bàn thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, phường Đông Tân, cầu Cao, Mật Sơn, Quảng Thắng, Quảng Thịnh. Sông Nông giang vừa có tác dụng tưới nước cho đồng ruộng vừa là nguồn cung cấp nước thô cho Nhà máy nước Thanh Hóa và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống... Hệ thống sông ngòi bao quanh Thành phố đã tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế, giao thông đường thủy, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho cư dân đô thị, và góp phần tiêu úng, điều hòa môi trường sinh thái. Ngoài ra, thành phố cũng có nguồn nước ngầm khá lớn, chất lượng tốt tập trung ở khu vực Hàm Rồng.

Khí hậu: thành phố nằm hoàn toàn trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Hằng năm có 4 mùa xuân, hạ, thu, đông tương đối rõ rệt và nếu xét về chênh lệch nhiệt độ có thể chia thành hai mùa là mùa nóng và mùa lạnh. Mùa nóng bắt đầu từ cuối mùa xuân đến giữa mùa thu (tháng 4 - tháng 10 hằng năm). Trong khoảng thời gian này, thời tiết nắng nóng, nhiệt độ lên đến 39-40⁰C và gây ra

hạn hán. Bên cạnh đó, mùa này cũng mưa nhiều gây ra bão tố, lụt lội. Thành phố trung bình hằng năm chịu ảnh hưởng của 3 - 5 cơn bão. Lượng mưa trung bình hằng năm là 1.730 - 1.980mm. Gió phơn Tây Nam (dân gian thường gọi là gió Lào) là loại gió khô, nóng từ phía Tây dãy Trường Sơn thổi qua với đặc điểm là gió rất lớn, có lúc dữ dội nhưng rất khô và nóng, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người cũng như việc trồng trọt, chăn nuôi. Gió Lào thường tập trung vào tháng 6-7 hằng năm. Tuy nhiên, ở thành phố, gió Lào có cường độ không lớn và không kéo dài bằng các tỉnh khác ở dải đất Bắc Trung Bộ. Vào mùa này cũng có những ngày có gió Đông Nam (dân gian thường gọi là gió nồm hoặc nồm Nam) thổi từ biển vào tạo cảm giác dễ chịu. Mùa lạnh từ giữa mùa thu đến hết mùa xuân năm sau (tháng 10 năm trước - tháng 4 năm sau). Nhiệt độ hạ thấp, chênh lệch rất lớn so với mùa nóng, biên độ dao động giữa hai mùa có khi lên đến trên 30°C. Mùa này thường xuất hiện gió mùa Đông Bắc (dân gian gọi là gió bắc) đem theo khí lạnh, ẩm ướt gây mưa phùn. Nhiệt độ hạ rất thấp vào những ngày rét đậm (13°C -15°C), rét hại (dưới 13°C). Trong mùa này cũng có những đợt rét bất thường, nhiệt độ xuống thấp khoảng 5-6°C ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất. Nhiệt độ trung bình hằng năm của thành phố là + 23,3°C đến + 23,6°C.

3. Điều kiện kinh tế - xã hội

Thành phố Thanh Hóa hiện tại có 34 đơn vị hành chính gồm 30 phường và 4 xã với dân số hơn 400 ngàn người. Dân cư thành phố phần lớn trẻ tuổi, có sức khỏe, tri thức, tay nghề. Đây là điểm thuận lợi của thành phố trong quá trình đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững.

Về kinh tế: Với vị trí địa lý đặc biệt của mình, thành phố có đủ điều kiện phát triển kinh tế nhanh, mạnh bền vững. Nhiều

năm qua, thành phố đã xác định cơ cấu kinh tế là: Công nghiệp - xây dựng; Dịch vụ - thương mại; Du lịch; Nông nghiệp.

Về hệ thống giao thông: Thành phố có đa dạng các loại hình giao thông. Giao thông đối nội gồm các tuyến đường thành phố đều tổ chức theo dạng ô bàn cờ theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây gồm các tuyến tỉnh lộ, đường nội thành, ngoại thành. Thời gian gần đây còn có thêm đường vành đai phía Tây, Đại lộ Nam sông Mã, Đại lộ Đông Tây, tuyến đường phát triển toàn diện thành phố Thanh Hóa (CSEDP). Giao thông đối ngoại gồm có quốc lộ 1A qua thành phố với chiều dài khoảng 20km, đường sắt xuyên Việt từ Tào Xuyên đến An Hưng giáp với xã Đông Vãn, huyện Đông Sơn. Ga Thanh Hóa nằm trên địa phận phường Tân Sơn, Phú Sơn, Điện Biên là một nhà ga lớn trên tuyến đường sắt xuyên Việt với năng lực vận chuyển 400 lượt khách và bốc dỡ hàng hóa 600 tấn/ngày đêm. Trên địa bàn thành phố, ngoài quốc lộ 1A còn có quốc lộ 45, 47 đi qua nối với Sân bay Sao Vàng, di sản văn hóa thế giới thành Nhà Hồ, di tích đặc biệt quốc gia Lam Kinh và các huyện miền Tây của tỉnh. Cảng Lễ Môn trên địa bàn phường Quảng Hưng, có thể tiếp nhận tàu 1.000 tấn ra vào với lưu lượng hàng hóa thông qua cảng là 300.000 tấn/năm. Vì vậy, thành phố không những có vị trí, vai trò rất quan trọng về quốc phòng - an ninh, mà còn là điểm giao thoa có ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và nước bạn Lào.

Về hệ thống giáo dục: Trên địa bàn thành phố hiện có đầy đủ các bậc học, cấp học từ giáo dục mầm non đến cao đẳng, đại học và trên đại học đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của các tầng lớp Nhân dân. Thành phố hiện có 63 trường mầm non, 42 trường tiểu học, 33 trường THCS, 8 trường THPT và 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Nhiều trường có bề dày truyền thống, nổi tiếng trong tỉnh và

trên cả nước như Trường THPT Chuyên Lam Sơn, THPT Hàm Rồng, Trường THPT Đào Duy Từ... Đáng chú ý, trong những năm gần đây thành phố còn có các trường liên cấp và đều là những trường tư thục. Có 4 trường 2 cấp: tiểu học và THCS; 4 trường 3 cấp: tiểu học, THCS, THPT. Trên địa bàn thành phố có 8 trường cao đẳng: Cao đẳng nghề công nghiệp Thanh Hóa, Cao đẳng Y tế Thanh Hóa... thu hút hàng ngàn sinh viên theo học; có 4 trường đại học là: Đại học Hồng Đức, Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ sở Thanh Hóa Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, phân hiệu Thanh Hóa Đại học Y khoa Hà Nội.

Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, khoa học xã hội - nhân văn và các ngành khoa học khác trên địa bàn thành phố khá đông đảo, tập trung ở các trường đại học, cao đẳng, các sở, ban, ngành, các doanh nghiệp khoa học - kỹ thuật ở tỉnh và thành phố. Đây là đội ngũ cán bộ trẻ, được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp cả ở trong và ngoài nước. Đội ngũ này thực sự là vốn quý của thành phố trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, xây dựng thành phố văn minh, hiện đại.

Hệ thống y tế: Trên địa bàn thành phố có các bệnh viện đa khoa thành phố, các bệnh viện trung ương, tuyến tỉnh, 34 trạm y tế xã, phường, các phòng khám, bệnh viện tư, hệ thống nhà thuốc đủ khả năng phục vụ nhu cầu khám, điều trị bệnh của cư dân thành phố cũng như của cả tỉnh. Tính đến ngày 20/6/2022, trên địa bàn thành phố có hơn 800 cơ sở hành nghề y, được tư nhân: trong đó có 9 bệnh viện tư nhân, 16 phòng khám đa khoa, 241 phòng khám chuyên khoa; 93 phòng chẩn trị y học cổ truyền, 8 cơ sở dịch vụ tiêm truyền, thay băng và trồng răng giả, 311 nhà thuốc, 47 quầy thuốc, 84 cơ sở công ty kinh doanh dược liệu, ngoài ra còn có gần 100 cơ sở dịch vụ thẩm mỹ hoạt động chủ yếu ở các phường trung tâm của thành phố.

Đội ngũ lao động: Ngoài số cán bộ, công chức viên chức, chiến sỹ LLVT trên địa bàn thành phố còn có 70 ngàn công nhân lao động tại các doanh nghiệp khu công nghiệp tập trung như khu Lễ Môn, Đông Bắc Ga, Khu công nghiệp Hoàng Long, tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu và tiêu dùng trong nước và đóng góp lớn trong phát triển tăng trưởng của thành phố, bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện đời sống các tầng lớp Nhân dân. Số lao động trong độ tuổi là 271.300 người chiếm tỷ lệ 74,9%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 86% (số liệu 2022) lực lượng lao động ở thành phố đa số là lao động trẻ, có tri thức, năng lực, tay nghề khá.

Như vậy, nền kinh tế thành phố phát triển tương đối hoàn chỉnh, các lĩnh vực xã hội được quan tâm chăm sóc, phát triển, đáp ứng cơ bản các nhu cầu thiết yếu của Nhân dân. Các lĩnh vực hoạt động về công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thành phố tương đối hoàn chỉnh, thu hút đông đảo người lao động, tạo công ăn, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và góp phần tăng cường an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của các phường, xã cũng như của cả thành phố.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH LÝ THANH HÓA

1. Giai đoạn trước năm 1804

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, từ rất sớm, Thanh Hóa đã là một khu vực hành chính tương đối ổn định. Dưới thời các Vua Hùng, Cửu Chân là một trong số 15 bộ hợp thành nước Văn Lang (đối chiếu với bản đồ, Cửu Chân tương đương với vùng đất Thanh Hóa, Nghệ An ngày nay). Sau khi bị Triệu Đà thôn tính (năm 179 trước Công Nguyên), nước ta bị chia thành hai quận: Giao Chỉ (tương đương Bắc Bộ) và Cửu Chân (tương đương Bắc Trung Bộ). Dưới ách đô hộ nhà Hán, lần đầu

tiên thấy xuất hiện Tư Phố¹, đóng vai trò “trị sở” của quận Cửu Chân. Tư Phố nằm trên hữu ngạn sông Mã là con sông lớn nhất quận Cửu Chân nên đây là địa điểm rất thuận lợi để chọn đóng quận trị, nơi cắm mốc trên con đường hình thành, phát triển, tiến tới xác định tỉnh lỵ Thanh Hóa ngày nay.

Từ năm 603, các triều đại phong kiến phương Bắc từ nhà Tùy rồi đến nhà Đường đem quân đánh chiếm nước Vạn Xuân và thiết lập ách đô hộ. Nhà Tùy bỏ đơn vị hành chính châu (Giao Châu), lập lại các quận cũ, trong đó có quận Cửu Chân (Thanh Hóa). Dưới thời nhà Đường, đã bãi bỏ các quận để chia nước ta thành 12 châu, hợp thành Giao Châu đô hộ phủ (tới năm 679 đổi thành An Nam đô hộ phủ), Quận Cửu Chân cũ (Thanh Hóa) từ năm 622 đổi thành Châu Ái. Từ đời Tùy, quận trị Cửu Chân chuyển từ Tư Phố về Đông Phố (tức làng Đồng Pho, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn ngày nay). Suốt thời kỳ đô hộ của nhà Đường, Đông Phố vẫn là quận trị của Cửu Chân. Dưới triều Tiền Lê, các đơn vị hành chính trong nước được sắp xếp lại, chia thành các lộ, phủ, châu. Châu Ái (Thanh Hóa) với trị sở Đông Phố vẫn giữ vai trò quan trọng như trước.

Năm 1009, nhà Lý lên thay nhà Tiền Lê, cả nước được chia làm 24 lộ, dưới lộ là các phủ, châu. Ái Châu đổi thành lộ “Thanh Hóa”, cũng gọi là phủ Thanh Hóa. Lý sở lộ Thanh Hóa thời này dời về Duy Tinh (gồm Vĩnh Lộc, Mỹ Lộc, Thuần Lộc, xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc ngày nay). Duy Tinh là địa điểm thứ ba của trung tâm tỉnh Thanh Hóa trên con đường tiến về Thành phố ngày nay.

Đến thời Trần, 24 lộ thời Lý được đổi thành 12 lộ; lộ Thanh Hóa tương đương với đơn vị hành chính thời Lý. Năm 1397, lộ Thanh Hóa được đổi thành trấn Thanh Đô.

¹ Ở khoảng làng Dương Xá, tức làng Giàng, thuộc phường Thiệu Dương ngày nay.

Sau khi nhà Hồ đoạt ngôi nhà Trần, lại đổi thành phủ Thiên Xương, cùng với Cửu Chân và Ái Châu hợp làm Tây Đô (để phân biệt với Thăng Long là Đông Đô). Phủ Thiên Xương dưới thời nhà Hồ được đổi thành phủ Thanh Hóa, lãnh 4 châu và 11 huyện².

Sau khi đại thắng quân Minh, Lê Lợi lên ngôi vua và sáng lập ra triều Hậu Lê. Đến đời vua Lê Thánh Tông (trị vì trong khoảng thời gian 1460-1497), vào năm 1466 đã điều chỉnh lại đơn vị hành chính, cả nước chia làm 12 đạo thừa tuyên, bãi bỏ một số đơn vị trung gian như trấn, lộ; đổi lộ làm phủ, đổi phủ làm châu, đặt thừa tuyên Thanh Hóa. Năm 1469 lại đổi thành thừa tuyên Thanh Hoa (tên gọi Thanh Hoa bắt đầu từ đây), lãnh 4 phủ, 16 huyện, 4 châu³.

Dưới thời Lê - Mạc, trung tâm của Thanh Hóa lúc này dời về Yên Trường (nay thuộc Thọ Lập, Thọ Xuân), nằm bên bờ trái sông Chu. Năm 1759, đời Lê Hiển Tông, trấn Thanh Hoa chia làm hai vùng, nội trấn là Thanh Hóa ngày nay; Thanh Hoa ngoại trấn là hai phủ Trường Yên và Thiên Quang của trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Yên Khánh và huyện Nho Quan của tỉnh Ninh Bình). Lỵ sở nội trấn Thanh Hoa lại dời về địa điểm cũ là Dương Xá.

Đến thời Tây Sơn, vua Quang Trung lấy Thanh Hoa ngoại trấn nhập vào Bắc thành.

Đến năm 1802, đời vua Gia Long, Thanh Hoa vẫn gọi là trấn. Như vậy, với địa danh Tư Phố từ trong thời kỳ Bắc thuộc rồi lần lượt đến Đông Phố, Duy Tinh, Yên Trường, Dương Xá (cũng tức là Tư phố), trung tâm tỉnh lỵ Thanh Hóa đã có thời kỳ thay đổi trong vòng khoảng gần hai ngàn năm để tỉnh Thanh Hóa có trung tâm tỉnh lỵ của mình. Từ đó, tạo sự ổn định của

² Đại Nam nhất thống chí, tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.197.

³ Đại Nam nhất thống chí, tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.197.

đô thị tỉnh lỵ trong quá trình phát triển, trưởng thành của một địa phương có bề dày lịch sử.

2. Giai đoạn từ năm 1804 đến năm 1945

Sau khi dời tỉnh lỵ về địa điểm mới là làng Dương Xá, tháng 5 năm Giáp Tý (1804), theo chỉ dụ của vua Gia Long, trấn thành Thanh Hoa được thành lập. Làng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn được chọn để xây dựng trấn lỵ. Lúc dời từ Dương Xá về Thọ Hạc, ngoài đất thôn Thọ Hạc, còn cắt thêm đất các thôn Phú Cốc, Mật Sơn, tất cả chia thành hai giáp: Đông Phố và Nam Phố. Giáp Đông Phố có 10 ấp: Văn Trường, Đông Trường, Tiền Nghĩa, Hậu Thành, Đông Lân, Đông Lạc, Tả Biên, Phú Mỹ, Hữu Biên, Bắc Biên. Giáp Nam Phố có 7 ấp: Tây Lý, Hữu Môn, Tiền Môn, Nhân Lý, Đông Lý, Nam Lý, Đông Thành. Tháng 7 năm Giáp Tý (1804), do bão lụt, nhà vua bãi việc quân dân lấy đá xây trấn thành⁴. Đến năm Minh Mạng thứ 9 (năm 1828) mới khởi công xây dựng trấn thành bằng gạch, đá. Năm đó được mùa nên việc xây dựng trấn thành có nhiều thuận lợi, chỉ trong thời gian ngắn đã hoàn thành⁵.

Việc chọn Thọ Hạc làm nơi đặt tỉnh lỵ là một quyết định đúng đắn. Nơi đây là đầu mối giao thông thuận lợi. Thọ Hạc nằm ngay trên trục đường bộ chính, nối liền hai miền Nam - Bắc. “Con đường thiên lý” đã giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đi lại của cư dân, binh lính, cũng như vận chuyển lương thực, hàng hóa vào thời bình và quân lương, vũ khí khi xảy ra chiến sự. Từ tỉnh lỵ có nhiều đường tỏa ra nối liền các phủ, huyện trong tỉnh, tới các châu lỵ miền rừng núi phía Tây, thông thương ra các tỉnh phía Bắc, vào phía Nam và sang Lào. Mạng lưới đường thủy cũng rất thuận tiện. Bên cạnh đó, tỉnh lỵ lại nằm ở một vùng liền kề nhiều địa phương có ngành nghề thủ công truyền thống khá phát triển.

⁴ Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, tập 3, quyển XXV, tr.206;

⁵ Sđđ, tập 3, quyển XXIV, tr.189.

Theo thuyết phong thủy thì trấn thành được xây dựng trên lưng chim Hạc, vì vậy có tên là Hạc Thành. Câu ca:

*“Thanh Hoa thắng địa là nơi
Rồng vờn hạt ngọc, Hạc bơi chân thành”*

xuất hiện sau ngày xây dựng trấn thành cho thấy vị trí đắc địa, cảnh thơ mộng của trấn thành Thanh Hoa.

Cùng lúc xây dựng trấn thành là việc mở chợ tỉnh, chợ trâu, bò để lưu thông hàng hóa. Những phường nghề thủ công tập hợp lại dựng nên các phố Hàng Thao (làm nón quai thao), Hàng Đồng (buôn bán đồ đồng), Hàng Than, thợ Thêu, Lò Chum... Dọc theo hai bên bờ sông bến Ngự, hữu ngạn là lò tiều, tả ngạn là lò chum đã một thời nổi tiếng. Gốm xứ Thanh ngược xuôi ra Bắc, vào Nam, lan tỏa đến cả Trung Quốc, Nhật Bản...

Năm 1843, Vua Thiệu Trị đổi tên trấn thành Thanh Hoa thành Thanh Hóa, lí do là khi vua Thiệu Trị lên ngôi, có mẹ tên là Tá Thiên Nhân hoàng hậu Hồ Thị Hoa, nên dưới thời này có quy định về cách viết văn sách, chữ “Hoa” phải bớt nét hoặc ghi ký hiệu lên đầu chữ để biết là kỵ húy, tên Thanh Hóa được dùng cho đến ngày nay. Tháng 11-1885, thực dân Pháp đổ bộ vào Thanh Hóa. Tổng đốc Nguyễn Thuật và án sát Vương Duy Trinh mở cửa thành đầu hàng. Đến cuối năm 1886 đầu năm 1887, thực dân Pháp hoàn toàn đặt ách thống trị lên nhân dân Thanh Hóa. Chính quyền thực dân Pháp đã tiến hành mở rộng địa giới hành chính và thay đổi tên gọi là thị xã, thành phố. Ngày 12-7-1899, vua Thành Thái ký đạo dụ thành lập thị xã Thanh Hóa. Tiếp đó là đạo dụ ngày 19-3-1901 của nhà vua, được Nghị định ngày 4-7-1901 của Khâm sứ Trung Kỳ phê chuẩn, thì từ đây quan lại Nam triều không còn quyền hành quản lý thị xã. Viên bang tá ăn lương theo ngạch Nam triều chỉ có nhiệm vụ giữ gìn trật tự công cộng trong thị xã. Bộ máy quản lý hành chính cơ sở vẫn được tiếp tục theo lối cũ. Đến

năm 1918 thành lập các phường là: Tả Môn (Cửa Tả), Hữu Môn (Cửa Hữu), Bắc Môn (Cửa Hậu), Nam Môn (Cửa Tiền), Đông Lạc, Thành Thi, Nam Lý, Phú Cốc, Vân Trường, Bào Giang, Đức Thọ (Lò Chum) do trưởng phường trông coi, dưới sự quản lý trực tiếp của bang tá.

Nhằm đẩy nhanh chương trình khai thác thuộc địa, ngày 31-5-1929 Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định nâng cấp thị xã Thanh Hóa lên thành phố Thanh Hóa. Người đứng đầu chính quyền là Đốc lý do Công sứ chủ tỉnh kiêm nhiệm. Hội đồng thành phố do Công sứ đứng đầu, tổng đốc là trợ lý, cùng 2 thành viên người Pháp và 2 thành viên người Việt (đều thuộc tầng lớp quan lại, địa chủ, tư sản). Mọi công việc chuyên môn đều do công sứ chỉ định cho các ngành chuyên môn cấp tỉnh thực hiện.

Nghị định ngày 21-9-1929 của Công sứ - Đốc lý điều chỉnh địa giới Thành phố: Bắc giáp làng Thọ Hạc (cột mốc: cổng Cầu Bò); Nam giáp làng Mật Sơn (cột mốc: Ngã ba Tịch Điền); Đông giáp sông Bến Ngự (cột mốc: Cầu Sâng, cầu Bồn Voi, cầu Cốc), Tây giáp phủ Đông Sơn (lấy đường sắt làm ranh giới). Đơn vị hành chính cơ sở gồm 6 phường (từ phường đệ nhất đến phường đệ lục) do Trưởng phường trông coi. Năm 1943 lập thêm phường thứ 7 (phường đệ thất) gồm phần đất và dân cư làng Thọ Hạc ở phía Đông đường sắt.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ (1/9/1939), phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương (1940), nhân dân ta phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”. Đêm 9 rạng sáng ngày 10-3-1945, Nhật đảo chính hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương. Bộ máy quản lý hành chính phục vụ quân đội Nhật ra đời. Để không gây xáo trộn bất lợi trong tình hình mới, chức Bang tá được duy trì ở thành phố Thanh Hóa, cấp cơ sở vẫn do Trưởng phường quản lý.

Như vậy, qua gần 150 năm dưới chế độ phong kiến, thực dân, để phục vụ cho mục đích cai trị và khai thác thuộc địa,

chính quyền thuộc địa đã lần lượt mở rộng, xây dựng đô thị tỉnh lỵ để phục vụ cho mục đích của mình. Qua quãng thời gian đó, đô thị tỉnh lỵ được xây dựng theo kiến trúc phương Tây kết hợp hài hòa với cảnh quan, kiến trúc địa phương tạo nên một đô thị thuận lợi cho việc phát triển, mở rộng sau này.

3. Giai đoạn từ năm 1945 đến nay

Mùa Thu tháng Tám năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, Nhân dân thành phố Thanh Hóa vùng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố được thành lập. Ngày 6-1-1946, cùng với cử tri cả nước, cử tri thành phố Thanh Hóa tham gia bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Dưới chế độ mới, chính quyền cách mạng đã có sự điều chỉnh về quản lý các đơn vị hành chính. Ngày 24-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 11 quy định những thành phố thuộc tỉnh đều gọi là thị xã. Thị xã là cấp chính quyền ở đô thị. Thực hiện Sắc lệnh, thành phố Thanh Hóa trở lại đơn vị hành chính là thị xã.

Tháng 4 - 1946, lần đầu tiên trong lịch sử thị xã Thanh Hóa, nam, nữ cử tri hồ hởi tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân thị xã. Sau đó Hội đồng nhân dân bầu ra Ủy ban hành chính. Từ đây Ủy ban hành chính thị xã kế thừa và thay thế Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đơn vị hành chính thị xã Thanh Hóa có nhiều thay đổi.

Tháng 7 - 1947, Thị xã thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, cấp chính quyền thị xã và các khu phố chính thức giải thể. Vùng đất thị xã được giao cho Ủy ban hành chính kháng chiến của huyện Đông Sơn quản lý. Tháng 8-1952, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh quyết định lập Ủy ban kháng chiến hành chính thị trấn đặc biệt Thanh Hóa (tương tự như một xã lớn). Đầu năm 1953, được nâng cấp ngang với huyện và trở thành

Ủy ban kháng chiến hành chính Khu vực Thị trấn đặc biệt Thanh Hóa. Tháng 7-1954, Ủy ban kháng chiến hành chính Khu vực Thị trấn đặc biệt Thanh Hóa trở về tiếp quản vùng đất Thị xã cũ.

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, đơn vị hành chính trực thuộc của Thị xã có nhiều thay đổi. Thị xã Thanh Hóa được chia thành 7 khu phố. Khu phố 1: gồm địa bàn xóm Tân Hương, Tân Hà, Trường Thi; Khu phố 2: gồm địa bàn Phú Thọ, Dốc Ga; Khu phố 3: gồm địa bàn Quang Trung A, Quang Trung B; Khu phố 4: Ba Đình; Khu phố 5: gồm địa bàn Vườn Hoa, Phú Cốc; Khu phố 6: Trần Phú, Cao Thắng; Khu phố 7: Lò Chum.

Ngày 16-3-1963, Chính phủ quyết định sáp nhập xã Đông Giang (gồm 3 làng Nghĩa Phương, Đông Sơn, Nam Ngạn, thuộc huyện Đông Sơn) và xóm Núi thuộc xã Hoàng Long, huyện Hoàng Hóa vào thị xã Thanh Hóa. Đồng thời, đổi tên các khu phố thành các tiểu khu. Cụ thể: Khu phố 1 thành tiểu khu Hàm Rồng; khu phố 2 thành tiểu khu Phú Sơn; Khu phố 3 thành tiểu khu Quang Trung; khu phố 4 thành tiểu khu Ba Đình; khu phố 5, thành tiểu khu Hoàng Hoa Thám; khu phố 6 thành tiểu khu Điện Biên và khu phố 7 thành tiểu khu Minh Khai. Ngày 28-8-1971, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 226-TTg sáp nhập các xã Đông Thọ, Đông Vệ, Đông Hương, Đông Hải thuộc huyện Đông Sơn và xã Quảng Thắng thuộc huyện Quảng Xương vào thị xã Thanh Hóa. Ngày 3-7-1981, Ủy ban hành chính tỉnh ra Quyết định số 511-TC/UBTH chuyển các tiểu khu hành chính thành phường. Tiểu khu Hoàng Hoa Thám thành phường Lam Sơn, khu dân cư Lai Thành của tiểu khu Hoàng Hoa Thám và phần đất tách ra từ xã Đông Hải thành lập một đơn vị hành chính mới là phường Đông Sơn, tiểu khu Quang Trung thành phường Ngọc Trạo; chia xã Đông Hải

thành xã Đông Hải và phường Đông Sơn⁶. Thị xã Thanh Hóa có 8 phường và 5 xã. Ngày 5-5-1991, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 132/HĐBT về phân loại đô thị, thị xã Thanh Hóa được xếp vào đô thị loại IV. Ngày 14-8-1993, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra Quyết định 214-BXD/ĐT công nhận thị xã Thanh Hóa là đô thị loại III.

Ngày 1-5-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 37/CP thành lập thành phố Thanh Hóa thuộc tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở thị xã Thanh Hóa. Thành phố có các đơn vị cơ sở, diện tích, dân số và địa giới của thị xã Thanh Hóa cũ. Ngày 28-6-1994, Chính phủ ra Nghị định số 55/CP thành lập phường Đông Thọ, phường Đông Vệ và chia phường Nam Ngạn thành 2 phường: phường Trường Thi và phường Nam Ngạn. Ngày 6-12-1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 85/CP điều chỉnh địa giới thành phố Thanh Hóa, sáp nhập xã Đông Cương thuộc huyện Đông Sơn; hai xã Quảng Thành, Quảng Hưng và 49,03ha đất của xã Quảng Thịnh thuộc huyện Quảng Xương vào thành phố. Sau khi điều chỉnh địa giới, thành phố có diện tích tự nhiên 5.857ha và 169.003 nhân khẩu; gồm 17 đơn vị hành chính (11 phường và 6 xã).

Ngày 14 tháng 4 năm 2002, Chính phủ ra Nghị định số 44/CP chia tách phường Phú Sơn thành 2 phường: Phú Sơn và Tân Sơn. Ngày 29 - 4 - 2004, nhân dịp kỷ niệm 200 năm đô thị tỉnh lỵ và 10 năm thành lập thành phố, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 72/2004/QĐ-TTg công nhận thành phố Thanh Hóa là đô thị loại II trực thuộc tỉnh, gồm 18 đơn vị hành chính (12 phường, 06 xã).

Đến năm 2010, thành phố có diện tích tự nhiên 57,89km², với số dân đô thị là 270.000 người, bao gồm 18 phường, xã. Ngày 29/02/2012, Chính phủ ban hành Nghị quyết 05/NQ-CP “Về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Hoằng Hóa, Thiệu Hóa,

⁶ Phường Đông Sơn gồm khu dân cư Lai Thành của tiểu khu Hoàng Hoa Thám và phần đất tách ra từ xã Đông Hải mà thành.

Đông Sơn và Quảng Xương để mở rộng địa giới hành chính thành phố Thanh Hóa và thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 01/7/2012 chính thức 19 phường, xã (An Hoạch, Tào Xuyên, Hoằng Anh, Hoằng Lý, Hoằng Long, Hoằng Quang, Hoằng Đại, Thiệu Dương, Thiệu Khánh, Thiệu Vân, Đông Lĩnh, Đông Tân, Đông Hưng, Đông Vinh, Quảng Thịnh, Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Tâm và Quảng Cát) sáp nhập về thành phố. Sau sáp nhập thành phố có diện tích là 146,77km² với 37 phường, xã gồm 14 phường và 23 xã, tổng số dân của thành phố là 393.294 người.

Ngày 19 tháng 8 năm 2013, theo Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ, quyết định thành lập các phường: Đông Cương, Đông Hương, Đông Hải, Quảng Hưng, Quảng Thành, Quảng Thắng thuộc thành phố Thanh Hóa trên cơ sở các xã tương ứng. Ngày 29 tháng 4 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 636/QĐ-TTg công nhận thành phố Thanh Hóa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa. Ngày 16 tháng 10 năm 2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 12 năm 2019). Theo đó, sáp nhập xã Đông Hưng và phường An Hoạch để thành lập phường An Hưng. Sáp nhập xã Hoằng Lý vào phường Tào Xuyên. Sáp nhập xã Hoằng Anh và xã Hoằng Long thành xã Long Anh. Sau sáp nhập, thành phố Thanh Hóa từ 37 phường, xã còn 34 phường, xã với 20 phường và 14 xã.

Ngày 9 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 1108/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2021). Theo đó, chuyển 10 xã: Đông Lĩnh, Đông Tân, Long Anh, Quảng Cát, Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Tâm, Quảng Thịnh, Thiệu Dương, Thiệu

Khánh thành 10 phường có tên tương ứng. Lúc này, trong 34 đơn vị hành chính của thành phố có 30 phường và 04 xã là Thiệu Vân, Hoằng Đại, Hoằng Quang và Đông Vinh, dân số hơn 400.000 người.

Cách đây 218 năm, vào năm Giáp Tý 1804, vua Gia Long đã ban chỉ dụ thành lập trấn thành Thanh Hóa. Đó là sự kiện lịch sử quan trọng, đặt dấu mốc của quá trình hình thành, phát triển, trưởng thành của thành phố Thanh Hóa trong vai trò là đô thị tỉnh lỵ của vùng đất “địa linh nhân kiệt” với quá khứ hào hùng và một bề dày lịch sử, văn hóa rất đáng tự hào. Với sự cần cù lao động, sáng tạo và khối óc thông minh cùng tinh thần quả cảm, luôn biết vượt qua mọi nghịch cảnh để đấu tranh, xây dựng, bồi đắp cho quê hương của các thế hệ người dân thành phố Thanh Hóa. Hơn hai thế kỷ qua, thành phố Thanh Hóa đã có nhiều đổi thay hết sức ấn tượng và đáng tự hào. Từ một vùng đất còn nhiều hoang sơ và hết sức lạc hậu, thậm chí có thời điểm hầu như bị san phẳng nhưng với bàn tay, khối óc và ý chí kiên cường của lớp lớp người dân thành phố mà chúng ta có được một thành phố khang trang, bề thế, văn minh, hiện đại như ngày hôm nay.

Có được thành quả tốt đẹp, rực rỡ đó là biết bao mồ hôi, nước mắt và máu xương đã rơi xuống thấm vào từng mảnh ruộng, dòng sông, hàng cây, từng góc phố, căn nhà... của cư dân thành phố. Tất cả đều gợi nhớ đến một thời gian nan, vất vả nhưng hào hùng của người dân thành phố. Trách nhiệm của từng công dân thành phố ngày hôm nay là chung sức, đồng lòng quyết tâm xây dựng thành phố ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn, góp phần cùng toàn tỉnh xây dựng Thanh Hóa thành “tỉnh kiểu mẫu” như Bác Hồ lúc sinh thời hằng mong muốn.

BÀI 2

BÀI 2

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ, VĂN HÓA THÀNH PHỐ

I. KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ ĐẤU TRANH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC Ở THÀNH PHỐ THANH HÓA TỪ THẾ KỶ I TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỶ XIX

1. Thời kỳ chống Bắc thuộc từ thế kỷ I trước công nguyên đến thế kỷ X

1.1. Tình hình kinh tế, xã hội dưới ách cai trị của phong kiến phương Bắc.

Năm 179 TCN, nước Âu Lạc của vua Thục bị một viên quan lại của nhà Tần là Triệu Đà xâm lược. Lãnh thổ và cư dân quốc gia Văn Lang - Âu Lạc thời các vua Hùng, vua Thục trong đó có Cửu Chân bị thôn tính, sáp nhập vào nước Nam Việt. Năm 111 TCN, nhà Hán chinh phục Nam Việt và chia thành 9 quận, trong đó nước Âu Lạc cũ trở thành 2 quận là Giao Chỉ và Cửu Chân, vùng đất Thanh Hóa nằm gọn trong quận Cửu Chân. Năm Nguyên Phong thứ 5 (năm 106 trước Công nguyên), Nhà Hán lấy 7 quận lục địa đặt thành Giao Chỉ bộ, trị sở đặt tại Mê Linh, quận lớn nhất và quan trọng nhất là quận Cửu Chân. Trải qua hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc, qua các triều đại Hán - Tam Quốc, Lương - Tấn - Tiền Tống - Tề - Lương - Tùy - Đường, địa danh của miền đất này cũng bao lần thay đổi theo sự thăng trầm của lịch sử. Cùng với số phận chung của cả nước, nhân dân Cửu Chân chịu cảnh sống lầm than cơ cực vì chính sách cai trị hà khắc, bóc lột, vơ vét nặng nề của bộ máy thống trị. Phương

thức bóc lột chủ yếu là cống nạp sản phẩm quý hiếm của địa phương và tô thuế.

Vào cuối giai đoạn Văn hóa Đông Sơn, cùng với sự tăng trưởng của dân số, cư dân thành phố Thanh Hóa đã mở rộng địa bàn cư trú, mật độ dân cư ngày càng cao đặc biệt là vùng lưu vực sông Mã. Điều này, được phản ánh qua di chỉ khảo cổ học Đông Sơn muộn như ở Thiệu Dương (nay là phường Thiệu Dương), làng Đông Sơn (phường Hàm Rồng)...

Qua các nguồn tư liệu cổ, khai quật khảo cổ học và truyền thuyết dân gian, các nhà khoa học đã khẳng định: Đặc trưng của Văn minh Văn Lang là nền nông nghiệp trồng lúa nước. Cùng với sự phát triển của kỹ thuật luyện kim, nền nông nghiệp dùng cày và sử dụng sức kéo ở Cửu Chân đã xuất hiện từ thời Tây Hán, mặc dù vậy, sản xuất nông nghiệp vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu lương thực cho Nhân dân. Vào những thế kỷ sau, cùng với sự phát triển của nghề luyện sắt, sản xuất nông nghiệp ở Cửu Chân có bước phát triển đáng kể, việc khai hoang, mở rộng diện tích được dễ dàng, năng suất lao động cao hơn, hệ thống thủy nông dần được hình thành và phát triển, cùng với việc áp dụng kỹ thuật bón phân kết hợp với thâm canh lúa hai vụ, đã làm tăng sản lượng lương thực, đời sống cư dân được cải thiện đáng kể. Từ thời Lương Tấn đến thời Tùy, Đường, tình hình sản xuất nông nghiệp ở Cửu Chân có phần sa sút do chiến tranh loạn lạc triền miên, đồng đất bị bỏ hoang, cư dân ly tán, sản xuất bị đình trệ nghiêm trọng, thêm vào đó là chính sách tô thuế nặng nề của Nhà Đường cũng kìm hãm sự phát triển của sản xuất. Bên cạnh nghề trồng lúa nước là nghề canh tác chính, cư dân Cửu Chân còn phát triển các nghề thủ công, chăn nuôi và làm vườn. Nghề luyện kim trên địa bàn thành phố Thanh Hóa từ thế kỷ I đến thế kỷ X có sự phát triển vượt bậc, kỹ thuật rèn sắt phát triển cực thịnh, minh chứng được khẳng định qua

hàng loạt trống đồng, dụng cụ sản xuất, vũ khí, đồ trang sức... được tìm thấy ở một số di chỉ thuộc giai đoạn văn hóa Đông Sơn trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Người Cửu Chân đã biết đến nghề dệt từ rất sớm, minh chứng đã tìm thấy những mảnh vải lụa in đồ đồng và một số dọi xe sợi ở các di chỉ khảo cổ học Đông Sơn (làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng); di chỉ Thiệu Dương (phường Thiệu Dương). Nghề dệt không chỉ đóng vai trò quan trọng trong đời sống người dân Cửu Chân, còn là vật phẩm cống nạp cho các triều đại phong kiến phương Bắc. Do sự phát triển của nông nghiệp, thủ công nghiệp, việc giao lưu buôn bán ở Cửu Chân cũng được mở rộng và hình thành các trung tâm buôn bán, trong đó Thành Tư Phố (thuộc làng Giàng, Thiệu Dương, TP Thanh Hóa ngày nay).

Mười thế kỷ chống Bắc thuộc, cùng với đấu tranh giành độc lập cũng là mười thế kỷ đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa tinh thần của Nhân dân ta chống lại sự đồng hóa của văn hóa Trung Hoa. Từ năm 43 đầu Công Nguyên, yếu tố văn hóa Hán bắt đầu thâm nhập trong phong tục, tập quán, thiết chế xã hội, cũng như trong hệ tư tưởng ở nước ta. Trên địa bàn của vùng đất thành phố Thanh Hóa lúc bấy giờ, nho giáo và đạo giáo được truyền bá vào từ rất sớm, từ thế kỷ I, quan lại người Hán đã cho mở các trường học ở Tư Phố (Thiệu Dương, TP Thanh Hóa), đối tượng đào tạo chủ yếu là con em quan lại người Việt và số ít tầng lớp trên nhằm đào tạo đội ngũ quan lại địa phương phục vụ cho chính quyền đô hộ. Đến thời kỳ đô hộ của Nhà Tùy, nhà Đường, nho học phát triển cực thịnh, chế độ thi cử đóng vai trò quan trọng trong tuyển chọn người làm quan trong bộ máy cai trị.

Như vậy, hơn một nghìn năm Bắc thuộc cư dân Thanh Hóa nói chung trong đó cư dân thành phố Thanh Hóa ngoài việc tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, đồng thời

vẫn bảo tồn, nuôi dưỡng văn hóa bản địa, văn hóa truyền thống, với những tập tục lâu đời thể hiện trong đời sống văn hóa tinh thần như các mối quan hệ của người cùng huyết tộc, cùng địa vực sinh sống, tình làng, nghĩa xóm. Tục thờ cúng tổ tiên, người có công với cộng đồng... vẫn được bảo vệ và giữ một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội.

1.2. Những cuộc đấu tranh chống ách nô dịch của ngoại bang

Trong hơn một nghìn năm chống ách nô dịch của ngoại bang phương Bắc, vùng đất quận Cửu Chân đã trở thành địa bàn diễn ra nhiều cuộc nổi dậy chống kẻ thù xâm lược, góp phần vào phong trào đấu tranh giành độc lập tự chủ của dân tộc.

Mở đầu phong trào, Nhân dân Thanh Hóa đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng nổ ra vào những năm 40 - 43. Sau khi đàn áp xong các căn cứ của nghĩa quân Hai Bà Trưng ở Lãng Bạc, Cẩm Khê, tháng 11 năm 43, Mã Viện đã đem 2.000 chiến thuyền và hai vạn quân tiến vào vùng đất Cửu Chân (Thanh Hóa) nhằm tiêu diệt lực lượng của cuộc khởi nghĩa do Chu Bá lãnh đạo. Trên vùng đất Cửu Chân, Nhân dân khắp nơi đã nổi dậy chống lại quân Mã Viện. Các trận đánh của quân khởi nghĩa ở thành Tư phố (thuộc phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa ngày nay) đã diễn ra quyết liệt, nhưng thế giặc mạnh, cuối cùng các trận đánh của nghĩa quân đều thất bại.

Năm 248, vì căm giận sự bạo tàn của giặc Ngô, Triệu Quốc Đạt (là một huyện lệnh) đã cùng với em gái mình là Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) chiêu tập trai tráng, chuẩn bị lương thảo để dựng cờ khởi nghĩa. Giữa lúc cuộc khởi nghĩa được bắt đầu tiến hành thì Triệu Quốc Đạt bị bệnh qua đời, Bà Triệu được toàn thể tướng sỹ tin tưởng nhất trí bầu làm chủ tướng của cuộc khởi nghĩa. Sau một vài cuộc đánh nhỏ với quân Ngô ở gần căn cứ núi Nưa (huyện Triệu Sơn), Bà Triệu đã quyết định tấn công

thành Tư Phố - trung tâm đầu não của chính quyền đô hộ, cuộc tấn công đã nhận được sự hưởng ứng và ủng hộ của Nhân dân và giành thắng lợi, đã làm cho kẻ thù khiếp sợ. Để gây thanh thế cho cuộc khởi nghĩa, Bà Triệu đã phối hợp với các phong trào nổi dậy của đồng bào ở miền xuôi, điển hình là cuộc nổi dậy của ba anh em họ Lý ở Bồ Điền (tức Phúc Điền, huyện Hậu Lộc). Bà Triệu đã chọn Bồ Điền - Tùng Sơn làm căn cứ mạnh để chống giặc ở phía Bắc nên đã tập trung xây dựng ở đây những đồn lũy kiên cố. Từ căn cứ Bồ Điền, Bà Triệu đã tấn công các thành ấp và phát triển cuộc khởi nghĩa lan rộng ra tận vùng Giao Chỉ, kéo dài vào tận Nhật Nam đã khiến cho “*toàn thể Giao Châu chấn động*”.

Đứng trước nguy cơ tan rã của chính quyền đô hộ ở Giao Châu, nhà Ngô đã phải cử viên tướng Lục Dận làm Thứ sử Giao Châu, chức An Nam hiệu úy, đem 8.000 quân sang Giao Châu đàn áp khởi nghĩa của Nhân dân ta. Lục Dận đã đem một lượng quân lớn vào Cửu Chân đàn áp cuộc khởi nghĩa. Tại căn cứ Bồ Điền đã diễn ra khoảng 30 trận đánh lớn, nhỏ, do không được các phong trào khác hỗ trợ, nghĩa quân Bà Triệu không chống được sức mạnh của quân Ngô, Bà Triệu đã anh dũng hy sinh vào ngày 22 tháng 2 năm 248 (Mậu Thìn), cuộc khởi nghĩa thất bại.

Năm 589 Nhà Tùy thống nhất Trung Quốc, chia lại quận, huyện ở Trung Nguyên và các vùng đất bị đô hộ. Quận Cửu Chân được chia thành 7 huyện. Cửu Chân thời bấy giờ không gọi là quận nữa mà gọi là huyện. Huyện Cửu Chân mới được thành lập tại Đông Phố (thuộc Đông Hòa, huyện Đông Sơn ngày nay).

Năm 905, nhân cơ hội nhà Đường ở Trung Quốc suy sụp, Khúc Thừa Dụ - một hào trưởng ở đất Hồng Châu (Hải Dương

ngày nay) đã tiến quân ra chiếm đóng phủ Tống Bình (vùng Hà Nội ngày nay), tự xưng là Tiết độ sứ, mở đầu thời kỳ độc lập, tự chủ sau hơn 1.000 năm Bắc thuộc.

Năm 930, quân Nam Hán xâm lược nước ta và bắt được Khúc Thừa Mỹ. Sau khi chính quyền họ Khúc bị sụp đổ, kế nghiệp họ Khúc, Dương Đình Nghệ đã về làng Giàng (tên chữ là làng Dương Xá, nay thuộc phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa), quê hương ông để xây dựng lực lượng kháng chiến. Làng Giàng đã trở thành trung tâm tập hợp lực lượng kháng chiến của cả nước, thu hút hào trưởng các nơi về, như: Ngô Quyền từ Đường Lâm (Sơn Tây), Đinh Công Trứ từ Trường Châu (Ninh Bình), Phạm Cự Lạng từ Hồng Châu (Hải Dương),... đưa lực lượng của mình tập hợp dưới ngọn cờ thống lĩnh của Dương Đình Nghệ. Vốn là một nha tướng của họ Khúc, Dương Đình Nghệ là một hào trưởng giàu có, ông đã chiêu mộ được 3.000 người và quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược. Tháng 3 năm 931, Dương Đình Nghệ đã đem lực lượng của mình tiến quân ra Bắc (vùng Hà Nội) đánh đuổi quân Nam Hán. Để đối phó với Dương Đình Nghệ, triều đình Nam Hán tức tốc phái Thừa chỉ Trình Bảo dẫn quân sang cứu viện, nhưng viện binh chưa kịp đến thì Dương Đình Nghệ đã đánh chiếm được thành Đại La. Lý Tiến trốn về Quảng Châu, Trình Bảo đem viện binh của quân Nam Hán sang định giải vây thành Đại La, nhưng bị quân ta tiêu diệt.

Sau khi giành lại được quyền độc lập tự chủ, Dương Đình Nghệ lên cầm quyền và tự xưng là Tiết độ sứ, khôi phục nền tự chủ do họ Khúc mở ra, Đinh Công Trứ (cha của Đinh Bộ Lĩnh) giữ chức Thứ sử Hoan Châu (Nghệ An); Ngô Quyền là con rể của Dương Đình Nghệ giữ chức Thứ sử Ái Châu (Thanh Hóa), đây là đất căn bản của chính quyền họ Dương. Tháng 4 năm 937, Dương Đình Nghệ bị bộ tướng là Kiều Công Tiễn sát hại để

đoạt chức Tiết độ sứ. Kiều Công Tiễn cầu cứu và rước quân Nam Hán về bảo vệ quyền lợi ích kỷ của dòng họ mình. Quân Nam Hán mượn cớ xâm lược nước ta, vùng đất Thanh Hóa trong đó có cư dân các làng Đại Khối, Đông Sơn, Đông Tác (thành phố Thanh Hóa), thời bấy giờ đã góp phần mình vào sự nghiệp chống ngoại xâm, không để cho giặc phương Bắc xâm lược đồng hóa, mà ngược lại đã Việt hóa những kẻ di dân hàng loạt xuống phương Nam, đất Thanh Hóa nói chung và địa bàn thành phố Thanh Hóa một lần nữa trở thành trung tâm hội tụ sức mạnh của cả dân tộc đứng lên chống giặc, bảo vệ quyền tự chủ và giành lại nền độc lập cho Tổ quốc.

2. Thời kỳ từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIX

2.1. Thời Ngô - Đinh - Tiền Lê (938-1009)

Mùa đông năm 938, Ngô Quyền đem quân đội Cửu Chân tiến ra Bắc tiêu diệt Kiều Công Tiễn - kẻ phản bội họ Dương ở Đại La (Hà Nội ngày nay). Sau khi diệt trừ được Kiều Công Tiễn, Ngô Quyền đã chỉ huy lực lượng và lãnh đạo Nhân dân ta đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, chính thức kết thúc hơn một ngàn năm Bắc thuộc, mở ra kỷ nguyên độc lập thực sự và lâu dài của dân tộc Việt Nam. Sau chiến thắng này, ông xưng vương và lập ra nhà Ngô. Năm 944, Ngô Quyền mất. Sau đó, đã xảy ra sự tranh chấp quyền lực giữa Dương Tam Kha (con trai của Dương Đình Nghệ) với các con của Ngô Quyền. Từ năm 966, đất nước ta hình thành 12 xứ quân cát cứ. Thời kỳ này, Cửu chân nằm trong vòng kiểm soát của Đinh Bộ Lĩnh ở miền Đông và Ngô Xương Xí (cháu nội Ngô Quyền), ở Bình Kiều (vùng đất Triệu Sơn ngày nay) tức vùng đất phía tây Châu Ái.

Năm 979 - 980, Lê Hoàn trấn áp xong quân chống đối của Nguyễn Bặc và Đinh Điền ở vùng sông Tống (vùng đất huyện

Hà Trung ngày nay), tháng 7 năm 980 (Canh Thìn) Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế, hiệu là Lê Đại Hành, là vị vua đầu tiên của Nhà Tiền Lê. Năm 981, ông đánh tan quân xâm lược nhà Tống, và năm 982 đánh thắng quân Chiêm Thành. Năm 982, nhà vua cho nạo vét các sông ngòi, đào kênh nối liền hệ thống sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Bạng cho đến vùng đất tỉnh Nghệ An ngày nay, thành một đường giao thông thuận tiện đầu tiên ở Cửu Chân và ở cả đất nước Đại Cồ Việt.

2.2. Thời Lý - Trần - Hồ

Trong suốt gần 4 thế kỷ dưới các triều đại Lý - Trần - Hồ, với vị trí phen dậu phía Nam của Tổ quốc, quân dân Thanh Hóa nói riêng, nhân dân trên địa bàn thành phố Thanh Hóa xưa đã nhiều lần cùng với quân dân cả nước đánh lui các cuộc xâm lấn của Chiêm Thành và Chân Lạp.

Năm 1010, Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, dời đô từ Hoa Lư - Ninh Bình ra Đại La (tức Thăng Long, Hà Nội ngày nay), Châu Á trở thành vùng đất xa trung tâm chính trị của đất nước, sau đó là một phủ của quốc gia Đại Việt. Hơn hai thế kỷ tồn tại của Vương triều Lý, các vua Nhà Lý đã đặc biệt quan tâm đến vùng đất Thanh Hóa, coi đây là vùng đất phen dậu và đẩy mạnh công cuộc xây dựng trên quy mô lớn về mọi mặt. Nhà Lý đã cử các đại thần như Lý Thường Kiệt, Chu Công, Phạm Tín, Đỗ Nguyên Thiện, Lương Cái, Dương Chương coi giữ miền đất quan trọng này. Trong các đời vua Lý Thái Tổ (1010-1028), Lý Thái Tông (1028-1054), Thanh Hóa lại trở thành hậu phương an toàn cho những lần hành binh về phương Nam. Trong thời nhà Lý cho thấy vùng đất Thanh Hóa cũng như cả vùng phen dậu phía Nam của Đại Việt có tầm quan trọng hết sức đặc biệt cho sự hưng vong của đất nước.

Năm 1225, Nhà Trần thay thế Nhà Lý, vào lúc các dân tộc châu Á và châu Âu đang đứng trước một mối đe dọa cực kỳ nguy hiểm đó là nạn xâm lược, bành trướng dữ dội của đế quốc Mông Cổ. Ở Thanh Hóa, nhà Trần đặt các chức An Phủ, Chánh Phủ, hai viên Chánh phó để cai trị. Đặc biệt hơn, vào năm 1234 vua Trần đã cử Trần Thủ Độ, một nhà chính trị xuất sắc - người có công sáng lập và củng cố vương triều Trần (1225-1400), giữ chức “*Thống quốc Thái Sư, tri Thanh Hóa phủ sự*” và năm 1238 “*duyet số dinh ở Thanh Hóa*”. Chính vào thời điểm này (1267), Trần Nhật Duật (là con thứ 6 của Vua Trần Thái Tông) được phong làm Chiêu Văn Vương và sau đó được lập điền trang ở phía Nam Thanh Hóa. Ông đã chọn vùng sông Lý, núi Ngọc thuộc hương Ngọc Sơn để xây dựng phủ đệ theo quy định “*kiến ấp phong vương*” của nhà Trần.

Sau Hội nghị Bình Than 1282, hòa chung với phong trào cả nước, không khí đánh giặc của quân dân Thanh Hóa diễn ra khẩn trương, sôi nổi. Cùng với quân đội triều đình, dân binh các làng xã ở Thanh Hóa liên tiếp đón đánh địch ở khắp nơi. Nêu cao ý chí “Sát thát”, năm 1284 thầy giáo Chu Văn Lương, ở làng Nam Ngạn (thuộc phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa ngày nay) hăng hái đứng ra chiêu mộ dân binh, ngày đêm luyện tập góp sức cùng quân dân nước Đại Việt đánh thắng giặc Mông - Nguyên.

Đầu năm 1285, kháng chiến chống Mông Nguyên lần thứ 2, ở Thanh Hóa, quân đội nhà Trần do Trần Kiên, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải chỉ huy chống giữ cầm chân giặc, ở các điểm Yên Duyên (xã Quảng Hùng), núi Đá Chẹt (Quảng Lĩnh), Văn Trinh (Quảng Hợp), Bồ Vệ (thành phố Thanh Hóa): Toa Đô tiến được ra sông Hồng thì Hưng Đạo Vương lại đem vua Trần rút vào Thanh Hóa (ở các vùng Nga Sơn, Hà Trung, Thạch Thành ngày nay) để bảo toàn đầu não. Sau khi chuẩn bị

lực lượng, tháng 5 năm 1285, từ Thanh Hóa, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã cùng các đạo quân của mình tiến ra Bắc, bất ngờ tấn công quyết liệt vào các căn cứ phòng thủ của địch ở phía Nam Thăng Long. Những chiến công vang dội ở Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết... quét sạch quân xâm lược Mông Nguyên lần thứ 2, vùng đất Thanh Hóa không chỉ là hậu phương cung cấp nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến mà có lúc từng là trung tâm đầu não bộ chỉ huy của vua Trần, từng có lúc là chiến trường ác liệt, sinh tử đối với công cuộc phòng thủ đất nước. Kênh Bồ Vệ (phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa ngày nay) còn ghi dấu cuộc chiến đấu quyết liệt do Trần Nhật Duật chỉ huy chống quân Mông Nguyên xâm lược ở thế kỷ XIII, ca khúc khải hoàn, trăm họ được bình an, đất nước “ngàn thuở vững âu vàng”.

Có thể thấy rằng, Thanh Hóa và địa bàn thành phố Thanh Hóa dưới thời Trần vừa là tiền tuyến vừa là hậu phương của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông được nhà Trần gửi gắm niềm tin. Vua Trần Nhân Tông đã viết về tình hình lúc bấy giờ:

*"Cối kê cứu sự quân tu kỹ
Hoan Ái do tôn thập vạn binh"
(Cối Kê việc cũ người nên nhớ
Hoan Ái hãy còn mười vạn binh).*

Năm 1400, Triều Hồ thay thế triều Trần vào lúc mâu thuẫn xã hội trong nước vẫn tiếp tục diễn ra gay gắt và thêm vào đó, âm mưu xâm lược của Nhà Minh ngày càng đè nặng lên đất nước. Hồ Quý Ly và triều Hồ cũng kiên quyết chủ trương chống giặc Minh, bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền quốc gia. Nhà Hồ xây dựng phòng tuyến sông Hồng, có thuyền cổ lâu và súng thần công tối tân; Ông còn cho

giăng lưới sắt tại các cửa biển lớn. Năm 1406, lấy danh nghĩa “phù Trần diệt Hồ”, Nhà Minh huy động vạn quân xâm lược nước ta. Sau một năm chiến đấu ngoan cường nhưng thất bại, năm 1407, nhà Hồ và nước Đại Ngu mất vào tay quân xâm lược nhà Minh.

2.3. Thời Hậu Lê (1428-1789)

Mùa xuân, tháng Giêng ngày mùng 2 năm Mậu Tuất (1418), Lê Lợi cùng với những người tài giỏi trong cả nước khởi nghĩa ở Mường Chính (nay là huyện Lang Chánh) tiến về Khả Lam (tức Lam Sơn) bắt đầu cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh (Trung Quốc) giải phóng đất nước. Lê Lợi xưng là Bình Định Vương, người hương Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân). Bình Định Vương chiến đấu ở Thanh Hóa 6 năm, các trận đánh lớn diễn ra ở Lam Sơn, Mường Một (vùng Bát Một, huyện Thường Xuân ngày nay), Mường Chính, Bến Bồng (vùng thượng du sông Âm), Ba Lầm (vùng Chiềng Lầm, huyện Bá Thước ngày nay), Kinh Lộng (vùng Cổ Lũng, huyện Bá Thước), Úng Ải (vùng đèo Thiết Ống, huyện Bá Thước), Sách Khôi (ở khoảng giữa huyện Bá Thước và huyện Hoàng Long - Ninh Bình và huyện Thạch Thành - Thanh Hóa), Đa Căng (vùng Thọ Nguyên, Thọ Xuân), có trận phía địch có tới 10 vạn quân như ở Kinh Lộng. Mùa đông năm 1424, Bình Định Vương tiến quân vào Nghệ An theo kế sách của Nguyễn Chích. Mùa thu năm 1426, quân khởi nghĩa tiến ra Bắc bao vây Đông Quan. Ngày 17 tháng 9 năm Bính Ngọ (1426), Bình Định Vương đến Lỗi Giang (vùng đất các huyện Thạch Thành, Vĩnh Lộc ngày nay) chỉ huy bao vây Tây Đô. Cuối năm 1426, Bình Định Vương ra Bắc chỉ huy giải phóng các miền đất Giao Chi (Bắc Bộ ngày nay), và vây hãm thành Đông Quan. Ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi (1427), Hội thề

Đông Quan được tổ chức. Vương Thông cam kết rút quân về nước, lần đầu tiên trong lịch sử, quân dân ta buộc tướng lĩnh “*Thiên Triều*”, phải rút quân về nước. Ngày 19 tháng 12 năm 1427 (12 tháng 2 năm Đinh Mùi), 10 vạn quân Minh cùng Vương Thông được Lê Lợi cấp hàng trăm chiến thuyền, hàng nghìn con ngựa cùng với lương thực rút về nước. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trải qua 10 năm đầy hy sinh, gian khổ và kết thúc thắng lợi, huy hoàng. Trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1428) chống quân Minh xâm lược, trên địa bàn Thành phố, có những gia đình đi theo Lê Lợi ngay từ những ngày đầu như cha con Nguyễn Truyền, gia đình Lê Chí Quyền ở làng Lai Thành (Đông Hải), vợ chồng ông Lê Thành ở làng Định Hòa (xã Đông Cương) - một vị công thần được triều Lê ban quốc tính.

Ngày 29 tháng 4 năm 1428 (ngày 16 tháng 4 năm Mậu Thân), Lê Lợi chính thức lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Thuận Thiên, vương triều Hậu Lê chính thức được thành lập. Chia cả nước làm 3 đạo hành chính lớn, Thanh Hóa thuộc đạo Hải Tây trong số các trấn ven biển Tây Đô.

Nước Đại Việt sau 5 thế kỷ (thế kỷ X đến thế kỷ XV) giành và giữ vững độc lập, mở ra một triều đại mới, phát triển cực thịnh nhất là vào thời kỳ cai trị của vua Lê Thánh Tông, Nhân dân ấm no, sung túc.

2.4. Thời Tây Sơn và Thời Nguyễn

*** Thời Tây Sơn**

Cuối năm 1788, vận mệnh dân tộc ta đứng trước một thử thách cực kỳ nguy nan. Triều đình Nhà Lê với sự phân bội của Lê Duy Kỳ (Chiêu Thống), mấy chục vạn quân xâm lược Mãn Thanh đã tràn vào xâm lược nước ta.

Đề quét sạch quân xâm lược Mãn Thanh ra khỏi bờ cõi, ngày 20 tháng 11 năm Mậu Thân 1788, đại quân Tây Sơn do vua Quang Trung thống lĩnh từ Phú Xuân tiến ra Bắc. Khi qua Nghệ An, Thanh Hóa, Quang Trung đã tuyển thêm được hơn 8 vạn quân lính và tổ chức duyệt binh ở làng Thọ Hạc (thuộc phường Đông Thọ). Trên địa bàn thành phố Thanh Hóa lúc bấy giờ rất nhiều người tham gia nghĩa quân, đứng dưới lá cờ Quang Trung - Nguyễn Huệ nô nức lên đường đánh giặc.

*“Thùng thùng, trống đánh quân sang
Chợ Ra trước mặt. Quán Nam bên đường
Qua Chiềng thì rẽ sang Giàng
Qua quán Đông Thổ vào làng Đình Hương
Anh đi theo chúa Tây Sơn
Em về cày cuốc mà thương mẹ già”.*

Đêm giao thừa ngày 30 tháng chạp (25-1-1789), trận tiêu diệt đồn Gián Khẩu mở màn cho cuộc tập kích chiến lược. Sau 5 ngày đêm hành quân thần tốc và chiến đấu cực kỳ mưu trí, dũng cảm với khí thế áp đảo quân thù, quân Tây Sơn bằng chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa vào sáng ngày mùng 5 tết mùa xuân Kỷ Dậu năm 1789 đã quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi. Sau khi đánh bại quân Thanh, Quang Trung lên ngôi Hoàng Đế.

*** Thời Nhà Nguyễn (1802 - 1945)**

Nguyễn Ánh được sự trợ giúp mạnh mẽ của người Pháp xây dựng lực lượng đem quân đánh lại nhà Tây Sơn. Năm 1802, nhà Tây Sơn bị đánh bại, Nguyễn Ánh lên Ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Gia Long, mở đầu cho Triều Nguyễn trị vì đất nước ta từ năm 1802 đến năm 1945.

Thanh Hóa là đất tổ của nhà Nguyễn, cho nên sau kinh thành Huế, Thanh Hóa đặc biệt được chú trọng. Nhà Nguyễn coi viên quan tổng đốc quản trị Thanh Hóa ngang với chức thượng thư trong triều đình và phải là một vị hoàng thân mới được làm tổng đốc tỉnh Thanh Hóa.

Đặc biệt, triều đình ra lệnh không được đào bới khai mả gì ở Thanh Hóa sợ rằng xúc phạm đến oai linh của xứ sở. Nhà Nguyễn xây lăng tổ khai sáng ở Triệu Tường (xã Hà Long, huyện Hà Trung), thành Triệu Tường lớn thứ 2 sau thành Thanh Hóa, chu vi 182 trượng (1 trượng = 4m), để tỏ lòng kính ngưỡng nhà Lê, dựng đền thờ các vua Lê ở Kiều Đại (thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa), hằng năm cất cử các quan lại thay mặt nhà vua cúng tế và tổ chức phòng thủ ở Thanh Hóa rất hùng mạnh gồm một hệ thống 11 đồn binh có quân chính qui trấn giữ 7 bảo súng (pháo đài), 1 đồn thủy với 44 khẩu đại bác (súng thần công) mỗi đợt tuyển quân lấy của Thanh Hóa hơn 7.000 người.

Ngày 25/11/1885, quân xâm lược Pháp lần đầu tiên tiến công Thanh Hóa. Trước đó, ngày 5 tháng 7, Tôn Thất Thuyết cùng vua Hàm Nghi tuyên bố chọn Thanh Hóa làm thủ phủ kháng chiến, nên tinh thần Cần Vương của quân dân Thanh Hóa rất sôi sục. Vùng rừng núi Thanh Hóa được xây dựng những sơn phòng tích trữ tiền của, lương thảo để chuẩn bị đánh giặc. Ba tháng sau (12/3/1886), nghĩa quân Cần Vương đã tiến đánh quân Pháp đóng ở thành Thanh Hóa. Mùa hè năm 1886, nghĩa quân lập bộ chỉ huy kháng chiến toàn Thanh Hóa do Tổng Duy Tân đứng đầu và lập chiến khu ở Ba Đình (Nga Sơn). Từ 18/12/1887, chiến sự dữ dội nhất giữa quân Việt Nam và Pháp đã nổ ra ở Ba Đình. Quân Pháp phải tập trung trên địa bàn một số xã ở đây lượng binh lính lớn nhất so với toàn quốc (6.000 người trong một trận) để chiến đấu

và bị thiệt hại nặng nề. Cuối cùng vì không được tiếp ứng như kế hoạch dự kiến, nghĩa quân do Đinh Công Tráng chỉ huy đã rút lui an toàn khỏi các chiến lũy. Ngày nay quảng trường trọng đại nhất của đất nước mang tên chiến khu này, đó là Quảng trường Ba Đình lịch sử ở Thủ đô Hà Nội. Các cuộc chiến đấu chống quân đội Pháp ở Thanh Hóa đến giữa năm 1895 mới chấm dứt cùng với hàng ước của nhà Nguyễn. Thanh Hóa và các tỉnh miền Trung Việt Nam vẫn nằm trong nền độc lập hạn chế của nhà Nguyễn không bị Pháp cai trị trực tiếp. Năm 1899 thực dân Pháp quyết định thành lập thị xã Thanh Hóa và trực tiếp cai quản, kể từ đây thị xã Thanh Hóa nằm dưới sự cai quản trực tiếp của chính quyền thực dân. Thanh Hóa bắt đầu hình thành xã hội phong kiến nửa thuộc địa.

Cuối thế kỷ XIX, Tả dực đô thống Trần Xuân Soạn, quê ở ngõ Sùng làng Thọ Hạc được Điện tiền Thượng tướng quân Tôn Thất Thuyết cử ở lại Thanh Hóa chỉ đạo phong trào Cần Vương chống Pháp thời kỳ 1885-1895. Ông đã xây dựng làng Thọ Hạc thành căn cứ hậu cần của nghĩa quân Cần Vương. Sau cuộc tập kích Hạc Thành của nghĩa quân Cần Vương đêm 11 rạng sáng ngày 12-3-1896, Nhân dân làng Thọ Hạc bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Bên sông Thọ Hạc và khúc sông gần cầu Bồ Vệ chứng kiến cảnh thực dân Pháp tàn sát man rợ những người tham gia nghĩa quân Cần Vương chúng bắt được. “Suốt 3, 4 tháng trời chiều nào giặc Pháp cũng dẫn từng đoàn người làng Thọ Hạc đã bị xích tay, kể cả người già yếu, đến cầu Bồ Vệ quăng dần từng người xuống sông, người nào chìm thì chúng vỗ tay reo cười, người nào còn ngoi ngóp vùng vẫy thì chúng bắn luôn cho chết. Nước sông Bồ Vệ đỏ ngầu như chầu máu”⁷.

⁷ Nguyễn Thượng Hiền: Giọt lệ bề dâu

Trong phong trào Cần vương chống Pháp, Tiến sĩ Tổng Duy Tân, Chánh sứ sơn phòng nghĩa quân Cần Vương Thanh Hóa, quê làng Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh, hưởng ứng và phối hợp với cuộc khởi nghĩa Ba Đình chống Pháp xâm lược. Sau đó ông bị tên học trò Cao Ngọc Lễ phản bội chỉ điểm cho giặc Pháp bắt và đưa về xử chém tại làng Phú Cốc ngày 5-10-1892.

Năm 1906, trước lúc xuất dương sang Nhật, nhà chí sỹ yêu nước Phan Bội Châu đã ghé qua Thanh Hóa để gặp gỡ Nguyễn Thượng Hiền và các sỹ phu yêu nước xứ Thanh, cùng nhau bàn bạc về con đường cứu nước. Hồi bấy giờ những người cựu học và tân học ở Thanh Hóa đã hưởng ứng giao lưu chung, lập ra Hạc Thành thư xã, cùng giao lưu với Đông Kinh Nghĩa Thục ngoài Bắc, Hợp Thương trong Quảng Nam và Triều Dương ở Nghệ An. Khi phong trào chống thuế Trung Kỳ bùng nổ ở Nam - Ngãi (1908), sỹ phu Thanh Hóa nô nức hưởng ứng, dán bản hiệu triệu quần chúng ở đường phố, tỉnh lỵ. Tuy mới chỉ có lời hiệu triệu, chưa kịp hành động, nhưng chính quyền thực dân, phong kiến đã bắt giữ, tra tấn dã man, không cần xét hỏi.

Có thể thấy, vùng đất thành phố Thanh Hóa từ buổi ban đầu do cư dân bản địa khai phá, giữ gìn, bảo vệ phát triển cho đến khi được chọn để xây dựng nên Trấn Thành (1804), cư dân bốn phương về hội nhập mà phần lớn là những người có học, có nghề, tính cương trực, cởi mở, giàu lòng nhân ái, yêu nước, hy sinh vì nghĩa lớn, là chỗ dựa và là cái nôi sinh thành nuôi dưỡng lớp người cách mạng. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam đã hun đúc, thấm sâu vào các tầng lớp Nhân dân địa phương để khi thời cơ đến thời bùng ngọn lửa đấu tranh giành lại độc lập cho Tổ quốc, giành lại quyền sống của con người, quyền mưu cầu hạnh phúc cho Nhân dân.

Ách áp bức bóc lột của thực dân phong kiến càng nặng nề bao nhiêu thì càng khơi dậy lòng căm thù sâu sắc và chí khí quật cường của Nhân dân thành phố. Truyền thống yêu nước và đấu tranh của Nhân dân thành phố trở thành một tài sản vô cùng quý giá, là cơ sở, là nền tảng để Nhân dân đón nhận và đi theo con đường cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, tới thắng lợi huy hoàng của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 lịch sử.

II. KHÁI LƯỢC VỀ VĂN HÓA THÀNH PHỐ

Tọa lạc trên vùng đất của hai nền văn hóa cổ Núi Đọ - Đông Sơn; là vùng đất thiên thời, địa lợi, nhân hòa, ẩn chứa trong lòng nhiều tầng văn hóa. Di chỉ Cồn Chân Tiên xã Thiệu Vân; Đại Khố phường Đông Cương thành phố Thanh Hóa còn lưu giữ được nhiều công cụ chế tác, dấu ấn chuyển tiếp từ thời đồ đá cũ Núi Đọ sang thời đồng thau Đông Sơn. Các thế hệ người dân nơi đây, trải bao biến thiên của lịch sử, đã nêu cao tinh thần đoàn kết trong cuộc sống lao động sản xuất, hòa đồng thiên nhiên, cùng nhau sáng tạo và thêu dệt lên bức tranh văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng với Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Nhân dân Thành phố vô cùng tự hào về bề dày lịch sử truyền thống đấu tranh với thiên tai và địch họa cũng như đã sáng tạo ra những giá trị văn hóa đặc sắc.

1. Những nền văn hóa cổ trên địa bàn thành phố

Lưu vực sông Mã thuộc địa phận thành phố Thanh Hóa là một vùng đất cổ, một trong những nơi phát hiện ra con người sinh sống đầu tiên ở Việt Nam, là nơi có nhiều nền văn hóa đã hình thành, tỏa sáng đóng góp vào tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam và nhân loại.

Vùng đất cổ trên lưu vực sông Mã là nơi có những đóng góp đầu tiên trên con đường sáng tạo văn hóa của người dân xứ Thanh. Từ những công cụ bằng đá được con người chế tạo ra, đến những chiếc trống đồng Đông Sơn được xem là di sản văn hóa nhân loại, là cả một hành trình dài của lịch sử trên vùng đất thành phố Thanh Hóa nói riêng, xứ Thanh nói chung, được đánh dấu bằng những sản phẩm văn hóa mang đặc trưng của từng thời đại.

*** Di chỉ Văn hóa núi Độ (Thời đại đồ đá)**

Văn hóa núi Độ bao gồm một hệ thống các di tích sơ kì thời đại đồ đá cũ được phát hiện ở Thanh Hóa: Núi Độ, núi Nuông, Quan Yên, núi Nổ. Tại di chỉ núi Độ (nay thuộc xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hóa và xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa), người vượn nguyên thủy đã biết ghè vỡ đá núi để chế tác công cụ, những công cụ bằng đá đậm dấu ấn chế tác bởi bàn tay của họ như mảnh tước, hạch đá, rìu tay... Căn cứ vào trình độ kỹ thuật chế tác công cụ, địa hình cư trú và dựa vào những thành tựu mới nhất của các ngành khoa học, các nhà khoa học cho rằng, người vượn nguyên thủy văn hóa núi Độ là những người vượn đứng thẳng phát triển. Họ sống thành từng bầy, có thủ lĩnh bầy, mỗi bầy bao gồm từ 5-7 gia đình, có khoảng từ 20-30 người. Họ kiếm thức ăn chủ yếu bằng phương thức săn bắt, hái lượm theo bầy đàn người vượn và phân phối sản phẩm công bằng. Đời sống tinh thần của họ đã khá phong phú.

Việc phát hiện dấu tích con người thời tối cổ ở núi Độ (vào thập niên 60 của thế kỷ XX), là một trong những phát hiện lớn về khảo cổ học ở Việt Nam. Tuy không tìm ra dấu tích tầng văn hóa, di cốt người cổ cùng với quần thể động vật, thực vật cùng thời, nhưng núi Độ vẫn được xem là di tích thuộc thời đại

đồ đá cũ với niên đại khoảng từ 30-40 vạn năm. Những chứng cứ về các di vật bằng đá tại núi Đọ là những trang lịch sử đầu tiên của con người đã biết đến trên đất nước ta. Đó là những chứng cứ khoa học đầu tiên để tiếp tục tìm tòi, khám phá trong cuộc hành trình tìm về nguồn gốc con người trên vùng đất xứ Thanh và nước ta.

Với sự phát triển các công cụ thô sơ của người tối cổ ở núi Đọ, cùng với sự phát hiện về dấu tích di cốt người ở Bình Gia (Lạng Sơn), ở Thung Lang (Ninh Bình), các nhà khảo cổ đã khẳng định: Việt Nam là vùng đất nằm trong khu vực rộng lớn của quê hương đầu tiên của con người. Lưu vực sông Mã (thuộc địa bàn thành phố Thanh Hóa) là nơi vinh dự chứng kiến bước chuyển mình vĩ đại của nhân loại từ Vượn thành Người. Ý nghĩa lịch sử đó đã khẳng định giá trị văn hóa của những di vật được phát hiện ở núi Đọ do người tối cổ tạo nên.

Từ phát hiện đầu tiên ở núi Đọ và phát hiện về khảo cổ học những năm tiếp theo, đã góp thêm chứng cứ khoa học về sự phát triển của lịch sử con người trên vùng đất thành phố Thanh Hóa nói riêng và xứ Thanh nói chung. Phát hiện về quần thể động vật cổ cùng với răng người hóa thạch có niên đại hàng vạn năm ở hang làng Tráng (huyện Bá Thước) đã góp phần soi sáng giai đoạn phát triển của lịch sử thời kỳ sau núi Đọ. Phát hiện về văn hóa Sơn Vi ở vùng đồi Thanh Hóa và các hang động với niên đại sớm, muộn và bộ sưu tập công cụ điển hình cho giai đoạn văn hóa này, đã khẳng định sự phát triển của con người từ sơ kỳ thời đại đá cũ đến hậu kỳ đá cũ trên đất nước ta, mà lưu vực sông Mã (thuộc địa bàn thành phố Thanh Hóa) là nơi đã đóng góp nhiều tư liệu khoa học quan trọng.

Như vậy, trong thời đại đồ đá cũ, cư dân nguyên thủy đã sinh sống trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Trong hàng chục vạn năm ấy, do điều kiện địa lý, do quá trình kiến tạo địa chất, nhiều đợt biển tiến, biển lùi đã đưa người vượn nguyên thủy văn hóa núi Đọ tiến lên chiếm lĩnh vùng phía Tây - Tây Bắc, trong quá trình đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên để sinh tồn, đã tạo nên một nền văn hóa mới, làm phong phú thêm thời đại đồ đá ở Việt Nam. Đó là quá trình phát triển của xã hội người nguyên thủy trên đất thành phố Thanh Hóa.

*** Di chỉ cồn Chân Tiên (Sơ kỳ thời đại đồng thau)**

Khi các bộ lạc ở miền núi, miền biển Thanh Hóa bước vào thời đại đồng thau cách đây khoảng 4.000 năm thì vùng đồng bằng ven sông Mã, cư dân các bộ lạc ở di chỉ Cồn Chân Tiên (nằm ở phía Đông Nam chân núi Đọ, thuộc xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hóa) cũng bước vào sơ kỳ thời đại đồng thau. Cùng với di chỉ này, bên bờ sông Mã còn phát hiện được các di chỉ núi Chàn (ở sườn Tây núi Đọ). Kết quả khai quật, bên cạnh đồ đá và đồ gốm, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy ở Cồn Chân Tiên một vài cục gỉ đồng, trong tầng văn hóa thuộc thời đại kim khí. Các nhà nghiên cứu cho rằng: “Di tích Cồn Chân Tiên là một di chỉ xưởng thuộc sơ kì thời đại đồng thau, có những mối quan hệ gần gũi với các di tích của văn hóa Phùng Nguyên hay nhóm di tích Hoa Lộc... Cồn Chân Tiên là đại diện cho một giai đoạn trong chuỗi phát triển liên tục của các giai đoạn văn hóa vùng ngã ba sông Mã - sông Chu”⁸.

Những công cụ bằng đá ở Cồn Chân Tiên cho thấy cư dân giai đoạn này đã đạt tới trình độ kỹ thuật chế tác đá rất cao.

⁸ *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa*

Họ sử dụng kỹ thuật ghè để tạo phác vật, sau đó ghè tu chỉnh và tiến hành mài đá. Họ đã dùng hai loại bàn mài để mài phá và mài trau (loại đá có kết cấu hạt to dùng mài phá, loại mài trau có kết cấu hạt mịn). Bàn mài của họ đôi khi được dùng cả bốn mặt, có loại có rãnh chắc được dùng để mài đồ trang sức. Rìu đá ở Cồn Chân Tiên chủ yếu là rìu lưỡi cân, cạnh đó còn có loại lưỡi mài vát một bên có tiết diện hình chữ V lệch (thường được gọi là bôn). Đặc biệt ở đây đã tìm thấy những chiếc rìu và bôn có hình dáng nhỏ nhắn và rất xinh bằng đá ngọc, lưỡi rất sắc bén. Cũng tìm thấy nhiều vòng trang sức bằng đá, cư dân Cồn Chân Tiên chế tác công cụ ngay tại nơi cư trú.

Di chỉ Cồn Chân Tiên có tầng văn hóa tương đối dày, chứng tỏ con người đã định cư ở đây khá lâu dài. Đồng bằng ven sông Mã là địa bàn khai thác nghề trồng lúa nước của họ. Địa bàn cư trú ấy với điều kiện trình độ chế tác công cụ phát triển đã đưa sản xuất nông nghiệp lên vị trí hàng đầu trong nền kinh tế của cư dân Cồn Chân Tiên. Cũng như cư dân văn hóa Phùng Nguyên, Hoa Lộc, các bộ lạc nguyên thủy đôi bờ sông Mã đang dần dần chuyển sang chế độ công xã thị tộc phụ quyền và điều quan trọng hơn cả, khi đối chiếu, so sánh với kết quả nghiên cứu các giai đoạn phát triển sau này ở các di chỉ khảo cổ học khu vực đồng bằng sông Mã, sông Chu, nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng cư dân các bộ lạc Cồn Chân Tiên là nhóm đóng vai trò chủ đạo trong quá trình hình thành bộ Cửu Chân trong nước Văn Lang của các vua Hùng.

Như vậy, qua các giai đoạn diễn tiến từ Cồn Chân Tiên, Hoa Lộc đến Bái Man, Quỳnh Chử đã cho thấy mối quan hệ khăng khít trong quá trình phát triển của các di chỉ khảo cổ học

ở lưu vực sông Mã. Quá trình ấy vừa tạo ra những nét văn hóa đặc trưng mang tính địa phương, vừa tạo ra những nét gần gũi với văn hóa Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, để cuối cùng hòa chung tạo nên văn hóa Đông Sơn thống nhất ở vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

*** Di chỉ Đông Khôi (trung kì thời đại đồng thau)**

Di chỉ khảo cổ học Đông Khôi thuộc làng Đông Khôi, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, được khai quật năm 1960. Nhờ kết quả khai quật và nghiên cứu các di chỉ khảo cổ thời đại đồng thau ven đôi bờ sông Mã, các nhà nghiên cứu đã xác định Đông Khôi là di chỉ tiêu biểu cho giai đoạn phát triển tiếp theo giai đoạn Cồn Chân Tiên ở lưu vực sông Mã, có niên đại trung kì thời đại đồng thau tương đương với giai đoạn Đông Đậu ở đồng bằng Bắc Bộ. Thuộc giai đoạn này còn có di chỉ Bái Man, lớp dưới di chỉ Cồn Cẩu (phường Đông Lĩnh) và lớp dưới di chỉ Đồng Ngầm (xã Đông Tiến) huyện Đông Sơn. Ở di chỉ Bái Man, chủ yếu tìm thấy đồ gốm và công cụ bằng đá, chưa tìm thấy đồ đồng. Tuy nhiên, ở lớp dưới đáy di chỉ Đồng Ngầm thuộc nhóm di tích này, người ta cũng tìm thấy mảnh đồng (có thể là dấu vết mảnh vỡ của công cụ đồng). Niên đại của nhóm di tích Bái Man được xếp muộn hơn di chỉ Cồn Chân Tiên.

Điểm đáng chú ý đầu tiên là kĩ thuật chế tác công cụ đá của cư dân các bộ lạc giai đoạn này đã không chỉ kế thừa trực tiếp kĩ thuật của cư dân Cồn Chân Tiên, mà họ còn đưa nghề chế tác đá phát triển thành kĩ nghệ, đạt tới đỉnh điểm trong thời tiền sử và sơ sử xứ Thanh. Tại di chỉ Đông Khôi, ngày nay vẫn còn rất nhiều những phác vật, phế vật, mảnh tước v.v..., có chỗ chất đầy, ken dày trên những bờ ruộng, cánh đồng sát chân núi Voi, rộng hàng chục héc ta. Điều này cho thấy hẳn

xưa kia, khoảng 3.000 năm trước đây, Đông Khối là một trung tâm chế tác công cụ đá rất phong phú và nhộn nhịp. Trong bộ sưu tập công cụ bằng đá ở Đông Khối, rìu và bôn tứ giác có tiết diện hình chữ nhật hoặc vuông chiếm ưu thế tuyệt đối. Hình dáng của chúng khá phong phú: rìu có loại hình thang vuông, hình chữ nhật; bôn cũng có hai loại: loại lưỡi mỏng (chỉ độ 1cm) và loại lưỡi rất dày, có mặt cắt hình gần vuông, vì vậy có người gọi là búa rìu (loại này chiếm tỉ lệ 22 - 33% ở các di chỉ).

Nghiên cứu những dấu vết vật chất và bộ di vật, các nhà khảo cổ học cho rằng cư dân các bộ lạc thuộc giai đoạn Đông Khối có trình độ phát triển tương đương giai đoạn Đồng Đậu ở lưu vực sông Hồng. Nền kinh tế sản xuất nông nghiệp của người Đông Khối đã có bước phát triển mới: bên cạnh việc trồng trọt các loại cây cho củ, quả, lúa đã được trồng nhiều hơn, đặc biệt là lúa nếp. Tại Đồng Ngầm, Bái Mán đã phát hiện được nhiều mẫu trấu của lúa dạng hạt tròn. Sự phát triển mạnh mẽ của các nghề thủ công làm gốm, chế tác công cụ đá, những dấu tích của lúa, gạo... cho thấy người Đông Khối đã đạt tới trình độ khá cao trong tổ chức đời sống kinh tế, xã hội.

Những thành tựu của khảo cổ học cho thấy vào thời đại đồng thau, lưu vực sông Mã (thuộc địa bàn thành phố Thanh Hóa ngày nay) đã trở thành trung tâm cư trú của người Việt cổ trên đất Thanh Hóa. Bằng sức lao động, sáng tạo, bằng mồ hôi và cả máu, họ đã biến những đầm lầy, cồn bãi hoang dại ven bờ sông Mã thành những vùng đất màu mỡ và xây dựng nên những xóm làng đầu tiên của những người Việt cổ xứ Thanh. Trong quá trình lập làng, dựng nước ấy, cốt lõi của bộ Cửu Chân đồng thời được hình thành và phát triển về mọi mặt kinh tế - xã hội. Đó là những tiền đề để cư dân thành phố Thanh Hóa

góp phần cùng với cư dân xứ Thanh sáng tạo nên văn hóa Đông Sơn rực rỡ trong thời đại của các vua Hùng.

*** Di chỉ Văn hóa Đông Sơn** (giai đoạn đồng thau sắt sớm)

Trong số các nền văn hóa cổ được phát hiện trên đất Việt Nam, văn hóa Đông Sơn được phát hiện sớm nhất và là một trong những nền văn hóa nổi tiếng nhất. Văn hóa Đông Sơn mang tên địa danh làng Đông Sơn (huyện Đông Sơn, nay thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa), nơi đầu tiên phát hiện ra những dấu tích của văn hóa này.

Năm 1924, những di vật đầu tiên của văn hóa Đông Sơn được phát hiện bên bờ sông Mã thuộc địa phận làng Đông Sơn và 10 năm sau (năm 1934, thuật ngữ văn hóa Đông Sơn được giới khảo cổ thừa nhận là một thuật ngữ khoa học để chỉ một nền văn hóa thuộc thời đại đồng thau được phát hiện ở Việt Nam). Đây được xem là địa bàn gốc của văn hóa Đông Sơn. Trên địa bàn gốc của văn hóa này, văn hóa Đông Sơn được phát hiện với nhiều loại hình di tích, di vật, tiêu biểu cho sự phát triển liên tục này của văn hóa Đông Sơn, cũng như giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của văn hóa này.

Tài liệu từ các cuộc điều tra, khai quật hàng loạt các di tích văn hóa Đông Sơn ở khu vực này từ các di tích cư trú, khu mộ táng, các loại công xưởng... đã khẳng định tầm vóc và vị thế của văn hóa Đông Sơn trên đất Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Những cuộc khai quật tại di tích văn hóa Đông Sơn trên địa bàn thành phố, các nhà khoa học đã đưa ra khỏi lòng đất nhiều di vật đặc sắc minh chứng cho một nền văn minh đã tồn tại và phát triển rất rực rỡ tại nơi đây. Trong hàng vạn hiện vật được phát hiện phải kể đến hiện vật tiêu biểu nhất đó chính là trống đồng Đông Sơn. Theo số liệu thống kê của Viện khảo

cổ học Việt Nam, các nhà khảo cổ đã khai quật, phát hiện được 11 chiếc trống đồng qua các lần khai quật tại di tích văn hóa Đông Sơn, các trống đồng được phát hiện đều thuộc loại I (theo cách phân loại của Heger), loại trống đồng được cho là sớm nhất, đặc sắc nhất của người Việt cổ trên đất thành phố Thanh Hóa sáng tạo nên. Điều quan trọng là, không nơi nào phát hiện được loại trống này lại có mật độ tập trung nhiều như ở di tích Đông Sơn (phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa). Chúng có mặt trong tầng văn hóa, trong mộ táng, có loại là đồ minh khí chôn theo người chết, có nhiều chiếc kích thước lớn được sử dụng trong thực tế hằng ngày. Đáng chú ý là những đường nét, những mô típ hoa văn trang trí trên các trống đồng loại I và thập đồng tìm thấy ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam và ngoài Việt Nam. Điều đó minh chứng cho nguồn gốc bản địa của văn hóa Đông Sơn. Đây là hiện vật tiêu biểu của văn hóa Đông Sơn, và đã được nhiều nhà khoa học khẳng định là sản phẩm tiêu biểu cho tài năng và trí sáng tạo của chủ nhân văn hóa Đông Sơn. Văn minh Đông Sơn là đỉnh cao của văn minh thời dựng nước đầu tiên. Văn minh Đông Sơn không chỉ là cơ sở vật chất cho sự ra đời của Nhà nước Văn Lang - một quốc gia ra đời sớm ở vùng Đông Nam Á, mà còn có ảnh hưởng lớn đến khu vực Đông Nam Á thời cổ. Việc trống đồng Đông Sơn được trân trọng đặt tại trụ sở Liên Hợp Quốc đã khẳng định sự đóng góp của nền văn hóa Việt Nam vào kho tàng văn hóa của nhân loại.

Không chỉ có trống đồng, nhiều di vật phát hiện được trong di tích Đông Sơn và trên địa bàn thành phố như di vật hình chiếc đèn, tượng người... cũng thể hiện quá trình giao thoa văn hóa lâu dài trong khu vực và thế giới, nơi đây cũng tiếp nhận nhiều ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài, làm phong phú và đa dạng bản sắc văn hóa của riêng mình. Chính điều đó

đã góp phần tạo nên nền “Văn hóa Đông Sơn” thống nhất trong đa dạng. Văn hóa Đông Sơn không chỉ là sự hội tụ, là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của con người trên vùng đất này. Văn hóa Đông Sơn còn thể hiện tài năng, trí sáng tạo của người Việt cổ. Các công cụ bằng đá như rìu, đục,... những đồ trang sức phụ nữ như các loại khuyên tai bằng đá granit hay ngọc bích,... những hạt cườm hình trụ bằng đá trắng như ngà được khoan tiện tinh vi chứng tỏ trình độ kỹ thuật cao của người thợ đá Đông Sơn trong việc chế tác đá mỹ nghệ thời bấy giờ. Những mảnh gốm và đồ dùng bằng gốm còn nguyên với nhiều kiểu dáng khác nhau, như nồi, vò, bình,... được trang trí nhiều hoa văn, mà phổ biến là hoa văn dấu thừng,... và kiểu lông mót, lông đôi, lông nia, lông thúng,... mà nan tre được vót đều đặn giống hệt như ngày nay, chứng tỏ nghề đan lát nhờ có công cụ bằng kim loại đã phát triển. Nghề đúc đồng phát triển đến giai đoạn cực thịnh, chứng minh cả một chu kỳ bao gồm nhiều công đoạn khác nhau: Từ khai mỏ, xây lò nấu quặng, pha chế hợp kim đến làm khuôn và tiến hành đúc, cho thấy người thợ đúc đã đạt trình độ kỹ thuật nhất định và khả năng tổ chức khá cao, tiến xa hơn các giai đoạn trước trong đúc kim loại.

Về mặt lịch sử, sự hình thành và phát triển của Văn hóa Đông Sơn ở châu thổ sông Mã cũng là quá trình hình thành vùng trung tâm của đất Cửu Chân - một trong mười lăm “Bộ” thuộc nhà nước Văn Lang của các vua Hùng. Trên cơ sở của các thành tựu về văn hóa vật chất mà chủ nhân các nền văn hóa tiền Đông Sơn đã đạt được, chủ nhân văn hóa Đông Sơn ở châu thổ sông Mã đã tiếp tục công cuộc chinh phục, khai phá phát triển biên vùng đất màu mỡ, phì nhiêu hạ lưu sông Mã thành một vùng có sự phát triển vượt trội, để trở thành trung tâm phát triển của khu vực.

Về mặt văn hóa, những nét đặc sắc trên đã tạo nên những đặc trưng của loại hình văn hóa Đông Sơn vùng sông Mã, là cơ sở cho việc hình thành vùng đất Cửu Chân, đây chính là cơ sở hình thành truyền thống văn hóa thành phố Thanh Hóa còn được bảo lưu cho đến tận ngày nay.

Như vậy, cùng với châu thổ sông Hồng - quê hương buổi đầu của lịch sử dân tộc, châu thổ sông Mã (lưu vực sông Mã thuộc địa phận thành phố Thanh Hóa) với lịch sử phát triển lâu đời, liên tục từ buổi bình minh của lịch sử đến các nền văn hóa tiêu biểu cho những chặng đường phát triển của lịch sử, con người không chỉ đóng góp vào lịch sử nhân loại, lịch sử các nền văn minh mà còn góp phần quan trọng dệt nên bản anh hùng ca hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Nét đáng chú ý của các di tích văn hóa Đông Sơn ở thành phố Thanh Hóa không chỉ phản ánh sự phát triển của văn hóa này, mà nhiều di tích này còn thấy sự tiếp tục phát triển của văn hóa Đông Sơn từ những di tích tiền Đông Sơn ở lưu vực sông Mã và sự phát triển của văn hóa Đông Sơn trong thời kỳ đã có sự bành trướng của văn hóa Hán từ phương Bắc. Về mặt khảo cổ học lịch sử, những di tích này là những tư liệu văn hóa vật chất cần thiết trong việc tìm hiểu quá trình diễn biến văn hóa, giữa văn hóa Đông Sơn bản địa và văn hóa ngoại lai, cũng như quá trình đấu tranh giữ gìn bản sắc văn hóa Đông Sơn chống lại âm mưu đồng hóa văn hóa của kẻ thù trong đêm dài Bắc thuộc.

Như vậy có thể thấy vào giai đoạn văn hóa Đông Sơn, người Việt cổ trên đất thành phố Thanh Hóa xưa đã mở rộng địa bàn cư trú và tiếp tục đẩy mạnh công cuộc trình phục thiên nhiên với những công cụ kim loại như lưỡi cày,

liềm... nghề sản xuất phụ cũng được mở mang và phát triển như: săn bắt, chăn nuôi. Khi đời sống vật chất được đáp ứng, cư dân Đông Sơn chú trọng hơn đời sống tinh thần qua việc sản xuất đồ trang sức, đan lát, nghề mộc, làm gốm trở thành kỹ nghệ. Thời kỳ này chế tạo vũ khí cũng được đẩy mạnh (dao găm, mũi tên, giáo...). Đặc biệt sản phẩm rất nổi tiếng mang đặc trưng bản địa rõ nét ra đời trong giai đoạn này là những nhạc khí bằng đồng, tiêu biểu là trống đồng Đông Sơn. Trống đồng Đông Sơn là di vật đặc sắc nhất, là biểu tượng của dân tộc thời dựng nước. Mặt khác, một số nét văn hóa bản địa thời kỳ này được định hình như: Tục ăn trâu, nhuộm răng đen, xăm mình, gói bánh chưng, bánh dày ngày tết... đã góp phần tạo nên sắc thái văn hóa riêng của dân tộc Việt Nam.

2. Di sản văn hóa thành phố

2.1. Di sản văn hóa vật thể

Thành phố Thanh Hóa với những giá trị di sản văn hóa tiêu biểu - sợi dây nối liền bản sắc văn hóa Việt cổ, mà đỉnh cao là nền văn hóa Đông Sơn với con người đương đại. Mỗi loại hình di tích ở đây đều mang đậm dấu vết lịch sử quá trình hình thành, tồn tại vượt thời gian và hiện tồn đến ngày nay. Theo số liệu kiểm kê, trên địa bàn thành phố Thanh Hóa có 232 di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng và kiểm kê bảo vệ, trong đó: có 25 di tích cấp quốc gia, 73 di tích cấp tỉnh. Về loại hình: Di sản văn hóa vật thể trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay tồn tại tương đối đầy đủ các loại hình theo quy định của Luật Di sản văn hóa, gồm: Di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh; di vật; cổ vật...

2.1.1. Di tích lịch sử - văn hóa

Thành phố Thanh Hóa có 70 di tích lịch sử văn hóa (gồm: đình, đền, chùa, miếu, điện, phủ, lăng, mộ, từ đường, nhà cổ, văn thánh...), tiêu biểu như: Thái Miếu nhà Hậu Lê (phường Đông Vệ), Thái Miếu thờ các vị vua, hoàng hậu và công thần triều đại nhà Lê. Việc thờ cúng ở Thái Miếu các vua Lê được dời từ thành Thăng Long về thôn Kiều Đại, xã Bồ Vệ vào tháng 3 năm Gia Long thứ 3 (1804). Hằng năm vào dịp 21, 22 tháng 8 âm lịch, các quan đầu tỉnh đều cử hành lễ dâng hương; Đền thờ Dương Đình Nghệ (phường Thiệu Dương); Khu Văn hóa tưởng niệm Bác Hồ; Chùa Tăng Phúc (phường Đông Cương); Nhà thờ Cụ Phó Bảng Lê Việt Tảo (xã Hoằng Quang); Đình Đền Quan Nội (phường Long Anh); Đền thờ Tiến Sĩ Nguyễn Đình Giản (xã Hoằng Quang); Bia chùa Báo Ân (xã Thiệu Vân); Đền thờ Tô Hiến Thành (phường Đông Lĩnh); Nhà thờ họ Đỗ Đại (Khai quốc công thần Lê Sơ (phường Quảng Thắng); Đình làng Vệ Yên (phường Quảng Thắng), thờ Nguyễn Phục - danh tướng thời Lê Trung Hưng, gắn liền với lễ hội chạy cờ, kéo chữ “*Thiên hạ thái bình*”; Đình làng Định Hòa (phường Đông Cương), thờ tướng quân Lê Thành, người họ Đỗ, quê xã Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn cùng Lê Lợi. Ông đã hy sinh anh dũng năm 1426. Vua Lê Thái Tổ đã phong ông là “Thái úy Lộc quận công” và ban quốc tính. Lăng quận mẫn (Lê Trung Nghĩa) (phường An Hưng); Chùa Đại Bi (chùa Mật Sơn) và núi Kỳ Lân (phường Đông Vệ), nơi thờ Vua Lê Thần Tông và sáu vị Hoàng hậu; Bia Khuyến học (Bia Trường Thi), Chùa Thanh Hà; Đền thờ danh tướng Lê Uy - Trần Khát Chân, Chùa Phạm Thông (phường Hàm Rồng). Nghè Cả làng Cẩm Bào xưa (nay là Hương Bào, phường Đông Hương) thờ tướng quân Nguyễn Tĩnh, danh tướng cuối triều Lý

đầu triều Trần, khi về hưu được cấp đất chiêu dân lập nên làng Cẩm Bào.

2.1.2. Di tích lịch sử cách mạng

Thành phố có 15 di tích, cụm di tích lịch sử cách mạng, tiêu biểu như:

- **Di tích Hồ Máy Đền:** Nhà máy Đền trước đây thuộc phường Đệ Nhất, thành phố Thanh Hóa, nay là phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa. Nhà máy Đền được xây dựng năm 1927, đến năm 1947 thì bị phá dỡ "tiêu thổ kháng chiến". Năm 1960 đổi thành công viên Thanh Quảng, từ sau năm 1975, nhiều lần được cải tạo nâng cấp. Nơi đây, ngày 15/11/1945 diễn ra hội nghị thành lập chi bộ đầu tiên của thị xã Thanh Hóa, nay là Đảng bộ thành phố Thanh Hóa, trở thành địa chỉ và là cái nôi cách mạng của thị xã Thanh Hóa, nơi đào tạo, bồi dưỡng hàng trăm cán bộ đảng viên ưu tú cho đất nước. Khuôn viên của Nhà máy Đền được xây dựng thành công viên Thanh Quảng, ghi dấu tình kết nghĩa anh em của nhân dân 2 tỉnh Thanh Hóa và Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ. Hiện nay, công viên Thanh Quảng trở thành điểm dừng chân nghỉ ngơi của Nhân dân, là nơi tập luyện thể thao, vui chơi giải trí của Nhân dân vùng trung tâm thành phố. Địa điểm Nhà máy Đền được UBND tỉnh Thanh Hóa xếp hạng di tích Lịch sử cách mạng theo Quyết định số 345/QĐ-UBND, ngày 30/01/2015.

- **Cầu Hàm Rồng:** Thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, cầu được thực dân Pháp xây dựng năm 1904 kiểu vòm thép không có trụ giữa, bị phá hủy năm 1946 để “tiêu thổ kháng chiến”. Năm 1962, cầu Hàm Rồng được khởi công xây dựng lại; khánh thành ngày 19/5/1964. Sau trận chiến đầu ngày

07/5/1965, cầu được dỡ bỏ hai bên đường cho xe ô tô và người đi bộ. Cầu đã bị hư hỏng nặng do bom Mỹ năm 1972, đến năm 1973 được khôi phục lại như hiện trạng, mới được tu sửa năm 2010-2011. Cầu Hàm Rồng có vị trí giao thông rất quan trọng, là cầu đường sắt duy nhất đi qua sông Mã. Trong giai đoạn chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ từ 1964-1973, đây là trọng điểm của cuộc đấu tranh đánh phá và bảo vệ giao thông; Không lực Hoa Kỳ liên tục đánh phá cầu với cường độ rất cao và với các chiến thuật khác nhau. Quân và dân Thanh Hóa nói chung, quân và dân Hàm Rồng nói riêng đã làm nên nhiều kỳ tích, huyền thoại, gây tiếng vang trong cả nước, có tác động quan trọng đến cuộc chiến tranh phá hoại của địch. Ngày 21/12/1975, cầu Hàm Rồng cùng với khu di tích lịch sử Hàm Rồng được xếp hạng là di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia theo Quyết định số 09-VH/QĐ.

- **Trận địa pháo cao xạ C4:** thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Từ năm 1961-1962 một phần đất là khu văn phòng, nhà ở của Nhà máy Điện Hàm Rồng và Lò Cao, Trường cấp 1 Hàm Rồng, Trường cấp 2 Tô Vĩnh Diện. Năm 1965, đây là nơi đóng quân của Đại đội 4, thuộc Trung đoàn pháo cao xạ 228 Quân chủng Phòng không Không quân, lực lượng chủ yếu có nhiệm vụ bảo vệ cầu Hàm Rồng và các mục tiêu quan trọng khác trong suốt thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của Mỹ. Trận địa đồi C4 gồm 2 bộ phận: Đài radar và trận địa pháo cao xạ 57 ly, là lực lượng đánh trực diện khi máy bay địch đánh bổ nhào ném bom vào cầu. Trong 9 năm bám trụ kiên cường, Đại đội 4 đánh hơn 400 trận, góp phần cùng quân dân bắn rơi 117 máy bay địch, được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân năm 1969; đồi C4 luôn là nỗi kinh hoàng của giặc Mỹ khi bắn phá Hàm Rồng. Trận địa đồi C4 được xếp hạng là

di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia ngày 21/12/1975 theo Quyết định số 09-VH/QĐ của Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- **Nhà máy Điện Hàm Rồng:** Trước đây thuộc tiểu khu Hàm Rồng, thị xã Thanh Hóa, nay là phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Đây là Nhà máy Nhiệt điện 3MW, khánh thành ngày 04/4/1964. Nhà máy mang tên ngày quốc khánh Hungari 4-4 để ghi nhớ tình hữu nghị giữa Nhân dân Hungari với Nhân dân Việt Nam. Trong những năm chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, mặc dù là mục tiêu bắn phá của địch, nhưng nhà máy vẫn đảm bảo điện phục vụ sản xuất và chiến đấu thông suốt ngày đêm, được ca ngợi là “*pháo đài 4-4*”. Cán bộ, công nhân nhà máy vững vàng trên vị trí sản xuất, kiên cường đánh địch, bảo vệ nhà máy, xông pha dưới bom đạn, phục vụ chiến đấu, hăng hái cứu chữa xí nghiệp bạn, bảo vệ tài sản của dân. Năm 2014, tại khu vực này đã xây dựng đài tưởng niệm các cán bộ, chiến sĩ của nhà máy điện 4-4 anh dũng hy sinh và trạm biến áp tăng áp 6/35Kv, cung cấp điện cho phường Hàm Rồng. Nhà máy điện Hàm Rồng được xếp hạng là di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 776/QĐ ngày 29/6/1992.

- **Đồi “Quyết Thắng”:** Còn gọi là núi Cánh Tiên, cao điểm 134, là một trong 99 ngọn núi trên đất “*Địa linh*” Đông Sơn - Hàm Rồng, thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Ngọn núi nằm án ngữ phía Nam làng Đông Sơn, với truyền thuyết về chiếc cánh của Nàng Tiên áo trắng bị vợ chồng nhà Vồm giam giữ trong động Tiên Sơn sau khi giấu đi đôi cánh. Đỉnh cao của núi Cánh Tiên là điểm cao nhất trong khu vực, có thể nhìn thấy tàu thuyền ngoài biển. Từ năm 1958-1965, đây là nơi đóng quân của một phân đội bộ đội Biên phòng. Cuối năm 1968, đế quốc Mỹ thất bại, ngừng ném bom

miền Bắc; Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, đoàn pháo cao xạ Hàm Rồng được Đảng ủy trung đoàn cho phép đắp 2 chữ **“QUYẾT THẮNG”** trên đỉnh núi Cánh Tiên, ngọn núi cao nhất của dãy núi Rồng để biểu thị tinh thần, tàu xe qua lại cầu Hàm Rồng có thể nhìn thấy rất rõ. Ngày 21/12/1975, đồi Quyết Thắng được xếp hạng là di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 09-VH/QĐ.

- **Động Long Quang:** Còn gọi là hang Mắt Rồng, nằm ngay trên núi Rồng, sát bờ Nam sông Mã. Đây là thắng cảnh đẹp của xứ Thanh, từ xa xưa đã là nơi du lãm, ngâm vịnh thơ ca của các bậc vua chúa, tao nhân mặc khách các triều đại như: Nguyễn Trãi, Phạm Sư Mạnh... Các vua nhà Lê như: Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông... Động nằm ở giữa, thông suốt hai bên núi đầu Rồng, đúng vị trí đôi mắt của Rồng. Cửa động mở ra hai phía Đông Bắc - Tây Nam, con mắt phải nhìn về hướng Tây Nam, xưa kia là Hạc Thành, nay là thành phố Thanh Hóa; con mắt trái nhìn về hướng Đông Bắc, một vùng đồng bằng rộng lớn của xứ Thanh. Hiện nay, trên trần hang, vách đá còn lưu giữ các bia ma nhai đề thơ của vua Lê Thánh Tông (năm 1478), vua Lê Hiến Tông (năm 1501). Thời kỳ chống Mỹ phá hoại cầu Hàm Rồng (1965 - 1972), hang là nơi làm việc của đồn Công an vũ trang bảo vệ cầu.

- **Đền thờ Chu Văn Lương:** Xưa thuộc xã Nam Ngạn, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Thiên; nay là phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa. Đền thờ quan Đốc học Liệt hầu đồng bình chương sự Chu Văn Lương, người có công dạy chữ, bốc thuốc chữa bệnh, khai phá đất đai lập ra ấp Nam Sơn, trại Nam Ngạn và tổ chức Nhân dân nơi đây đánh giặc giữ làng, có nhiều công trạng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông đầu thế kỷ XIII. Sau khi ngài mất,

vua Trần đã ban sắc phong cho ngài là "**Thượng đẳng Phúc thần**" và y chuẩn cho Nhân dân trại Nam Ngạn giữ gìn cúng tế. Dân làng suy tôn ông làm Thành hoàng làng. Đền được khởi dựng từ thời Trần ở ngoài đê sông Mã, đến năm Bảo Thái thứ 4 triều Lê Dụ Tông (1723) được di dời cùng với chùa Mật Đa vào khu đất hiện nay, đền được xây dựng theo kiến trúc thời Lê, hình chữ công. Trải qua các triều đại, ngôi đền đều được triều đình quan tâm tu sửa, ban thêm sắc phong, mỹ tự cho thần. Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ, cùng với chùa Mật Đa, đền thờ Chu Văn Lương là nơi tập kết lương thực, đạn dược, thuốc men và là nơi cấp cứu, nuôi dưỡng cho bộ đội, dân quân bị thương phục vụ mặt trận Hàm Rồng - Nam Ngạn bảo vệ cầu Hàm Rồng.

Đền thờ Chu Văn Lương đã được Bộ VH-TT xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 1821/VHQĐ, ngày 6/11/1989.

- Khu văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh:
Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành cho Đảng bộ và Nhân dân Thanh Hóa những tình cảm sâu sắc và sự quan tâm đặc biệt. Bác đã bốn lần về thăm Thanh Hóa. Qua những lần Người về thăm, lời Bác dạy luôn khắc sâu vào trong tâm trí mỗi người dân. Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩnh biệt chúng ta, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn thể đồng bào, chiến sĩ cả nước và bạn bè quốc tế. Ngay sau khi Người đi xa, Nhân dân Thanh Hóa đều bày tỏ nguyện vọng được góp công sức xây dựng nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Thanh Hóa. Nhân kỷ niệm 110 năm ngày sinh nhật Bác, vào ngày 19-5-2000, công trình Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được khởi công xây dựng (tại số 87 đường Lê Hoàn, phường Lam Sơn). Công trình có diện tích 12.000m²,

được xây dựng tại khu vực Bác Hồ nói chuyện với Nhân dân Thanh Hóa trong lần đầu tiên Người về thăm, ngày 20-2-1947. Sau hơn 1 năm xây dựng, công trình chính thức hoàn thành, thỏa ước nguyện, tình cảm, lòng tôn kính của mỗi người con xứ Thanh đối với Bác Hồ kính yêu. Ngày 1-9-2001, khánh thành Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là địa chỉ đỏ để Đảng bộ, quân và dân Thanh Hóa đến báo công, dâng hương, dâng hoa trong những sự kiện chính trị trọng đại của quê hương, đất nước; đồng thời là nơi lưu giữ nhiều hình ảnh, tư liệu, hiện vật vô cùng quý giá qua bốn lần Bác về thăm, cùng những thành tựu mà Đảng bộ và Nhân dân Thanh Hóa đã làm được theo lời di huấn của Người, nhằm giáo dục truyền thống cho các thế hệ noi theo, tiếp bước, tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Không gian thiêng liêng của Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh là những hình ảnh, tư liệu sống mãi với thời gian trong lần đầu tiên Bác về thăm Thanh Hóa vào ngày 20-2-1947. Bác về thăm thị xã Thanh Hóa, Bác đã gặp gỡ và nói chuyện với đông đảo Nhân dân tại nhà Bác Cổ, lúc ấy là Nhà thông tin (nay là Công ty CP Phát hành sách Thanh Hóa). Đặc biệt, trong chuyến thăm ấy, Bác mong muốn: “Tỉnh Thanh Hóa phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu thì phải làm sao cho mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự phải là kiểu mẫu. Làm một người kiểu mẫu, một làng kiểu mẫu, một huyện kiểu mẫu, một tỉnh kiểu mẫu. Quyết tâm làm thì sẽ thành kiểu mẫu... Tôi kêu gọi đồng bào trong tỉnh xắn tay áo làm đi, lần sau về đây, tôi sẽ thấy mỗi người là một người kiểu mẫu”.

Tại Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh còn lưu giữ, trưng bày nhiều hình ảnh, tư liệu gắn liền với tuổi thơ

của Bác ở Nam Đàn (Nghệ An), thời gian Bác sinh sống, học tập ở Huế, cùng những năm tháng Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến ngày đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó còn là tấm áo, đôi dép cao su và những đồ dùng hằng ngày rất đời giản dị của Bác. Dù chỉ là những bức ảnh, hiện vật, nhưng với rất nhiều người, mỗi lần được xem, đọc những bức thư khen của vị lãnh tụ kính yêu gửi cho quân và Nhân dân Thanh Hóa cũng lặng người xúc động, cảm thấy như đang được ở bên Bác. Năm 2018, Khu văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số: 3192/QĐ-UBND ngày 23/8/2018.

- **Chùa Mật Đa:** Còn gọi là chùa Nam Ngạn, xưa thuộc xã Nam Ngạn, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Thiên; nay là phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa. Chùa được khởi dựng từ thời Trần, xưa tọa lạc ở ngoài đê sông Mã, thuộc ấp Hòa Bình, đến năm Bảo Thái thứ 4 đời vua Lê Dụ Tông (1723) được di dời vào khu đất hiện nay, nằm giữa làng. Chùa được tu sửa nhiều lần qua các triều đại, đặc biệt vào thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ, chùa Mật Đa là Sở chỉ huy, nơi tập kết lương thực, đạn dược, thuốc men và là nơi cấp cứu, nuôi dưỡng cho bộ đội, dân quân bị thương. Là nơi đón tiếp và nghỉ lại của các đồng chí lãnh đạo, các nhà văn, nhà thơ, nhà báo trong và ngoài nước. Hiện nay, chùa còn giữ được nhiều mảng chạm đặc sắc có phong cách nghệ thuật thời Nguyễn. Trong chùa còn giữ được tấm bia *Mật Đa Thiền tự bi ký* dựng năm Bảo Thái thứ 4 (1723), bia *Trùng tu chùa Nam Ngạn* dựng năm Bảo Đại thứ 3 (1927), cùng nhiều đồ thờ hiện vật có giá trị. Chùa Mật Đa đã được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp bằng công

nhận di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 1821/VH-QĐ ngày 6/11/1989.

2.1.3. Di tích kiến trúc - nghệ thuật

Thành phố có 04 di tích nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc được xếp hạng, trong đó tiêu biểu như:

- Di tích Lăng Quận Mãn thuộc phường An Hoạch.

Đây là nơi thờ Đô đốc Quận công Lê Trung Nghĩa (vốn người họ Nguyễn), người làng Tu, thôn Nhuệ, xã An Hoạch. Ông là người lỗi lạc có chí lớn, một trung thần, bậc đại anh hùng đứng đầu hàng võ tướng triều Lê ***“công danh của ông ở nơi biên quận, sự nghiệp của ông ở triều đình, đức nghiệp và công huân danh tiếng truyền mãi muôn đời...”***, làm đến chức Tổng trấn Thanh Hoa, được vua ban Quốc tính và phong làm Phúc thần làng. Ngay từ lúc ông còn sống, dân làng đã tri ân, suy tôn làm bậc hậu thần và lập đền thờ với quy mô bề thế. ***“Sinh từ”*** (tức lăng Quận Mãn) được xây dựng năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782). Đây là một trong những lăng mộ đẹp nhất xứ Thanh với những tác phẩm điêu khắc điển hình cho nghệ thuật thời Lê Trịnh thế kỷ XVIII, hiện còn lưu giữ được nhiều hiện vật đặc sắc như 4 tấm bia thờ Lê, tượng thờ bằng đá, hương án, sập đá, ngai đá... Tại đây còn lưu giữ được 10 sắc phong thời Lê Trung Hưng và 1 sắc phong thời Nguyễn. Lễ giỗ được tổ chức vào mùng 10 tháng Giêng âm lịch, thu hút rất đông Nhân dân trong vùng về dâng hương.

- Di tích nhà cổ ông Lương Trọng Duệ

Trước Cách mạng tháng Tám thuộc làng Đông Sơn, xã Đông Sơn, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nay thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Đây là

một trong số 13 ngôi nhà cổ dân gian truyền thống, tiêu biểu nhất hiện còn ở làng Đông Sơn, với đầy đủ các hạng mục kiến trúc cảnh quan khá nguyên vẹn. Nhà chính 5 gian có phong cách kiến trúc thời Nguyễn, hiện làm nơi thờ tự và tiếp khách. Họ Lương Trọng là một dòng họ lớn ở làng Đông Sơn, có nguồn gốc từ họ Lương ở Hội Triều (Hoàng Hóa), một dòng họ nổi tiếng của xứ Thanh. Ngôi nhà được xây dựng từ đầu thời Nguyễn, đã được tu sửa năm 1926 và năm 2003. Hiện nay, di tích còn lưu giữ, bảo vệ được nhiều hiện vật cổ có giá trị. Di tích đã được xếp hạng di tích kiến trúc cấp tỉnh theo Quyết định số 3837/QĐ, ngày 27/12/2006.

- Di tích Nghè Nguyệt Viên

Nghè Nguyệt Viên xưa thuộc làng Nguyệt Viên, xã Từ Minh, tổng Từ Quang, huyện Hoàng Hóa, phủ Hà Trung, nay là làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, thành phố Thanh Hóa. Nghè thờ vị thần có duệ hiệu ***"Chương vĩ đức bảo trung hưng thượng đẳng thần"***, với truyền thuyết dân gian về tình yêu đơn phương và tuyệt vọng của nàng công chúa đẹp người đẹp nết, đã trầm mình ở khúc sông Nguyệt. Nghè Nguyệt Viên được xây dựng vào năm Quang Hưng thứ 16 (1593) triều Lê Thế Tông, trải qua nhiều lần tu bổ. Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827) triều Nguyễn, năm Thành Thái thứ 9 (1896) và gần đây nhất là trùng tu vào năm 2008. Nghè là một di tích có kiến trúc độc đáo, hiện còn lưu giữ được nhiều mảng chạm khắc trang trí tinh tế, đặc sắc, tiêu biểu cho nghệ thuật thời Nguyễn đầu thế kỷ XIX. Ngoài ra, nghè còn lưu giữ được nhiều hiện vật đồ thờ như đôi sấu đá thời Mạc, bài vị thời Hậu Lê, tượng thờ thời Nguyễn, bia đá, sắc phong... Hằng năm, lễ hội làng Nguyệt Viên tổ chức vào ngày mùng 10 tháng 2 (âm lịch); cùng với việc tế lễ, phần hội diễn ra vui tươi, nhộn nhịp với các trò diễn dân gian độc đáo như: Kéo hẹ, trò Tú Huân và đua thuyền... Nghè

Nguyệt Viên đã được Sở Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích cấp tỉnh.

- Di tích Đình Vĩnh Trị

Đình Vĩnh Trị xưa thuộc thôn Bình Trị, xã Từ Minh, tổng Từ Quang, huyện Hoảng Hóa, phủ Hà Trung, nay là thôn Vĩnh Trị, xã Hoảng Quang, thành phố Thanh Hóa. Đình thờ Thành hoàng làng ***Hiển Uy Trưng úng***, hiệu *Xung Thiên Hộ quốc chiếu triết phổ thế thượng đẳng phúc linh thần đại vương*. Vị ***“Thượng đẳng Phúc thần”*** có thần tích gắn liền với lịch sử *“bình trị giặc Tống, bảo toàn cương vực”* thời Tiền Lê; đến thời Hậu Lê lại linh ứng giúp vua Lê Thái Tổ đánh giặc. Đình có lịch sử từ thời Tiền Lê, xây dựng lại thời Hậu Lê (thế kỷ XVII), trải qua các triều đại sau đều được tu sửa tôn tạo, đình mới được sửa chữa nhỏ năm 2005. Hiện nay, ngôi đình còn lưu giữ được nhiều mảng chạm khắc trang trí đặc sắc, đề tài phong phú, đa dạng mang đậm phong cách nghệ thuật thời Lê và thời Nguyễn. Đình cũng còn lưu giữ được nhiều đồ thờ cổ như: Bảng văn, khay dài... trong khuôn viên đình còn nhiều chân tảng, đá bo thềm cũ. Đình Vĩnh Trị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật theo Quyết định số 4828/QĐ-UBND, ngày 31/12/2010. Lễ hội đình Vĩnh Trị hằng năm vào ngày 10/3 âm lịch với nhiều trò chơi, trò diễn dân gian độc đáo như: Boi trái, trò Tú Huân, rước kiệu...

2.1.4. Di tích khảo cổ

- Di chỉ núi Độ: Nằm ở bờ Nam sông Chu, cạnh Ngã Ba Đầu trên địa phận hai xã Thiệu Văn và Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa. Về địa chất, núi Độ thuộc loại núi sót ở giữa đồng bằng, cấu tạo chủ yếu bằng đá bazan, có tuổi Trung sinh đại, độ cao núi 158 - là một trong những ngọn núi cao ở đồng bằng hạ

lưu châu thổ sông Mã. Đây là “*Linh quy hỷ thủy*” (rùa vờn nước) của thắng tích “*Bàn A thập cảnh*”, nằm trong khu vực trung tâm của vùng văn hóa dân gian đồng bằng hạ lưu sông Mã. Năm 1960, các nhà khoa học đã phát hiện trên sườn núi Độ những di vật có liên quan đến sự xuất hiện và phát triển của người Nguyên thủy thuộc sơ kỳ đồ đá cũ có niên đại cách ngày nay hơn 30 vạn năm; từ đó đến nay có hơn 2.500 di vật được phát hiện và sưu tầm. Ngoài ra, núi Độ còn là nơi phát hiện di tích văn hóa quan trọng của các thời đại sau này như giai đoạn sơ kỳ thời đại đồng thau ở Cồn Chân Tiên, khu mộ táng thuộc giai đoạn Hán Đường - Lục Triều phía Đông Nam núi Độ... Di tích khảo cổ học núi Độ thuộc di chỉ khảo cổ học Thiệu Dương và Đông Sơn đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích khảo cổ học cấp Quốc gia.

- **Di chỉ văn hóa Đông Sơn:** Gồm 2 khu vực chính là ven bờ nam sông Mã và trong làng cổ Đông Sơn (nay thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa). Với phát hiện của ông Nguyễn Văn Năm (ông Kiểm Đạt) năm 1924 về một số đồ đồng nằm trong lòng đất khi sông bị lở, và các công bố sau này của trường Viễn Đông Bác Cổ trên tạp chí khoa học, làng Đông Sơn trở thành nổi tiếng thế giới dành cho “thời đại đồng thau ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ”, định danh cho nền “văn hóa Đông Sơn” của Việt Nam, là đỉnh cao của thời đại đồ đồng và sơ kỳ đồ sắt ở Việt Nam, tồn tại vào thế kỷ VII trước CN đến thế kỷ I-II sau CN. Đây là phát hiện quan trọng nhất của khảo cổ học Việt Nam; cho thấy làng Đông Sơn là một trong những làng Việt cổ xuất hiện từ rất sớm, tồn tại phát triển liên tục cho tới ngày nay; từ sự liên kết chặt chẽ và mang tính cộng đồng cao, cư dân Đông Sơn đã tạo nên một nền văn minh rực rỡ. Sau hơn 90 năm đã có 9 lần khai quật khảo cổ học tại làng Đông Sơn với quy mô lớn.

Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch) đã công nhận khu vực di chỉ này là di tích cấp Quốc gia theo Quyết định số 513-VH/VP ngày 28/4/1962.

- **Di chỉ lò gốm Tam Thọ:** Là di tích lò gốm có quy mô lớn và niên đại sớm nhất ở nước ta, từ thế kỷ I đến thế kỷ IV. Tại thời điểm phát hiện năm 1937, đây là lò nung gốm cổ duy nhất ở Đông Dương, thuộc tổng Viễn Chiêu, phủ Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nay là xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hóa. Gốm Tam Thọ có ảnh hưởng rất lớn đến thị trường gốm ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và vùng Thanh Nghệ, ngoài ra còn có mặt ở phía Nam quận Cửu Chân và nhiều nước khu vực Đông Nam Á. Khu lò gốm Tam Thọ được UBND tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích LSVH Khảo cổ học theo Quyết định số 255/QĐ-CT, ngày 28/01/2004.

2.1.5. Di tích danh lam, thắng cảnh: Là các danh lam thắng cảnh gắn với di tích, tiêu biểu như:

- **Di tích chùa Vòm và núi Bàn A:** Là loại hình di tích thắng cảnh và kiến trúc nghệ thuật độc đáo. Trước đây di tích thuộc làng Đại Khánh, tổng Đại Bái, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nay là phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa. Núi Bàn A, còn gọi là núi Vòm, núi Khánh Bằng, thuộc sơn hệ Hàm Rồng, được dân gian ví như cái đuôi vênh cong lên của con rồng Đông Sơn. Đây là ngọn núi đá có hình thù và màu sắc rất đẹp, đột khởi ở vùng đồng bằng hạ lưu sông Chu, sông Mã mà xung quanh là đồng ruộng, làng mạc, bãi bồi... tạo nên một cảnh sắc muôn màu, muôn vẻ và thơ mộng. Núi Bàn A gắn liền với truyền thuyết về ông Vòm, với “*Bàn A thập cảnh*” của Ngô Thì Sĩ, là nơi chốn ngao du của nhiều tao nhân mặc khách. Chùa Vòm (tức chùa Đại Hùng)

nằm dưới chân núi Bàn A được xây dựng từ năm Quang Thuận thứ nhất (1460) triều vua Lê Thánh Tông. Chùa Vòm có một phần nằm trong lòng hang, hiện còn lưu giữ được nhiều mảng chạm mang phong cách kiến trúc nghệ thuật thời Hậu Lê (thế kỷ XVII-XVIII), cùng nhiều hiện vật, công trình có giá trị như: Bức tượng A di đà đục chạm trực tiếp vào vách đá (dạng phù điêu nổi) có quy mô lớn nhất Việt Nam, nhóm bia tạc trên vách đá thời Hậu Lê (thế kỷ XVII-XVIII), hệ thống bia và mộ tháp thời Lê - Nguyễn... Lễ hội chùa diễn ra ngày 12/02 âm lịch hằng năm. Di tích chùa Vòm & núi Bàn A đã được UBND tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích LSVH & thắng cảnh theo Quyết định số 4173/QĐ-UBND, ngày 14/12/2011.

- **Động Tiên Sơn:** Còn gọi là hang Tún, hang Dơi, hang Cô Tiên, nằm trên núi Tún thuộc dãy núi Rồng, xã Đông Sơn, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hóa; nay là làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa. Đây là danh thắng nổi tiếng với huyền thoại về nàng Tiên áo trắng “*Bạch Y Tiên nương*” du ngoạn trần gian, ghé thăm “*Hồ nước Tiên*” ở động đã bị vợ chồng nhà Vòm giấu bộ cánh của nàng và lấp cửa hang lại. Nàng đã tự lo liệu cho cuộc sống của mình, tạo ra một thế giới thần tiên vô tận trong hang. Không rõ vì nàng không được trả lại đôi cánh, hay vì nàng đã vui say với cảnh trần thế mà không thấy nàng quay về tiên cung. Động được chia thành 3 khu: Chính cung, hồ nước tiên và thoải cung; đây là một địa danh du lịch hấp dẫn được xem là tinh hoa thiên nhiên xứ Thanh bởi có nhiều kiệt tác độc đáo được tạo hóa ban tặng, nhiều nhũ đá hình dáng đẹp và huyền ảo gắn liền với những truyền thuyết như tích Phật, tích Tiên, “*Hoa quả sơn*”, “*Hội bàn đào tiên*”...

2.2. Văn hóa phi vật thể

2.2.1. Phong tục, tập quán

Như nhiều vùng trên đất nước ta, trong cuộc sống của người dân thành phố Thanh Hóa từ xa xưa đã hình thành nên những phong tục, tập quán tốt đẹp. Trải qua thời gian hàng nghìn năm, có phong tục tập quán được bảo lưu đến ngày nay, có những phong tục được thay đổi theo điều kiện sống và phát triển của xã hội. Từ đầu đời Nguyễn nhiều làng xã đã xây dựng được những bản hương ước, đề ra những quy định cụ thể về các lĩnh vực từ tế tự đến khuyến học, giữ gìn an ninh trật tự... việc thực hiện các quy định này lâu dần đã trở thành phong tục được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Một trong những đặc trưng cơ bản của làng xã nước ta là tính cộng đồng. Điều này thể hiện rõ nhất trong phong tục về hôn nhân, tang ma và sinh hoạt cộng đồng. Phong tục về lễ tết và lễ hội cũng rất phong phú. Tết Nguyên đán đầu năm là những ngày quan trọng, sau Tết là rất nhiều những lễ tiết trong năm như: Rằm tháng Giêng; Tết Thanh Minh; Lễ phật Đản; tết Đoan Ngọ; rằm tháng Bảy; rằm tháng Tám; 23 tháng Chạp (tết ông Công, ông Táo)... Chu trình này khép kín trong một năm và bước vào năm mới lại tiếp tục. Vào mùa xuân, mùa thu nhiều lễ hội được tổ chức.

2.2.2. Tín ngưỡng, tôn giáo

Người dân thành phố Thanh Hóa có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo khá phong phú, đa dạng, từ việc thờ cúng tổ tiên, thờ thổ công tại gia, thờ thần ở các đền miếu, thờ thành hoàng ở Đình cho đến việc du nhập các tôn giáo như đạo Phật, đạo Kitô, đạo Tin lành... Có thể kể đến các loại hình tín ngưỡng

rõ nét nhất đang được bảo lưu và sinh hoạt cho đến tận ngày nay như: Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng; tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên; tín ngưỡng thờ Mẫu; thờ Thần (Thiên thần, Nhiên thần, Nhân thần)...

*** Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng**

Một học giả người Pháp đã nói rằng: “sự thờ phụng tổ tiên là tượng trưng cho gia đình và sự nối dõi tông đường. Còn sự thờ cúng Thành hoàng tượng trưng cho làng xã và sự trường tồn của thôn dân”. Trong phạm vi gia đình, người Việt thờ tổ tiên và vài vị thần như Thổ Công; Thần tài... ở phạm vi làng xã người Việt thờ Thành hoàng. Đây là tín ngưỡng có nguồn gốc từ Trung Quốc, tuy nhiên ở các làng Việt thì tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng không giống như tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng cổ Trung Quốc. Thành Hoàng của các làng Việt cổ nói chung không phải là vị thần bảo vệ thành và hào của làng mà đó là thờ người có công với nước đánh đuổi giặc ngoại xâm, hoặc người có công lập ra làng, có công truyền dạy một nghề nào đó cho dân làng, hoặc một ông quan tốt, hoặc một số vị thần theo truyền thuyết...

Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở các làng quê trên địa bàn thành phố Thanh Hóa xuất hiện từ rất sớm, là truyền thống văn hóa, phản ánh đời sống tâm linh của người dân. Qua khảo sát cho thấy, phần lớn các làng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa xưa ngoài việc thờ những vị anh hùng chống giặc ngoại xâm như: Tham Xung Tá Quốc; Trịnh Thế Lợi (làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng); Trần Hưng Đạo đại vương tôn thần (làng Văn Xá, Thọ Hạc); Chu Đại Lương Vương tôn thờ (làng Nam Ngạn); Nguyễn Tĩnh (làng Bào Nội, Bào Ngoại); Tống Duy Tân tôn thần (làng Phú Cốc, phường Lam Sơn);... còn thờ các vị như: Thượng ngàn Sơn Tinh công chúa (làng Định Hòa,

phường Đông Cương); Đông cự Linh ứng (làng Hạc Oa, phường Đông Thọ); Thạch bàn Thủy Tinh công chúa tôn thần... đó là hệ thống thần linh bản địa của người Việt cổ.

Thành hoàng là người có công, vị thần “bảo trợ” cho làng, vì vậy có những Thành hoàng còn được gọi là Phúc thần (vị thần ban phúc cho dân làng). Một làng có thể chỉ có một vị Thành hoàng nhưng cũng không hiếm làng thờ hơn một vị Thành hoàng (làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng), hay một vị Thần cùng lúc được nhiều làng suy tôn Thành hoàng như: (Tham Xung Tá quốc tôn thần, vừa được thờ ở làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng, lại được thờ tại làng Đông Tác, làng Thọ Hạc, phường Đông Thọ...).

Để một người (thần) được suy tôn Thành hoàng, hiển nhiên phải là người có công trạng. Vì vậy, mỗi Thành hoàng ở mỗi làng trên địa bàn thành phố lại có nguồn gốc khác nhau, có thể là Thiên thần, Nhiên thần hay Nhân thần. Và duệ hiệu của các Thành hoàng cũng được phân loại rất rõ: Đương cảnh Thành hoàng; Bản cảnh Thành hoàng; Bản thổ Thành hoàng. (Trong đó, Đương cảnh Thành hoàng là duệ hiệu được phong với số lượng nhiều nhất). Thành hoàng cũng có “thứ hạng” khác nhau:

+ Thượng đẳng thần (những vị thiên thần như Liễu Hạnh Công chúa; Tản Viên...; hay những thánh nhân như: Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, họ là người khi còn sống thì có công lao hiển hách, mất đi được các triều đại và Nhân dân nhớ ơn thờ phụng);

+ Trung đẳng thần (những vị thần được dân làng thờ từ lâu, có họ tên mà không rõ công trạng, hoặc có quan tước mà không rõ họ tên...);

+ Hạ đẳng thần (do dân xã thờ phụng, không rõ sự tích, thuộc bậc chính thần).

Và theo tài liệu trong cuốn “Thần tích - Thần sắc Thanh Hóa” do tác giả Nguyễn Văn Hải chủ biên: “Việc thăng phong các vị Thành hoàng căn cứ vào số tuổi của làng xã về công trạng của các vị thần. Số này phải nộp về triều đình trong một thời gian quy định. Các sắc phong đều được ban rước long trọng, cất giữ trang trọng trong hòm sắc thờ của địa phương. Có trường hợp, Thành hoàng chỉ là một người mà theo quan niệm là người được các vị thần ban cho sứ mệnh để sau này thay họ cai quản làng xã, được gọi là Thành hoàng song”.

Có thể nói, người Việt nói chung, cư dân trên địa bàn thành phố Thanh Hóa nói riêng vốn có đời sống văn hóa tinh thần vô cùng phong phú. Sự dung hòa của các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo tâm linh cùng tồn tại là chỗ dựa “tinh thần” cho đời sống cộng đồng. Ở đó, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng là nét đẹp văn hóa truyền thống được trao truyền qua các thế hệ, được ví như “điểm tựa” tâm linh của mỗi người dân.

*** Tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên**

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam đã trở thành một nét đẹp văn hóa, là chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc làm người. Đồng thời là một phần quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt, người dân thành phố Thanh Hóa xưa và nay cũng được hòa chung trong nét truyền thống văn hóa tốt đẹp đó. Trong mỗi gia đình, dòng họ của người dân thành phố Thanh Hóa nói riêng, người Việt Nam nói chung họ đều trọng lễ, nghĩa, hiếu thảo với cha, mẹ, ông bà, tổ tiên với nguồn gốc của mình.

*“Cây có gốc mới nở cành xanh ngon
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu”*

Từ xa xưa cho đến tận ngày nay trong mỗi gia đình trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, ban thờ gia tiên luôn được ưu tiên đặt ở vị trí trang trọng nhất của ngôi nhà. Các dòng họ lớn thường bố trí, ưu tiên một khoảng diện tích phù hợp để xây dựng các từ đường hay nhà thờ họ như: Từ đường họ Lê Quý (còn gọi là từ đường Lê đại tộc Phù Quang) làng Nguyệt Viên, xã Hoằng Quang; Từ đường họ Nguyễn Hữu thôn 3 làng Văn Tập, xã Thiệu Vân; Nhà thờ chi 3 dòng họ Nguyễn Đức thôn Gia Lộc, phường Quảng Thịnh; Từ đường họ Nguyễn Đình xưa thuộc thôn Nhân Phong, xã Lưu Thanh, tổng Lưu Vệ, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia; nay là thôn Nhân Văn, phường Quảng Hưng; Từ đường họ Phạm (còn gọi là đền thờ Phạm Công) thôn Thành Công, phường Quảng Thành; Từ đường họ Nguyễn Công thôn 8, phường Quảng Cát...

Việc thờ cúng tổ tiên được tiến hành ở trong mỗi gia đình hay các nhà thờ họ (từ đường), còn các dòng họ nhỏ hơn thì thờ tại các nhà trưởng tộc... Việc thờ cúng tổ tiên là nhiệm vụ quan trọng trong mỗi gia đình, cho nên con, cháu luôn luôn nhắc nhở nhau để làm tròn chữ hiếu. Lòng thành kính, sự biết ơn với cội nguồn, các bậc tổ tiên đã sinh thành ra mình của các thế hệ con, cháu được thể hiện qua những ngày giỗ, tết, sóc, vọng (ngày rằm, mừng một hằng tháng).

Đã bao thế kỷ trôi qua, cách thức và quan niệm về thờ phụng tổ tiên của người dân thành phố Thanh Hóa xét theo góc độ nào đó đã có nhiều thay đổi nhưng ý nghĩa lớn nhất thì vẫn giữ nguyên, coi đó là nguyên tắc đạo đức làm người. Đó là hình thức thể hiện sự hiếu thuận và lòng biết ơn với các bậc sinh thành. Như vậy có thể thấy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt nói chung không chỉ thể hiện đạo hiếu con cháu mà

còn là sự giáo dục sâu sắc cho các thế hệ sau nối tiếp truyền thống văn hóa của cha ông.

*** Tín ngưỡng thờ Thổ công**

Cùng với việc thờ cúng tổ tiên, trong mỗi gia đình của người dân thành phố còn thờ các vị gia thần, vị thần quen thuộc nhất là Táo quân - Thần bếp, có khi đồng nhất với thổ công. Cũng như rất nhiều hiện tượng khác của văn hóa Việt Nam, truyền thuyết về Thổ công là một câu chuyện chứa đầy ý nghĩa và triết lý: sở dĩ Thổ công là thần đất mà cũng là thần bếp. Nguồn gốc xa xưa của tục thờ thần bếp có thể là tục thờ lửa và thờ ông Núc (Tổ tiên) của người Thượng cổ. Về sau, theo dân gian thì thần bếp là bộ ba “Hai ông, một bà” gồm: Trọng cao là Thổ địa trông coi việc trong nhà; Thị Nhi là Thổ kỳ trông coi việc việc chợ búa; Phạm Lang là Thổ công coi việc trong bếp. Vị thần bếp có danh hiệu là “Đông trù tư mệnh, táo phủ thần quân”. Theo tục lệ cổ truyền, người Việt tin rằng, hằng năm cứ đến ngày 23 tháng chạp, Táo quân lại cưỡi cá chép bay về trời để trình báo mọi việc diễn ra trong gia đình với Ngọc Hoàng. Quanh năm Táo quân ở trong bếp nên biết hết mọi chuyện hay dở, tốt xấu của mọi người. Cho nên, để Táo quân (phù trợ) cho mình được nhiều may mắn trong năm mới, các gia đình người Việt nói chung trong đó có cư dân thành phố thường làm lễ tiễn đưa ông Táo về châu Ngọc Hoàng rất chu đáo.

Theo quan niệm của người Việt Nam, Thổ công là vị thần trông coi gia tư, ngăn chặn điều xấu, định đoạt phúc họa cho một gia đình cho nên giữ một vị trí rất quan trọng trong gia đình. Giáo sư Trần Ngọc Thêm đã giải thích rất thú vị rằng: Trong mối quan hệ với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, Thổ công định đoạt phúc họa cho cả nhà nên quan trọng nhất, nhưng ông bà, tổ tiên sinh ra ta nên được tôn kính nhất, bởi vậy mỗi khi

cúng lễ đều khăn thổ công trước để xin phép cho tổ tiên về. Đó cũng là nét đẹp văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam.

Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù xã hội phát triển mạnh mẽ, thành phố Thanh Hóa lại là Trung tâm đô thị, là nơi diễn ra nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, có nhiều hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ngoại lại được du nhập, nhưng đại đa số các gia đình trên địa bàn thành phố Thanh Hóa vẫn giữ gìn được nét đẹp văn hóa trong tín ngưỡng thờ cúng người có công với dân, với nước, các vị thần bảo hộ, hay thờ cúng ông bà, tổ tiên... đây cũng chính là sự thể hiện truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc, truyền thống “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây...”.

*** Tôn giáo**

Hầu hết các tôn giáo lớn như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành... đều xuất hiện từ khá sớm trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Theo khảo sát, hiện nay trên địa bàn thành phố Thanh Hóa có 3 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận và hoạt động hợp pháp là: Phật giáo, Công giáo và Tin lành, các tôn giáo trên địa bàn thành phố sống đan xen trong các khu dân cư. Với phương châm sống “Tốt đời - đẹp đạo”, các chức sắc, chức việc, bà con tín đồ, Phật tử trên địa bàn thành phố Thanh Hóa luôn sống và thực hành đức tin một cách chính đáng, gắn bó, đồng hành cùng sự phát triển chung của thành phố.

- **Phật giáo:** Xuất hiện khá sớm trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và còn được ghi lại trong nhiều tư liệu như "*Nam ông mộng lục*" của Hồ Nguyên Trừng (con trai cả của Hồ Quý Ly); Thanh Hóa Chư thần lục... ở thành phố Thanh Hóa vẫn còn vết tích nhiều ngôi chùa cổ được xây dựng từ thời Lý, Trần, Hậu Lê... tiêu biểu như chùa Báo Ân, xã Thiệu Vân;

chùa Phạm Thông (chùa Đông Sơn) phường Hàm Rồng; chùa Vòm, phường Thiệu Khánh... Nhiều nhà sư có tên tuổi như: Quán Viên Quốc sư; Thông Tuệ Đại sư...

Hiện nay trên địa bàn thành phố có 25 chùa và 01 Thiền viện (Thiền viện Trúc lâm Hàm Rồng), có 46 Tu sỹ, trong đó có 1 Ni trưởng, 01 Thượng tọa, 25 Đại đức, 02 ni sư, 16 sư cô; hình đồng 05 người. Ban Trị sự Phật giáo thành phố đặt tại chùa Đại Bi (phường Đông Vệ), Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, đặt tại chùa Thanh Hà (phường Trường Thi).

- **Công giáo:** (Thiên chúa giáo) du nhập vào nước ta từ thế kỷ XVI, Thanh Hóa được xem là địa phương được đạo Ki tô du nhập tương đối sớm. Trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay có Tòa Giám mục Thanh Hóa, Nhà dòng Mến thánh giá Thanh Hóa, Giáo xứ Chính tòa Thanh Hóa, Giáo xứ Đại Tiền, Giáo xứ Ngọc Tranh và 12 họ đạo, 01 vị Giám mục và 25 Linh mục, gồm: 01 Linh mục Chính xứ Chính tòa, 02 Linh mục phó xứ Chính tòa, 01 Linh mục Quản xứ Đại Tiền, số giáo dân là 5.395 giáo dân. Có khoảng 200 nữ tu thường xuyên sinh hoạt tại Nhà dòng mến thánh giá Thanh Hóa. Quan niệm về thế giới của đạo này là niềm tin vào Thiên chúa và sự mầu nhiệm của Thiên chúa. Con người do Thiên chúa sáng tạo nên có nghĩa vụ thờ phụng chúa. Giáo dân thực hiện 10 điều buộc của Thiên chúa và 06 điều răn của Hội thánh. Có 06 ngày lễ trọng, trong đó ngày Noel (lễ giáng sinh) 25 tháng 12 là ngày lễ lớn nhất.

- **Đạo Tin lành:** Du nhập vào Việt Nam từ đầu thế kỷ XX, du nhập vào địa bàn thành phố Thanh Hóa khá sớm, hiện có 02 cơ sở Tin lành được nhà nước công nhận và hoạt động hợp pháp là: Chi Hội thánh Tin lành Thanh Hóa, người đứng đầu là Mục

sư quản nhiệm, số lượng tín đồ khoảng 100 người; Điểm nhóm Tin lành Lutherran.

2.2.3. Lễ hội truyền thống

Cũng như các địa phương khác, trên địa bàn thành phố Thanh Hóa có hơn 30 lễ hội truyền thống, diễn ra quanh năm, nhưng chủ yếu tập trung vào mùa xuân với đầy đủ các loại hình lễ hội, tiêu biểu gồm:

+ Lễ hội gắn với các hiện tượng của tự nhiên và vị thần như: Lễ hội chùa Vòm và Núi Bàn A Sơn (phường Thiệu Khánh), là dãy núi đá có nhiều hình thù kì dị ở các góc nhìn khác nhau, là một địa danh gắn với một huyền thoại về người khổng lồ (tức ông Vòm) có sức khỏe vô địch đã có công trong việc đào sông, đắp núi một cách phi thường...

+ Lễ hội thờ các nhân vật huyền thoại có bóng dáng lịch sử như: Lễ hội Đền thờ Tống Duy Tân, thờ Mẫu "Thủy Tinh công chúa", tương truyền là công chúa trưởng của vua Lê Thái Tông, đã giúp vua Lê Thánh Tông đánh thắng giặc; Lễ hội Phủ Vạng, phường Đông Sơn Thờ mẫu thủy tinh công chúa;...

+ Lễ hội thờ các vị Thành hoàng làng có công với làng, với nước như: lễ hội đền thờ Nguyễn Phục, phường Quảng Thắng thờ Đông Hải Đại Vương, Thành hoàng làng Nguyễn Phục; lễ hội đền Vĩnh Trị, xã Hoằng Quang, thờ Thành hoàng làng và Đức Quốc Sư Lê Nhữ Bật, làng tổ chức đón Đức Quốc Sư Lê Nhữ Bật từ Đền thờ Đình Á về Đình Chánh (tại thôn Vĩnh Trị 2, xã Hoằng Quang);...

+ Lễ hội tôn vinh các anh hùng lịch sử như: Lễ hội Thái Miếu nhà Hậu Lê, phố Kiều Đại 2, phường Đông Vệ; lễ hội đền

thờ Dương Đình Nghệ, người có công đánh đuổi quân Nam Hán giành tự chủ cho đất nước...

3. Truyền thống hiếu học: Cũng giống như mọi thôn, làng khác trong tỉnh, các làng, xã xưa của vùng đất thành phố đều có các lớp học chữ Hán do thầy đồ dạy chữ, nơi đặt lớp là các gia đình khá giả trong làng muốn con hay chữ. Khi đã học hết sách của thầy đồ trong làng, những người muốn học thêm lại đi tìm thầy học nơi xa. Chính vì với tinh thần hiếu học ấy mà dưới triều Lê, vùng đất Thành phố đã có 4 vị đỗ đại khoa.

Ông Lê Bá Giác vốn quê ở đất Lam Sơn (Thọ Xuân), trú quán ở xã Bồ Vệ (phường Đông Vệ), đỗ Hoàng Giáp khoa thi Mậu Thìn (1508) đời Lê Uy Mục, làm đến chức Đô ngự sử. Ông Lê Trọng Bích em ruột ông Lê Bá Giác, đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) đời Lê Uy Mục, làm đến chức Tả Thị lang. Sau khi thi đậu đã làm quan trong triều, nhớ về nơi mình trưởng thành, hai vị đã xây dựng cầu qua sông cho làng, nên đến nay dân làng vẫn còn nhắc đến chuyện “Cầu Anh, Cầu Em”. Ông Nguyễn Tạo quê làng Thọ Hạc (nay thuộc phường Đông Thọ), năm 53 tuổi đỗ Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) đời Lê Huyền Tông, làm chức Công Khoa cấp sự trung. Ông Đỗ Huy Cư (tức Đỗ Huy Tuân) quê ở Lễ Môn, xã Đông Hải, năm 30 tuổi đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) đời Lê Hiến Tông, làm đến chức Hàn lâm Hiệu thảo, đã đi sứ nhà Thanh.

Đến khi Trần thành Thanh Hoa được dời về làng Thọ Hạc, trường nho học cấp tỉnh trước đặt ở làng Quảng Xá, sau dời về làng Thọ Hạc (khu đất giới hạn Cửa Tiền - Nguyễn Trãi - Lê Hồng Phong - Hạc Thành), và khoa thi Hương đầu tiên của Thanh Hóa diễn ra tại làng Thọ Hạc (khu đất giới hạn đường Nguyễn Thái Học - Trường Thi - Nguyễn Tạo - Cao Bá Quát),

lấy đỗ hai Cử nhân thì một trong hai người đó là ông Nguyễn Hữu Bình, cư trú ở xã Bồ Vệ, làm quan đến chức Hiệp Trấn.

Việc dựng nhà bia khuyến học ở Trường Thi vào năm Thành Thái thứ 3 (1891) “đã cổ vũ thêm kẻ sỹ học tập và chấn động lòng người, ngày càng có nhiều sỹ tử đến Trường Thi”.

Suốt triều Nguyễn có 47 khoa thi Hương thì Trường thi Thanh Hóa tổ chức 31 kỳ. Trong 31 kỳ thi, vùng đất Thành phố có 6 vị đỗ cử nhân: Ông Nguyễn Duy Trinh, người xã Đông Hương, đỗ cử nhân khoa Mậu Dần năm Tự Đức thứ 31 (1878). Ông Ngô Văn Bản, người thôn Quảng Xá, xã Bồ Vệ, đỗ cử nhân khoa Đinh Dậu, năm Thành Thái thứ 9 (1897) lúc 31 tuổi. Ông Nguyễn Duy Tân, người xã Bồ Vệ, đỗ Cử nhân khoa Kỷ Dậu năm Duy Tân thứ 3 (1909). Ông Lê Nguyên, làng Thọ Hạc và ông Nguyễn Đan Quế, làng Đức Thọ Vạn cùng đỗ Cử nhân khoa Nhâm Tý, năm Duy Tân thứ 6 (1912). Ông Vũ Đức Dương, người thôn Quảng Xá, đỗ cử nhân khoa Ất Mão năm Duy Tân thứ 9 (1915).

Phong trào tân học (học chữ Quốc ngữ) xen kẽ với phong trào cựu học (học chữ nho). Bắt đầu từ khoa thi Kỷ Dậu, năm Duy Tân thứ 3 (1909), sỹ tử đã phải làm một đề thi bằng chữ Quốc ngữ ở kỳ thứ 3, sang kỳ thứ 4 dịch một đề thi tiếng Pháp sang chữ Quốc ngữ (nếu tình nguyện). Đến khoa thi Ất Mão, năm Duy Tân thứ 9 (1915), đề luận Quốc ngữ ở kỳ thứ 2 đã toàn dùng chữ Pháp. Khoa thi Hương cuối cùng tổ chức vào năm Khải Định thứ 3 (1918) đã chấm dứt việc dùng chữ Hán trong văn bản hành chính mà chuyển sang chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Hai anh em Lê Liên Giao, Lê Liên Vũ⁹, người làng Đức Thọ Vạn thông minh hiếu học đã cùng thi đỗ Trung học

⁹ Hai ông người nhà nghèo đều thi vào Quốc học Huế mới có đủ điều kiện hoàn thành lớp đệ tứ bậc Trung học để tốt nghiệp được cấp bằng *Liplôme*

vào năm 1925, sau 10 năm học từ lớp Đồng ấu bậc Tiểu học đến lớp Độ tứ bậc Trung học (Collège). Trường Nho học cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh ly trở thành Trường Tiểu học Pháp - Việt. Các trường làng, trường huyện chỉ học đến lớp sơ đẳng, từ lớp nhì đệ nhất phải lên trường tỉnh. Về sau trường huyện mới có đến lớp nhất. Đến năm học 1931-1932, Thanh Hóa mới có Trường Trung học (Collège).

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, cư dân sinh sống trên địa bàn thành phố Thanh Hóa đã tạo nên một diện mạo văn hóa, với nhiều loại hình phong phú, đa dạng từ vật chất đến tinh thần. Đây chính là tấm gương phản chiếu lịch sử hình thành vùng đất, con người, phương thức sống, đấu tranh với tự nhiên và xã hội để tồn tại trong suốt chiều dài lịch sử. Sự lắng đọng, trầm tích của giá trị văn hóa trong tâm hồn và tình cảm của người dân thành phố, là hành trang, động lực giúp mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân luôn nỗ lực phát huy truyền thống lịch sử anh hùng, cách mạng để tiếp tục xây dựng thành phố Thanh Hóa trở nên văn minh, hiện đại hơn.

— — —

BÀI 3

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ RA ĐÒI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG, THAM GIA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC, XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1945-2020)

I. THÀNH PHỐ THANH HÓA TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX

1. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội

Về chính trị

Thực hiện chính sách chia để trị, thực dân Pháp chia nước ta thành 3 kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) và đặt ở mỗi kỳ chế độ cai trị khác nhau. Thanh Hóa thuộc Trung kỳ nằm dưới chế độ bảo hộ, triều đình phong kiến nhà Nguyễn trực tiếp cai trị.

Bên cạnh tòa Công sứ là bộ máy cai trị của nhà Nguyễn gồm có: Tổng đốc, án sát, bố chánh, lãnh binh. Dưới huyện là phủ châu cùng một số nha lại và một đội lính quản lý toàn diện các mặt: hành chính, pháp lý, an ninh. Riêng thành phố Thanh Hóa đứng đầu là một đốc lý (do công sứ kiêm nhiệm) và một số nhân viên giúp việc. Thực tế mọi quyền hành đều tập trung vào thực dân Pháp mà đại diện là tòa công sứ, chính quyền phong kiến được thực dân Pháp duy trì để dễ bề lừa bịp Nhân dân.

Về kinh tế

Cùng với việc xây dựng và phát triển các cơ quan cai trị hành chính và quân sự để tăng cường bộ máy bóc lột, kìm kẹp nhân dân ta, thực dân Pháp chú trọng đầu tư xây dựng một số

cơ sở kinh tế phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa. Cụ thể một số công trình tiêu biểu là:

Năm 1901, thực dân Pháp tiến hành xây dựng cầu Hàm Rồng. Cầu do 2 kỹ sư người Pháp là Đay - đê (Daydé) và Pi-lê (Pillé) thiết kế và chỉ đạo thi công. Do điều kiện địa hình phức tạp và trình độ kỹ thuật lúc bấy giờ còn hạn chế nên cầu Hàm Rồng lúc đó không xây được trụ cầu, mà là cầu treo bắc qua 2 bờ sông Mã. Năm 1904 cầu được hoàn thành, đến ngày 17/3/1905, tuyến đường sắt Hà Nội - Vinh - Bến Thủy đã được thông.

Năm 1927, Hoàng Văn Ngọc, một nhà tư sản dân tộc đã xây dựng nhà máy đèn với 2 máy phát công suất 30kw và 1 máy phát công suất 150kw chạy bằng than lò. Ngày 7/3/1928 khánh thành đưa vào sử dụng, chủ yếu phục vụ cho quan lại người Pháp và công sở của người Pháp, quan lại Nam Triều, các hộ buôn bán giàu có...

Năm 1905, tư bản Pháp kêu gọi cổ phần xây dựng Công ty Cưa xẻ và chế biến Diêm ngay dưới chân núi Hỏa Châu (còn gọi là Núi Nít), phía Bắc cầu Hàm Rồng.

Tư bản Pháp còn đặt ngay tại Hàm Rồng, phía Nam Ngạn một nhà máy rượu gọi là Nhà máy rượu Phong - ten (Fontane). Đồng thời tư sản người Việt cũng đầu tư thành lập hãng rượu Nam Đồng Ích, đây là một hãng rượu lớn, trụ sở nằm ở thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) nhưng cơ sở sản xuất đặt tại Thanh Hóa.

Về văn hóa - xã hội:

Giáo dục: Năm 1918, khoa thi Hán học cuối cùng ở Trường Thi Hương tỉnh Thanh Hóa. Sau đó các trường Pháp - Việt mở ngày càng nhiều, mỗi tổng một trường học:

Tổng Thọ Hạc đặt ở làng Đông Khôi (nay thuộc phường Đông Cương).

Tổng Bộ Đức đặt ở làng Hương Bào (nay thuộc phường Đông Hương).

Tổng Lưu Thanh đặt ở làng Tức Tranh... (nay thuộc phường Quảng Thành).

Đến trước năm 1930, thị xã Thanh Hóa có trường Tiểu học quốc lập và Trường Tiểu học Đông Sơn. Học sinh học hết cấp tiểu học đi thi đậu sẽ được nhận bằng Pòrime. Đến năm 1931, thực dân Pháp mở trường Cao đẳng tiểu học, khai giảng vào 15/9/1931 (sau đổi tên là Trường College).

Văn hóa: Tại thành phố Thanh Hóa những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ngoài Nhà Xéc (câu lạc bộ của người Pháp) còn có hội quán Trí Tri hay còn gọi là Khai Trí Tiến Đức và Hội quán Tiến Hưng. Hai hội này tập hợp các công chức và trí thức vào với mục đích hoạt động văn hóa, thể thao, đọc sách... để nâng cao dân trí. Bên cạnh đó còn có 2 rạp chiếu bóng là Gô-mông (chuyên chiếu phim câm) và Xinêắc (Xinéac).

Y tế: Năm 1904 thực dân Pháp xây dựng nhà thương tỉnh (bệnh viện), là một trong bốn nhà thương lớn của Trung Kỳ. Đến năm 1915, xây dựng thêm một số nhà hộ sinh.

Tất cả những biến đổi về kinh tế, xã hội đã làm thay đổi cơ cấu dân cư và hình thức xã hội. Từ một xã hội phong kiến trước khi thực dân Pháp xâm lược, đến đầu thế kỷ XX đã trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Đứng vào lúc đó trào lưu tư tưởng tư sản từ ngoài tràn vào, do điều kiện trong và ngoài nước đã có một sự chuyển mới trong phong trào đấu tranh của Nhân dân thị xã Thanh Hóa.

2. Phong trào yêu nước của nhân dân thành phố Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cùng với phong trào yêu nước của Nhân dân cả nước, Nhân dân Thanh

Hóa nói chung và thành phố Thanh Hóa nói riêng đã diễn ra các phong trào đấu tranh dưới nhiều hình thức quyết liệt, phong phú như: Phong trào Đông Du diễn ra vào năm 1905; phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục diễn ra vào năm 1907; phong trào chống thuế Trung kỳ năm 1908... Tại thành phố Thanh Hóa nhà ông Cử Xương (Nguyễn Xương) phố Cửa Tiền, nhà ông Tú Nhuệ phố Tịch Điền đã tổ chức nhiều cuộc họp của những sỹ phu yêu nước bàn chuyện quyền tiền mua sách, báo, mở trường học... các phong trào này đều có sự tham gia tích cực của các trí thức nho học, học sinh vì vậy bị chính quyền thực dân phong kiến khủng bố dã man. Vì chưa có con đường cách mạng đúng đắn, chưa có một phương thức hoạt động thực sự cách mạng nên dù lúc đó phong trào đấu tranh có rộng lớn, mạnh mẽ vẫn không thực hiện được mục tiêu và nguyện vọng của nhân dân là giải phóng dân tộc.

Đầu năm 1925, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức yêu nước lấy tên là Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội (ngày nay gọi là Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên) tại Quảng Châu (Trung Quốc) bao gồm những thanh niên yêu nước Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc, tỉnh Thanh Hóa có người thanh niên yêu nước Lê Hữu Lập (quê ở Hậu Lộc) được chọn lựa kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đầu tiên này. Đến cuối năm 1925, đồng chí Lê Hữu Lập được cử về Thanh Hóa để tuyên truyền vận động những thanh niên yêu nước sang Quảng Châu học tập, dự lớp huấn luyện và lựa chọn người để kết nạp vào Hội.

Tháng 5/1926, Lê Hữu Lập đã đứng ra thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tại số nhà 26, phố Thợ Thêu, gồm 10 người (còn gọi là thập nhân chi hội) do ông Lê Công Thanh làm tổ trưởng; tháng 2/1927, tiểu tổ Việt Nam Cách mạng thanh niên ở thị xã Thanh Hóa được thành lập ở Trường Tiểu học Đông Sơn và Trường Tiểu học thị xã. Hai tiểu tổ này đã tổ

chức một cuộc tẩy chay, đánh đuổi tên thực dân Tích-co chuyên nghề quay số lừa bịp ức hiếp nhân dân. Đây gọi là vụ “đánh Tây quay số”, đã thu được thắng lợi, kết quả là cả chủ và những người làm công đều phải bỏ chạy.

Cuối năm 1927, khai trương chi điểm Hưng nghiệp hội xã ở phố lớn (nay là phố Trần Phú), đồng chí Mai Xuân Diễn (quê ở Hậu Lộc) phụ trách.

Tháng 6/1927, tại Lò Chum, chi bộ Tân Việt của thị xã Thanh Hóa ra đời, tại đây tỉnh bộ Tân Việt đã mở nhiều lớp huấn luyện cho cán bộ, đảng viên, có lớp kéo dài 3 tháng dưới danh nghĩa là học văn hóa để che tai mắt của kẻ thù.

Sự ra đời của các tổ chức tiền thân của Đảng đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào cách mạng. Đến cuối năm 1929, tại trụ sở Hưng nghiệp Hội xã ở thị xã Thanh Hóa, tỉnh bộ thanh niên tổ chức Hội nghị dưới sự chủ trì của đồng chí Hoàng Khắc Trung, Bí thư tỉnh bộ thanh niên, toàn thể Hội nghị đã nhất trí với chủ trương của Tổng bộ, giải tán thanh niên để tiến tới thành lập Đảng cộng sản.

II. THỊ XÃ THANH HÓA TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

1. Phong trào cách mạng của nhân dân thành phố góp phần giành chính quyền về tay Nhân dân (1930 -1945)

Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập tại Hương Cảng (Trung Quốc). Đây là sự kiện có ý nghĩa hết sức lớn lao đối với phong trào cách mạng cả nước. Từ đây phong trào cách mạng trong cả nước đã có một bộ tham mưu lãnh đạo, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng nước ta. Sau thời gian ngắn ngày 29/7/1930, trên cơ sở 3 chi bộ đầu tiên là Hàm Hạ (Đông Sơn), Phúc Lộc (Thiệu Hóa) và Yên Trường

(Thọ Xuân), dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Thanh Hóa ra đời. Hội nghị thành lập đảng bộ tỉnh Thanh Hóa được diễn ra tại nhà ông Lê Văn Sỹ, làng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tham dự Hội nghị thành lập Đảng bộ có 11 đảng viên, đồng chí Lê Thế Long (Hàm Hạ, Đông Sơn) được cử làm Bí thư.

Sự ra đời của các chi bộ và Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã đánh dấu bước phát triển mới, một bước ngoặt trên con đường đấu tranh giải phóng của tỉnh. Từ đây trong phong trào cách mạng tỉnh Thanh Hóa có Đảng trực tiếp lãnh đạo, Nhân dân các dân tộc Thanh Hóa vững vàng đi lên dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, cùng cả nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác đến khi dành được thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi Đảng bộ tỉnh được thành lập, thực dân Pháp phát hiện được các cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng của ta, chúng đã mở chiến dịch truy lùng, bắt bớ các đảng viên, những người tham gia các hoạt động yêu nước... đến cuối năm 1930, Đảng bộ bị khủng bố, số đảng viên chỉ còn lại 25 người.

Trước tình hình trên, dưới sự lãnh đạo của xứ ủy Trung Kỳ, ngày 01/01/1931, tại làng Hồ Thượng, xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Tân Dân, thị xã Nghi Sơn) Tỉnh ủy Thanh Hóa được thành lập. BCH Đảng bộ gồm 5 đồng chí, do đồng chí Ngô Đức Mậu (quê Hà Tĩnh) làm Bí thư.

Tháng 4/1931, Tỉnh ủy Thanh Hóa họp chủ trương phát động phong trào quần chúng trong công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân để ủng hộ Xô Viết Nghệ - Tĩnh. Đồng thời nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế lao động, tổ chức rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm...

Hưởng ứng kế hoạch của Tỉnh ủy, những người hoạt động cách mạng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa đã bí mật rải truyền đơn ở nhiều nơi trong nội thành và Trường Tiểu học

Đông Sơn... Sáng ngày 01/5/1931, cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay trên nóc nhà Ga Thanh Hóa. Cùng thời gian này tại Nhà máy Diêm Hàm Rồng, Trường Tiểu học Thanh Hóa, Tiểu học Đông Sơn, một số đường phố... truyền đơn xuất hiện kêu gọi công nhân, nông dân, công chức, giáo viên, học sinh... đấu tranh chống áp bức bóc lột của bè lũ thực dân, quan lại phong kiến, đòi tăng lương, giảm giờ làm và ủng hộ Xô Viết Nghệ - Tĩnh...

Nhờ những hoạt động tích cực của Đảng, các tổ chức cách mạng và sự giác ngộ của quần chúng nên phong trào đấu tranh từng bước được nâng lên. Những cuộc rải truyền đơn, treo cờ đỏ tuy là những hình thức đấu tranh ở mức độ thấp nhưng đã chứng tỏ rằng vào lúc này Đảng ta thực sự sống trong lòng quần chúng, được quần chúng nuôi dưỡng, bảo vệ, chở che...

Cuối năm 1935, đầu năm 1936, sau khi Chính phủ bình dân Pháp ra đời, phong trào cách mạng trong tỉnh được phục hồi và có những bước phát triển mới. Một số các đồng chí đảng viên cộng sản như: Lê Chủ, Trịnh Huy Quang, Bùi Đạt... được trả tự do trở về địa phương tiếp tục hoạt động chỉ đạo phong trào cách mạng¹⁰.

Ngày 15/3/1936, các đồng chí tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy ở làng Phong Cốc (xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân). Hội nghị đã chỉ ra những nhiệm vụ cần thiết, trước mắt và phân công đồng chí Bùi Đạt (quê xã Thịnh Lộc, nay là thị trấn Hậu Lộc) phụ trách thành phố Thanh Hóa.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, phong trào cách mạng trong tỉnh cũng như thành phố Thanh Hóa có bước phát triển mới.

Thành phố Thanh Hóa, trung tâm chính trị, kinh tế của tỉnh, thành lập hội đọc sách báo cách mạng. Hội được tổ chức

¹⁰ Đồng chí Lê Chủ quê xã Thiệu Vũ (huyện Thiệu Hóa) làm Bí thư Tỉnh ủy năm 1936; đồng chí Trịnh Huy Quang (anh trai đồng chí Trịnh Huy Lân, quê huyện Vĩnh Lộc); đồng chí Bùi Đạt (quê huyện Hậu Lộc) là Tỉnh ủy viên trong những năm 1936-1939.

và hoạt động sâu rộng trong đội ngũ học sinh. Nổi bật nhất là học sinh Trường Côlege (Collge), họ đã ra tờ báo chép tay lấy tên là “LOA”, do ông Bùi Kính Thăng (quê ở Yên Định) chép lại bài viết kêu gọi đồng bào không đi xem xiếc người Anh miệt thị dân tộc Việt Nam.

Đầu năm 1936, Quốc hội Pháp quyết định cử một phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương. Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi thành lập ngay các Ủy ban hành động để đoàn kết, tập hợp lực lượng tiến tới “Đông Dương đại hội”.

Đây là phong trào mở đầu cho phong trào đấu tranh công khai đòi quyền dân sinh, dân chủ trong cả nước. Hướng ứng chủ trương của Đảng, ở Thanh Hóa, các ủy ban hành động được thành lập, được đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia. Tại thành phố Thanh Hóa một số đảng viên như Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Đình Thực, Lê Liên Giao, Lê Liên Vũ... (quê ở Lò Chum) đã tập hợp được hơn 30 người thành lập ủy ban hành động và thu thập hàng trăm bản kiến nghị, chữ ký, điểm chỉ đòi chính phủ thuộc địa phải thi hành cải cách ở Đông Dương, đòi quyền tự do, dân chủ. Hoảng sợ trước phong trào đang phát triển mạnh, ngày 21/9/1936, chính quyền thực dân ra lệnh cấm “Đông Dương đại hội” của toàn Xứ Trung Kỳ. Tiếp đó ngày 4/2/1937, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh thành lập Hội đồng điều tra thuộc địa và Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp cử phái viên Gôđa sang điều tra tình hình Đông Dương.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh phát động các địa phương tổ chức “đón” Gôđa. Mặc dù lịch trình trở lại Thanh Hóa của Justin Godart được thực dân Pháp bung bít, nhưng những người cộng sản hoạt động ở thành phố Thanh Hóa cùng một số nhân sỹ tiến bộ đã tận dụng mọi điều kiện để gặp Gôđa khi từ Hà Nội trở vào Huế. Vì vậy, sau khi

được tin Gôđa đang có mặt tại tòa sứ, đại diện lực lượng dân chủ ở thành phố Thanh Hóa gồm một số đảng viên cộng sản và nhân sỹ tiến bộ đã đến và buộc nhà cầm quyền cho gặp Gôđa để đưa bản dân nguyện. Gôđa buộc phải tiếp đoàn trong vòng một giờ đồng hồ và hứa sẽ nghiên cứu giải quyết các yêu cầu kiến nghị¹¹.

Năm 1937, chính quyền thực dân phong kiến chủ trương thành lập Nghị viện dân biểu Trung kỳ.

Khu vực thành phố, huyện Quảng Xương và tổng Thủy cơ (phường Đông Hải), Mặt trận dân chủ đặt trụ sở tại nhà ông Tú Tá (phố Huế nay là phố Trần Phú, phường Ba Đình) để người ứng cử tiếp xúc với cử tri... với những hình thức hoạt động sáng tạo, linh hoạt ngày 10/8/1937 là ngày bầu cử đã trở thành ngày hội tuyên truyền tư tưởng cách mạng, vạch trần bộ mặt xấu xa của bọn tay sai gian ác. Kết quả cuộc bầu cử Viện Dân biểu Trung kỳ đã thắng lợi, 5 trong 6 số đại biểu là những nhân sỹ, hào mục tiến bộ do Mặt trận giới thiệu đã giành số phiếu cao và được cử giữ chức vụ quan trọng trong Viện Dân biểu.

Với vị trí là trung tâm chính trị, kinh tế của tỉnh phong trào đấu tranh công khai ở thành phố Thanh Hóa thời gian này phát triển mạnh mẽ.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy (tháng 12/1936), cơ quan Tỉnh ủy chuyển về thành phố. Nơi liên lạc công khai là “Hiệu giặt là” do đồng chí Bùi Đạt phụ trách và nơi liên lạc bán công khai là cửa hàng cơm phở nhà Dòng; nơi liên lạc đặc biệt là cửa hàng nước mắm ở phố Ba Đình. Cơ quan bí mật số 1 đặt ở phố Cửa Hậu, đây cũng là nơi làm việc của đồng chí Trịnh Huy Quang -

¹¹ Theo hồi ký cụ Nguyễn Đình Thục về “thời kỳ Mặt trận dân chủ ở Thanh Hóa”. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Bí thư Tỉnh ủy; cơ quan bí mật số 2 dành để đón tiếp cán bộ Trung ương, Xứ ủy. Nơi hội họp của Tỉnh ủy là cơ sở Ba Toa và trại bò sữa Hàm Rồng.

Thành phố Thanh Hóa đã trở thành đầu mối liên lạc của phong trào cách mạng trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào đấu tranh của các tầng lớp Nhân dân đòi quyền dân sinh, dân chủ và vận động tuyên truyền các tổ chức cách mạng của cả tỉnh.

Tháng 5/1938, tại thành phố Thanh Hóa thành lập “Thanh Hoa thư quán”, đại lý phát hành sách báo công khai của Đảng do đồng chí Bùi Đạt làm chủ hiệu, đồng chí Trịnh Hữu Thường trực tiếp bán sách và giao dịch. Cùng thời gian này Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục xây dựng các tổ chức dân chủ thu hút đông đảo các tầng lớp quần chúng vào trận tuyến đấu tranh.

Tháng 3/1938, Đoàn thanh niên Tân tiến được thành lập, có 15 đoàn viên, đến tháng 6/1938 được đổi tên thành đoàn thanh niên dân chủ.

Đồng thời, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, tháng 6/1938, Hội phụ nữ dân chủ được thành lập trên cơ sở Hội phụ nữ giải phóng (thành lập tháng 2/1935).

Đoàn thanh niên dân chủ và Hội phụ nữ dân chủ đều được thành lập đầu tiên ở thành phố Thanh Hóa. Việc xây dựng và mở rộng hệ thống tổ chức đã tạo ra lực lượng cách mạng đông đảo đưa phong trào cách mạng của quần chúng Nhân dân phát triển mạnh mẽ từ thấp lên cao, từ đấu tranh kinh tế lên đấu tranh chính trị.

Từ cuối năm 1938, trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, các tổ chức ái hữu được thành lập trong các ngành nghề lao động như “Hội kéo xe ái hữu” của phu kéo xe; “Hội bóng đá” của Nhà máy Diêm Hàm Rồng... Nổi lên là cuộc vận động ủng hộ

Nhân dân Trung Hoa kháng chiến chống phát xít Nhật vào ngày 7/7/1938 và nhân ngày cách mạng tư sản Pháp 14/7, Tỉnh ủy tổ chức cuộc mít tinh tại Hội quán Hoa Kiều có gần 600 người tham dự...

Tại khu vực thành phố Thanh Hóa - Hậu Lộc - Hoằng Hóa, đầu năm 1940, đồng chí Đào Duy Dếnh, cán bộ xứ ủy Trung kỳ ra Thanh Hóa nối liên lạc với Đảng bộ tỉnh. Tháng 3/1940¹², đồng chí đã tổ chức Hội nghị và thành lập Tỉnh ủy do đồng chí Nguyễn Đức Nhuận làm Bí thư. Sau Hội nghị, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Đức Nhuận, thành phố Thanh Hóa đã lập ra Hội phản đế cứu quốc. Bên cạnh đó còn có Hội thanh niên phản đế ở trường tư thục Lam Sơn và cơ sở Đoàn ở trường Trung học do Nguyễn Nguyên phụ trách...

Thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, trong tỉnh đẩy lên phong trào củng cố, phát triển Hội phản đế cứu quốc và lực lượng vũ trang cách mạng, đồng thời phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển mạnh mẽ. Trước tình hình đó, nhất là sau khi dập tắt khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, binh biến Đô Lương, thực dân Pháp đã huy động lực lượng đánh phá các cơ sở cách mạng, lùng bắt các chiến sỹ cộng sản và quần chúng cốt cán.

Để tiếp tục duy trì phong trào cách mạng và đối phó với những âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, tháng 6/1941, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tại làng Phúc Tinh (xã Yên Thịnh, huyện Yên Định) đã đề ra chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang, tiến tới thành lập căn cứ địa cách mạng.

Ngày 19/9/1941, tại Hang Treo (thuộc 02 huyện Hà Trung và Thạch Thành), Ban lãnh đạo chiến khu tổ chức lễ thành lập Đội du kích Ngọc Trạo gồm 21 đội viên. Đây là mốc lịch sử

¹² Những sự kiện Lịch sử Đảng bộ Thanh Hóa (1925-1945), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Thanh Hóa 1978, trang 120.

quan trọng của lực lượng vũ trang Thanh Hóa, đánh dấu một bước phát triển mới của lực lượng vũ trang tỉnh nhà. Sau khi thành lập, mọi hoạt động của chiến khu ngày càng khẩn trương và tích cực tuyển chọn thanh niên các nơi bổ sung về. Thành phố Thanh Hóa, nhóm thanh niên phản đế cứu quốc đã cử Bùi Kính Thăng, Trần Mai Ninh... tham gia chiến khu. Bên cạnh đó, nhân dân thành phố đã gửi thuốc chữa bệnh, vải, thực phẩm, đèn pin... cho chiến sỹ Ngọc Trạo.

Tháng 12/1941, phát xít Nhật tuyên chiến với Anh - Mỹ, gây chiến tranh Thái Bình Dương. Thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” phát xít Nhật đưa vào Thanh Hóa một phái đoàn kinh tế để khảo sát các khu vực kinh tế của tỉnh để lập Kế hoạch khai thác, đồng thời còn đặt Tòa Hiến binh Nhật bên cạnh Tòa công sứ Pháp. Chúng còn đưa vào Thanh Hóa một đội quân gồm đủ loại đông tới hàng nghìn tên đóng rải rác khắp thành phố Thanh Hóa.

Đầu năm 1942, một số đồng chí đảng viên đã trốn khỏi nhà tù Buôn Mê Thuật và trại tập trung Ly Hy tìm đường liên lạc với đồng chí Nguyễn Đình Thục (phố Lò Chum), sau đó các đồng chí về làng Thượng (xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn) để tránh sự lùng bắt của kẻ thù.

Tại thành phố Thanh Hóa, sau khi tiếp nhận được tài liệu “Thanh Hóa Ái quốc hội” đồng chí Vũ Đình Chung và Nguyễn Đình Thục đã đi vào các giới tiểu thương thành phố, công chức, các công sở, trí thức, tư sản, giáo viên, học sinh... thành lập các tổ chức ái quốc.

Cuối năm 1944, đồng chí Đinh Chương Lâm được Tỉnh ủy phân công về phụ trách thành phố, đồng chí đã chấp nối liên lạc với đồng chí Vũ Đình Chung tại cơ sở liên lạc nhà số 26 phố Hàng Đồng và tiếp tục lãnh đạo nhân dân thành phố đấu tranh.

Ngày 12/6/1944, công nhân Nhà máy Diêm Hàm Rồng đã bãi công chống lại chính sách hà khắc của bọn chủ. Cuộc đấu tranh diễn ra liên tục trong 4 ngày, cuối cùng buộc chủ nhà máy phải thực hiện yêu cầu của anh, em công nhân.

Ngoài ra các cuộc đấu tranh của thanh niên, học sinh diễn ra liên tục bằng hình thức rải truyền đơn, thành lập nhóm Việt Minh trong các trường...

Đêm mùng 9/3/1945, Nhật đảo chính, Pháp độc chiếm Đông Dương, chúng nặn ra chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, một hệ thống chính quyền từ Trung ương đến địa phương được dựng lên làm tay sai cho chúng.

Thời điểm này, tỉnh Thanh Hóa đang ở đỉnh cao của nạn đói, cảnh chết đói diễn ra khắp đường, khắp chợ... mặc dù vậy, ở thành phố Thanh Hóa, dựa vào hoạt động công khai của phong trào truyền bá quốc ngữ, chống đói, các hoạt động bí mật, hợp pháp, bất hợp pháp.... Mặt trận Việt Minh thành phố đã nêu ra một số chủ trương cấp thiết như vạch mặt bọn Nhật, cảnh cáo Đại Việt, đẩy mạnh phát triển các đoàn thể cứu quốc, mở lớp huấn luyện quân sự và chương trình Việt Minh. Lúc này, Hội phụ nữ cứu quốc phát triển khá mạnh và rộng khắp ở Cầu Sàng, Bào Nội, Lò Chum, phố Ngang, phố Nhà Thương, phố Cửa Tả... ngoài nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, đọc sách báo cách mạng, chị em còn quyên tiền, quyên vàng, bán trái phiếu ủng hộ Việt Minh.

Nhóm thanh niên cứu quốc ga Thanh Hóa; Nhóm thanh niên cứu quốc Nhà máy đèn; các nhóm thanh niên, học sinh ở các trường, ở các cơ sở tiểu thương v.v... đều vận động tích cực trong giới của mình đẩy mạnh tổ chức và hoạt động tạo

điều kiện cho phong trào Việt Minh phát triển mạnh mẽ, mở ra một cao trào kháng Nhật cứu nước.

Phong trào quần chúng lên cao, tháng 7/1945, đồng chí Lê Tất Đắc chủ trì việc kiện toàn Ban Cán sự Việt Minh thành phố do đồng chí Phạm Văn Sáu làm Trưởng ban.

Sau khởi nghĩa Hoàng Hóa (ngày 24/7/1945), ngày 13/8/1945 Tỉnh ủy Thanh Hóa triệu tập Hội nghị mở rộng tại làng Mao Xá (xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, Hội nghị đã quyết định phát động khởi nghĩa trong toàn tỉnh.

Đêm 16/8, đồng chí Lê Tất Đắc thay mặt Ủy ban khởi nghĩa tỉnh viết thư cho chỉ huy quân đội Nhật đóng ở thành phố yêu cầu quân đội Nhật không được can thiệp vào nội bộ của người Việt Nam, rút hết binh lính về tập trung tại một địa điểm. Sáng 17/8, đồng chí Phạm Văn Sáu trực tiếp đưa lá thư cho chỉ huy quân đội Nhật và đã thuyết phục quân đội Nhật đồng ý rút về khu vực nhà Dòng¹³.

Trong 02 đêm 17 và 18, Ban cán sự Việt Minh thành phố đã tổ chức Hội nghị bàn Kế hoạch, biện pháp khởi nghĩa tại nhà ông Lê Liên Giao (phố Lò Chum). Hội nghị đã quyết định huy động lực lượng vũ trang và lực lượng quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Hội nghị cử Ủy ban khởi nghĩa gồm 9 người do đồng chí Phạm Văn Sáu làm Trưởng ban.

Sáng 19/8, quân đội Nhật lần lượt rút về nhà Dòng, lá cờ đỏ sao vàng khổ lớn tung bay trên đỉnh núi Mật, băng, cờ, khẩu hiệu sáng rực cả thành phố.

Tối 19/8, Ủy ban khởi nghĩa họp mở rộng, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố do đồng chí Phạm

¹³ Khu vực Trường Trần Mai Ninh hiện nay.

Văn Sáu làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Yêm và Lê Kiều làm Phó Chủ tịch.

Chiều ngày 20/8, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố ra mắt quốc dân đồng bào tại vườn hoa Độc lập (Khu đất giới hạn bởi các đường: Lê Hữu Lập, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Đại lộ Lê Lợi nay).

Cùng với các huyện trong tỉnh, nhân dân thành phố Thanh Hóa đã đóng góp vào thắng lợi chung của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong mùa thu tháng 8 năm 1945 lịch sử. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội.

2. Sự ra đời của Đảng bộ thành phố và quá trình lãnh đạo Nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1945 - 1954)

a. Sự ra đời của Đảng bộ thành phố Thanh Hóa

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhân dân thành phố Thanh Hóa phấn khởi tin tưởng hết lòng ủng hộ cách mạng Song đứng trước những khó khăn thách thức. Sản xuất đình đốn, tài chính kiệt quệ, đồng tiền mất giá. Nạn đói do hậu quả của chính sách bóc lột của phát xít Nhật và thực dân Pháp vẫn diễn ra trên diện rộng. Thù trong giặc ngoài đe dọa tại Thanh Hóa, một trung đoàn quân Tưởng kéo vào, chúng chiếm đóng các vị trí quan trọng ở thành phố như trụ sở Nông Giang, phố Cửa Tả... đặt súng máy trên các ngã đường; đòi cung cấp lương thực, thực phẩm; đòi tước vũ khí của lực lượng vũ trang... Vấn đề đặt ra lúc này là phải xây dựng được lực lượng nòng cốt để lãnh đạo chính quyền, tổ chức Nhân dân chống thù trong, giặc ngoài bảo vệ chính quyền non trẻ là vấn đề cấp thiết đặt ra phải có một tổ chức Đảng của thành phố.

Trong suốt quá trình vận động thành lập Đảng (1925-1930), nhất là từ khi Đảng bộ Tỉnh thành lập (29/7/1930) đến khi giành được chính quyền (tháng 8/1945), thành phố Thanh Hóa luôn là địa bàn hoạt động của các cán bộ, đảng viên và cũng là nơi có nhiều cơ sở cách mạng... Song vì đây là dinh lũy của chính quyền thực dân, phong kiến và cũng là hang ổ của bọn mật thám, quan lại phản động nên thành phố Thanh Hóa vẫn chưa có một tổ chức Đảng, mọi hoạt động của thành phố đều do Tỉnh ủy thông qua cán bộ, đảng viên của tỉnh chỉ đạo. Trước tình hình ấy, Tỉnh ủy đã chuyển đảng viên đang công tác ở các ngành ở thành phố và lần lượt kết nạp thêm đảng viên mới, đồng thời cử đồng chí Trần Tiến Quân về thị xã để xây dựng, củng cố cơ sở Đảng. Khi số lượng đảng viên lên đến 13 người¹⁴, ngày 15/11, tại Nhà máy Đèn, đồng chí Bùi Đạt, thay mặt Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị công bố Quyết định thành lập chi bộ Đảng thành phố Thanh Hóa do đồng chí Trần Tiến Quân (Trịnh Huy Lân) làm Bí thư và 02 ủy viên là Võ Nguyên Lượng và Nguyễn Thị Nghiên.

Hội nghị đề ra các nhiệm vụ cụ thể và phân công nhiệm vụ cho các đồng chí chi ủy.

Đây là chi bộ đầu tiên của thành phố Thanh Hóa và là tiền thân của Đảng bộ thành phố ngày nay. Ngày 15/11 trở thành ngày truyền thống của Đảng bộ thành phố.

Sau khi chi bộ lâm thời thành phố được thành lập, đảng viên trong chi bộ đã tăng cường đi về các cơ sở để tuyên truyền, vận động những người ưu tú để kết nạp vào Đảng. Chỉ trong thời gian ngắn đã hình thành được chi bộ Phụ vận và Công vận và số đảng viên đã lên tới 20 đồng chí.

¹⁴ *Đinh Xuân Lâm - Lê Đức Nghi, thành phố Thanh Hóa từ 1804 - 1947. NXB Thanh Hóa 1990. Trang 113.*

Tháng 3/1946, tại Nhà máy Đền, chi bộ lâm thời đã tổ chức Hội nghị đảng viên. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành gồm 3 đồng chí. Đồng chí Trần Tiến Quân được bầu làm Bí thư, đồng chí Võ Nguyên Lượng được bầu làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Thị Nghiên chi ủy viên.

Sự kiện thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của thành phố Thanh Hóa có ý nghĩa vô cùng lớn lao. Đây là mốc son lịch sử đánh dấu quá trình ra đời, phát triển của Đảng bộ thành phố. Từ đây, Nhân dân thành phố Thanh Hóa có được Bộ tham mưu trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng thành phố vượt qua khó khăn, thử thách góp phần cùng Nhân dân trong tỉnh xây dựng thực lực cách mạng sẵn sàng đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

b. Đảng bộ thành phố lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

** Khẩn trương xây dựng thực lực, chuẩn bị kháng chiến*

Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thắng lợi, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã vạch ra những chủ trương, biện pháp đầu tiên về xây dựng chế độ mới, đối phó với các lực lượng đế quốc và phản động chống phá chính quyền mới dành lại được.

Ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ và nêu ra 6 nhiệm vụ cấp bách phải làm ngay, trong đó Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh 2 nhiệm vụ quan trọng là chống đói ở miền Bắc và đánh giặc ở miền Nam và tổ chức “Quỹ độc lập”, phát động “Tuần lễ Vàng”. Tiếp đó, ngày 25/11/1945, Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị lịch sử “Kháng chiến kiến quốc”.

Thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa tổ chức khai mạc “Tuần lễ Vàng” (từ 17 - 24/9/1945) tại Hành Cung (khu ngã tư Đại lộ Lê Lợi và đường Hạc Thành ngày nay). Trong Tuần lễ Vàng nhân dân thành phố Thanh Hóa đã đóng góp 187 lạng, 2 chỉ, 4 phân vàng. Đồng thời đông đảo nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng tham gia đóng góp xây dựng “Quỹ độc lập”, “Quỹ đảm phụ quốc phòng”...

Trong phong trào chống giặc đói, chính quyền cách mạng đã vận động Nhân dân hưởng ứng lời kêu gọi “nuường cơm sẻ áo”, cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa, toàn thành phố hầu hết các gia đình đều có hũ gạo tiết kiệm cứu đói. Đồng thời phong trào tăng gia sản xuất, khai hoang phục hóa, khôi phục các ngành nghề thủ công nghiệp được khuyến khích khôi phục đã góp phần cùng toàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 1946 đã đẩy lùi được nạn đói.

Cùng với phong trào chống giặc đói, chính quyền cách mạng và mặt trận Việt Minh thành phố tập trung chỉ đạo Nhân dân đẩy mạnh phong trào diệt giặc dốt. Ban Bình dân học vụ thành phố được thành lập. Phong trào bình dân học vụ được tổ chức khắp các khu phố với nhiều lớp học buổi trưa, buổi tối và nhiều hình thức sinh động, phong phú. Những người biết chữ tự nguyện dạy cho người chưa biết chữ. Do vậy phong trào Bình dân học vụ diễn ra sôi nổi ở khắp các khu phố, làng, xã. Đến tháng 1/1946 đã có hàng chục lớp học với hàng trăm học sinh ở mọi lứa tuổi. Cuộc vận động đời sống mới được nhân dân hưởng ứng sôi nổi. Nhiều hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới xin, tề cờ bạc, rượu chè từng bước được loại trừ. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao phát triển đông viên nhân dân hăng hái tham gia.

Phong trào chống giặc ngoại xâm diễn ra sôi nổi: Tháng 3/1946, lực lượng cảnh sát xung phong và đội trinh sát Sao Vàng tiến công vào trụ sở Nông Giang và khu Bộ quốc dân Đảng ở phố Tịch Điền (nay thuộc phường Ba Đình). Mặt trận Việt Minh thị xã tổ chức tuyên truyền vạch mặt bọn Việt quốc, Việt cách... Tháng 5/1946, quân Tưởng rút khỏi thị xã Thanh Hóa.

** Đấu tranh bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân:*

Ngày 21/12/1945, Chính phủ lâm thời ra Sắc lệnh số 77/SL quy định chế độ tổ chức chính quyền ở các thị xã và thành phố trong cả nước. Từ đây thành phố Thanh Hóa chuyển thành thị xã như cũ. Thực hiện chủ trương của Chính phủ lâm thời, ngày 6/1/1946, cử tri thị xã Thanh Hóa từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam, nữ, lương, giáo đến các địa điểm bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa I, cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Kết quả có 99% cử tri đi bầu cử và bầu đủ số vị đại biểu Quốc hội ứng cử Thanh Hóa. Riêng thị xã Thanh Hóa có ông Nguyễn Đình Thục quê Lò Chum trúng cử.

Từ đây Ủy ban hành chính chính thức thay thế Ủy ban nhân dân lâm thời. Thành lập các đoàn thể: Hội Phụ nữ cứu quốc; Hội Công chức cứu quốc; Đoàn Thanh niên cứu quốc; Hội Phụ lão cứu quốc; Hội Văn hóa cứu quốc; Các khu phố bầu Chủ tịch khu phố.

Tháng 11/1946, thực dân Pháp khiêu khích đánh Hải Phòng, Lạng Sơn. Trước âm mưu và hành động trắng trợn của thực dân Pháp, ngày 17, 18/12/1946, Trung ương Đảng họp quyết định phát động toàn quốc kháng chiến và đề ra đường lối kháng chiến của Đảng: “Toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh,

trường kỳ kháng chiến”. Ngày 20/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đến ngày 22/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị toàn dân kháng chiến. Cùng cả nước Nhân dân thị xã Thanh Hóa bước vào thực hiện nhiệm vụ mới.

** Nhân dân thị xã Thanh Hóa xây dựng hậu phương sẵn sàng kháng chiến*

Ngày 20/2/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên về thăm Thanh Hóa. Tại buổi nói chuyện với đồng bào, chiến sĩ tỉnh Thanh Hóa tại Nhà văn hóa Thông tin (nay là khu hiệu sách Nhân dân, Đại lộ Lê Lợi), Người nói: “Thanh Hóa phải trở nên tỉnh kiêu mẫu”...

Sau bầu cử HĐND, Ủy ban hành chính thị xã Thanh Hóa do ông Phạm Văn Sáu làm Chủ tịch (tháng 4/1946 - 3/1947). Tháng 8/1947, Chính phủ ra Sắc lệnh số 91/SL hợp nhất Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã thành Ủy ban Kháng chiến hành chính. Từ tháng 7/1947, thực hiện chủ trương “tiêu thổ kháng chiến” cấp chính quyền thị xã và các khu phố giải thể, vùng đất thị xã bàn giao cho Ủy ban kháng chiến hành chính các xã Đông Thọ, Đông Hương, Đông Vệ (huyện Đông Sơn) quản lý. Đến ngày 14/5/1949, Ủy ban Kháng chiến hành chính Liên khu IV thành lập khu phố đặc biệt Cầu Bó trực thuộc huyện Đông Sơn do ông Lâm Quang Đồng làm Chủ tịch.

Đầu năm 1950, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh quyết định nâng cấp khu phố lên thị trấn đặc biệt Cầu Bó, đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh. Đồng chí Nguyễn Phong Lân, Phó Chủ tịch khu phố được chỉ định giữ chức Chủ tịch thị trấn và Chi bộ thị trấn Cầu Bó trực thuộc tỉnh đồng chí Nguyễn Viết Châu được bầu làm Bí thư.

Tháng 3/1951 Tỉnh ủy quyết định giải thể ủy ban kháng chiến hành chính thị trấn Cầu Bó, đồng thời quyết định hợp nhất chi bộ thị trấn Cầu Bó vào chi bộ xã Đông Hưng...

Ngày 20/8/1952, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh ban hành Quyết định số 625-TC/UB về việc thành lập Thị trấn đặc biệt Thanh Hóa gồm 7 khu phố và chỉ định ông Đặng Sỹ Tuy làm Phó Chủ tịch. Sau đó lần lượt các cơ quan chuyên môn như: Phòng Thuế; Tòa án nhân dân; Bình dân học vụ; Công an; Thị đội bộ Ngân hàng... được thành lập. Đồng thời để lãnh đạo toàn diện hoạt động của thị trấn, tháng 1/1953, Tỉnh ủy quyết định thành lập Đảng bộ thị trấn, gồm 6 chi bộ do đồng chí Trịnh Hữu Thường (quê Thọ Xuân, sau này ở khu Tân An, phường Ngọc Trạo) làm Bí thư.

Phát triển kinh tế, văn hóa, đẩy mạnh sự nghiệp kiến quốc

Thực hiện Chỉ thị kháng chiến kiến quốc và lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người về thăm Thanh Hóa lần đầu tiên Tỉnh ủy đã họp quyết định những hoạt động kinh tế của tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của cuộc kháng chiến và từng bước ổn định đời sống Nhân dân.

Về phát triển kinh tế: Triển khai chủ trương của Tỉnh ủy, từ cuối năm 1947, Đảng bộ và Nhân dân thị xã tích cực thực hiện nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến. Thị xã Thanh Hóa được san bằng; cầu Hàm Rồng bị đánh sập xuống lòng sông; máy móc, thiết bị Nhà máy Đền, Nhà máy Diêm, Nhà In... được tháo dỡ, di chuyển về các huyện miền núi, 2/3 dân số thị xã sơ tán ra vùng ven thị xã như Cầu Bó, Voi, Nấp, Nhồi, Cầu Trầu, Rừng Thông... khu vực Cầu Bó trở thành thị trấn lớn và là nơi tập trung buôn bán của tỉnh, các hiệu buôn, công ty hoạt động như Nhà in Tương lai; nhà in và xuất bản Hiến Nam của ông Nguyễn Khắc Thuận từ Hưng Yên vào, xưởng Diêm Đại Lợi

của ông Phùng Hữu Tài từ Hà Đông vào... Nhân dân địa phương đã đẩy mạnh, khôi phục, phát triển sản xuất Ban kinh tài của chi bộ đã lập ra xưởng mộc Đồng Lực sản xuất các mặt hàng bằng gỗ phục vụ nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân, đóng góp một phần cho ngân sách Nhà nước.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 (02/1951), Đảng ta ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam, Nhân dân thị xã Thanh Hóa cùng với Nhân dân trong tỉnh đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất tiết kiệm và thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp và hàng hóa, bãi bỏ thuế môn bài, thuế lãi doanh nghiệp, thuế lợi tức. Với tinh thần vượt qua khó khăn trong 4 năm từ 1951 đến 1954, kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc, Đảng bộ và Nhân dân đã hăng hái đóng góp các loại thuế đầy đủ, kịp thời làm nghĩa vụ cho Nhà nước.

Tháng 10/1953, thực dân Pháp oanh tạc dữ dội vùng đất Thanh Hóa “nhằm chiếm Thanh Hóa và giam chân Sư đoàn 304 thâm nhập vào đồng bằng”. Để bảo vệ hậu phương Thanh Hóa, Liên khu IV chỉ đạo phân tán thị trấn Thanh Hóa, chuyển mọi hoạt động buôn bán về ban đêm từ 19 giờ ngày hôm trước đến 2 giờ sáng ngày hôm sau. Sau khi thị trấn Thanh Hóa sơ tán, số gia đình nông nghiệp, bán nông, bán thương đã tập hợp thành xã Đông Trán thuộc huyện Đông Sơn do ông Đặng Sỹ Tuy làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã.

Thời gian này, xã Đông Trán cùng với toàn tỉnh thực hiện giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất. Kết quả toàn bộ giai cấp địa chủ bị đánh đổ, ruộng đất, trâu, bò, công cụ sản xuất được chia cho bần cố nông và trung nông lớp dưới. Cuộc cải cách ruộng đất thắng lợi ước mơ ngàn đời của người nông dân là “người cày có ruộng” được thực hiện. Nhân dân càng tích cực ủng hộ kháng chiến.

Cùng với kinh tế, các mặt văn hóa, xã hội cũng được Đảng bộ quan tâm phát triển.

Từ cuối năm 1948, ngành Giáo dục Thanh Hóa đã có nhiều sáng kiến phát triển giáo dục: Thành lập “Tiểu ban điều tra chống mù chữ” từ tỉnh đến huyện, xã. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã đề ra quyết tâm phải xóa nạn mù chữ trong thời gian ngắn nhất. Vì vậy, phong trào xóa nạn mù chữ, bổ túc văn hóa được phát triển rộng rãi khắp các khu phố. Đồng thời thị xã còn thành lập Hội Kháng đốt, Hội Khuyến học, Hội Bảo trợ bình dân... Hệ thống các trường cấp I, cấp II được hình thành ở các khu phố.

Phong trào xây dựng nếp sống mới được khởi sắc vui tươi, lành mạnh. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhất là đội kịch và bóng đá ở các khu phố hoạt động sôi nổi.

Chi viện chiến trường, làm tròn nghĩa vụ của hậu phương đối với tiền tuyến

Trong cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ chống thực dân Pháp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân thị xã đã vượt qua khó khăn đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến các đoàn thể như: Phụ nữ, Đoàn thanh niên đã vận động ủng hộ bộ đội địa phương được 9.150kg lúa và 307.724 đồng bạc, mua lúa cho Hồ Chủ tịch khao quân được 19.914kg; mua công phiếu kháng chiến được 592.508 đồng; đóng góp quỹ đảm phụ quốc phòng được 511kg lúa và 200 đồng. Đóng góp được 383.578 đồng để mua súng, ủng hộ kháng chiến 26.127kg thóc và 1.129.694 đồng. Từ cuối năm 1952 trở đi, các chiến dịch mở càng nhiều, đòi hỏi hậu phương ngày càng lớn. Với tinh thần “quân sự trên hết”, “tiền tuyến trước hết”, Thị ủy đã lãnh đạo nhân dân ủng hộ gạo, muối, thuốc men, quần áo. Phong trào dân công vào những năm này càng về cuối càng trở nên sôi nổi, mạnh mẽ. Toàn thị xã có

22.664 lượt người tham gia dân công; 2.000 xe đạp thồ vận chuyển lương thực, thực phẩm được 8.032.145kg. Nhiều đơn vị, cá nhân sau khi hoàn thành nhiệm vụ vẫn sẵn sàng xung phong ở lại tiếp tục phục vụ bộ đội cho đến ngày toàn thắng.

Thành tích ấy đã góp phần làm vẻ vang thêm truyền thống đóng góp của tinh nhà vào nhiệm vụ chung của dân tộc, xứng đáng với lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người về thăm Thanh Hóa lần thứ hai: “Trong một chiến dịch Điện Biên Phủ, Thanh Hóa góp 12 vạn dân công tải lương thực cho bộ đội. Bây giờ tiếng Việt Nam đến đâu, tiếng Điện Biên Phủ đến đó. Tiếng Điện Biên Phủ đến đâu đồng bào Thanh Hóa cũng có một phần vinh dự đến đó”.

Với những đóng góp nổi bật trên đây, cán bộ, đảng viên và Nhân dân thị xã Thanh Hóa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cờ “Đã ra sức thi đua làm tròn nhiệm vụ Thu - Đông 1953”; Cờ của nước bạn Lào; cờ thi đua khá nhất của Hồ Chủ tịch; 1 cờ của Hội đồng cung cấp Trung ương, 2 cờ của Hội đồng cung cấp tỉnh. Chị Nguyễn Thị Nghĩa được công nhận là chiến sỹ thi đua toàn tuyến; 5 chiến sỹ dân công được tặng Huân chương Chiến sỹ hạng Ba; 13 chiến sỹ thi đua được Hồ Chí Minh tặng huy hiệu...Ngoài ra, các tầng lớp Nhân dân thị xã còn được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen, Bằng Tổ quốc ghi công, Bằng vàng danh dự... Những phần thưởng cao quý, tự hào đó sẽ mãi mãi là bài ca sống động trong cuộc trường kỳ giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX đầy hiên hách, oanh liệt của quê hương.

Với tinh thần tất cả cho tiền tuyến, công tác tuyển quân bổ sung lực lượng, có thể nói thời gian này trên các khu phố đều dấy lên phong trào yêu nước sôi nổi, mọi người, mọi nhà đều muốn được tham gia giết giặc. Có gia đình cả cha và con đều là bộ đội, vợ ở nhà tham gia dân công, con gái tham gia thanh niên

xung phong mở đường... tính từ năm 1952 đến đầu năm 1954, thị xã đã có 392 người tham gia bộ đội chủ lực, 108 người tham gia bộ đội địa phương...

III. ĐẢNG BỘ THỊ XÃ THANH HÓA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1954-1975)

1. Khôi phục lại Thị xã và thực hiện phát triển kinh tế, văn hóa (1954-1965)

Phục hồi thị xã:

Đêm 20 rạng ngày 21/7/1954, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương được ký kết. Miền Bắc (từ vĩ tuyến 17 trở ra) được hoàn toàn giải phóng; miền Nam để quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp can thiệp, phá hoại, thống nhất nước ta. Tháng 9/1954, hai trận bão lớn, mưa kéo dài liên tục (ngày 19 và 23/9) làm cho 146 ngôi nhà bị trôi, 2.164 ngôi nhà bị sụp đổ, 33 người bị chết, nhiều người bị thương...

Thực hiện Chỉ thị 236/TTg, ngày 27/7/1954 của Thủ tướng Chính phủ về “Hướng dẫn, phục hồi các thị xã, thành phố trước đây đã tiêu thổ kháng chiến”, Ủy ban hành chính thị trấn đặc biệt Thanh Hóa đã nhanh chóng trở về tiếp quản thị xã cũ và tổ chức tiến hành san lấp hố bom, xây dựng nhà ở, sửa chữa đường sá, cầu cống, các công trình phúc lợi... Sau 3 năm (1955-1957) thị xã Thanh Hóa đã hoàn thành kế hoạch khôi phục.

Phát triển, cải tạo kinh tế, văn hóa

Thị ủy, Ủy ban hành chính thị xã xác định cụ thể ngành sản xuất trọng tâm là công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Về công nghiệp: Thị ủy, Ủy ban hành chính thị xã lãnh đạo, chỉ đạo phục hồi những cơ sở công nghiệp của Nhà nước và

tư nhân; khuyến khích phát triển những ngành nghề truyền thống. Đầu năm 1958, Thị ủy lãnh đạo xây dựng các Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn khu phố 1 (thuộc phường Nam Ngạn và một phần phường Trường Thi ngày nay) và cải tạo xã hội chủ nghĩa với các thành phần kinh tế tại khu phố 4 (phường Ba Đình ngày nay). Tính đến cuối năm 1960 toàn thị xã có 47 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp gồm 1.031 xã viên. Tổng giá trị sản xuất tăng 10 lần so với sản xuất nông nghiệp.

Trong cải tạo XHCN đối với các thành phần tư bản tư doanh được tiến hành gọn trong năm 1959. Toàn thị xã có 94 hộ tư sản công thương nghiệp tự nguyện tham gia các xí nghiệp công tư hợp doanh (vận tải ô tô, chum, bát, in...).

Về thương nghiệp, chợ bách hóa, chợ trâu bò hoạt động trở lại. Số hộ thương nghiệp tăng nhanh, năm 1955 có 2.424 hộ đến năm 1957 tăng lên 3.173 hộ.

Hoạt động văn hóa - xã hội được đẩy mạnh: Đài truyền thanh thị xã được khánh thành vào ngày 02/9/1956; Thư viện tỉnh được xây dựng mới ở phố Đinh Công Tráng; Năm 1960, xây dựng nhà hát Nhân dân ngoài trời. Phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa, xóa nạn mù chữ phát triển mạnh; đến tháng 12/1957 có thêm 2.879 người biết đọc, biết viết. Ngành Giáo dục thị xã có bước phát triển, năm 1956 cấp I có 3 trường gồm 12 lớp với 500 học sinh, cấp II có 1 trường với 324 học sinh, cấp II tư thục Đào Đức Thông có 700 học sinh. Năm 1951 có thêm 1 trường cấp III. Đến năm 1960, toàn thị xã có 6 trường cấp I; 02 trường cấp II; 30 lớp vỡ lòng với tổng học sinh là 5.578 em.

Phong trào thể dục thể thao, xây dựng nếp sống mới, người tốt, việc tốt được Thị ủy, Ủy ban hành chính thị xã quan

tâm chỉ đạo tích cực và được Nhân dân hưởng ứng đông đảo tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi trong các tầng lớp Nhân dân. Hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Cơ sở y tế tăng, 70% số xã, khu phố xây dựng được trạm xá, nhà hộ sinh.

Về quân sự: Năm 1957, toàn thị xã có 21 Ban bảo vệ dân phố, 242 tổ nhân dân tự quản đã nêu cao tinh thần trách nhiệm tích cực chăm lo, bảo vệ sự bình yên ở các khu dân cư. Năm 1960, thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, qua 3 đợt tuyển quân, thị xã Thanh Hóa đã vượt 6,7% nhiệm vụ tỉnh giao. Các cơ quan, xí nghiệp đều thành lập Ban dân quân tự vệ.

Xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể

Củng cố bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, tháng 9/1954 đổi tên Ủy ban kháng chiến hành chính thành Ủy ban hành chính do ông Đặng Văn Bôi làm Bí thư kiêm Chủ tịch. Ngày 30/4/1959, thị xã tiến hành bầu cử HĐND xã, thị xã và 8/5/1960 cùng nhân dân cả nước, cử tri thị xã đi bầu cử Quốc hội khóa II, có 98% cử tri đi bầu cử.

Thời gian này cùng Nhân dân trong tỉnh, Thị ủy tổ chức vận động quần chúng đấu tranh chống cường ép di cư vào Nam; tổ chức các hoạt động đón tiếp đồng bào chiến sĩ miền Nam ra Bắc tập kết; tổ chức lễ kết nghĩa thị xã Thanh Hóa với thành phố Hội An và đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng vững mạnh để đảm đương vai trò hạt nhân lãnh đạo đặc biệt là chú ý thành lập chi bộ Đảng, Đảng bộ ở các khu phố. Tổ chức Đại hội các tổ chức như: Mặt trận, Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội Nông dân... và các đoàn thể quần chúng. Qua các Đại hội đã kiện toàn toàn tổ chức và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

Công tác xây dựng Đảng: Sau Hội nghị thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của thành phố Thanh Hóa (15/11/1945), cùng cả nước Nhân dân thị xã Thanh Hóa bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954). Khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, thị xã Thanh Hóa với vị trí trung tâm tỉnh lỵ, khẩn trương bước vào khôi phục, phát triển kinh tế - văn hóa, cải tạo XHCN đối với các thành phần tư bản tư doanh. Vì vậy, đến ngày 08/01/1959, Đảng bộ thị xã mới tiến hành Đại hội lần thứ nhất. Trên cơ sở đường lối của Đảng, vận dụng vào điều kiện cụ thể của thị xã, Đại hội quyết nghị những nhiệm vụ chủ yếu trong đó về công tác xây dựng Đảng, Đại hội xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và phải củng cố đảng bộ vững mạnh về tổ chức, kiên định về lập trường tư tưởng, đủ sức lãnh đạo toàn dân hoàn thành nhiệm vụ.

Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ II từ ngày 10 đến 17/5/1960 có 92 đại biểu đại diện cho 37 chi bộ tham dự Đại hội. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí chính thức và 2 đồng chí ủy viên dự khuyết. Đồng chí Đặng Văn Bôi làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã. Quá trình đưa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã vào cuộc sống cũng là quá trình Đảng bộ và Nhân dân thị xã thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Tháng 9/1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra đường lối cách mạng Việt Nam và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất. Dưới ánh sáng Đại hội Đảng toàn quốc, tháng 4/1961, Đảng bộ thị xã tổ chức Đại hội lần thứ III. Đánh giá kết quả đạt được trong những năm 1958-1960, Đại hội khẳng định “Chúng ta căn bản đã hoàn thành công cuộc cải

tạo, bước đi của chúng ta như thế là nhanh và mạnh, có ý nghĩa lịch sử lớn lao và sâu sắc”. Từ ngày 10-12/12/1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và làm việc tại Thanh Hóa. Chiều 11/12, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm hợp tác xã Thành Công. Bác đã khen ngợi và nhắc nhở Đảng bộ phải nhân rộng điển hình “Thành Công” để thúc đẩy phong trào thi đua sôi nổi đều khắp trong tỉnh. Hình ảnh Bác về thăm đã tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ và Nhân dân thị xã Thanh Hóa thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.

Về kinh tế: Nổi bật nhất là sự phát triển của công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Giá trị sản lượng năm 1962 tăng hơn năm 1961 là 159,2%; năm 1963 tăng hơn năm 1962 là 109,6%; năm 1965 đạt 106,6% kế hoạch và tăng 131,6% so với năm 1964... phát triển ngành, nghề mới như hàng mây, đan, bông nhân tạo... giải quyết được việc làm cho nhiều lao động. Sản xuất nông nghiệp, bà con xã viên phát triển mạnh chăn nuôi cá và trồng rau màu, cung cấp phần lớn thực phẩm, rau màu cho cán bộ, Nhân dân và làm nghĩa vụ với Nhà nước.

Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội: Tốc độ dân số phát triển nhanh, theo số liệu điều tra dân số tháng 1/1960 của Ủy ban hành chính thị xã, tính đến tháng 3/1960, dân số thị xã là 31.860 người; tháng 2/1963 là 51.524 người và đến tháng 1/1965 là 56.000 người.

Trên lĩnh vực Giáo dục, thị xã Thanh Hóa đã hoàn thành kế hoạch bổ túc văn hóa trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trước 1 năm, 2 tháng với 2 chỉ tiêu cơ bản là: Phổ cập cấp I cho cán bộ, đảng viên và thanh niên đạt tỷ lệ 94%; phổ cập lớp 2 cho xã viên hợp tác xã và Nhân dân lao động đạt tỷ lệ 92%. Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Lĩnh vực y tế phát triển mạnh và đồng đều.

Phòng Y tế thị xã đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng dịch; tổ chức thành lập các tổ y tế với các vệ sinh viên ở xóm, ban phòng dịch, phòng bệnh ở khu phố, xóm, làng... dịch bệnh xã hội từng bước được đẩy lùi.

Phong trào thể dục, phong trào giữ gìn vệ sinh được phối hợp chặt chẽ. Các cơ sở tiêu thụ công nghiệp, các hợp tác xã tiêu thương duy trì thể dục buổi sáng. Các đội bóng đá, bóng chuyền có nhiều tiến bộ về kỹ thuật, chiến thuật.

Công tác quốc phòng - an ninh: Thị đội, Công an đã có kế hoạch cụ thể cho các khu vực trọng điểm, quan tâm công tác phòng chống gián điệp, biệt kích, phòng không nhân dân. Đến năm 1964, trước nguy cơ thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đế quốc Mỹ đã chuyển sang tiến hành “chiến tranh cục bộ” ồ ạt đưa quân vào miền Nam và đánh phá miền Bắc. Ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ dựng nên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

Trong 10 năm (1954-1964) Thị uỷ, Ủy ban hành chính thị xã đã tổ chức lãnh đạo Nhân dân thị xã Thanh Hóa thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng đã tạo ra tiềm lực vật chất và tinh thần sẵn sàng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

2. Chống hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và chi viện cho miền Nam, cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (8/1965-1975)

Thị xã Thanh Hóa chuyển hướng hoạt động từ thời bình sang thời chiến góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968)

Trong lịch sử dân tộc, tỉnh Thanh Hóa luôn luôn là “phên dậu” của các cuộc kháng chiến. Là cầu nối giữa miền Bắc và

miền Nam. Khi đế quốc Mỹ phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân, hải quân, chúng coi Thanh Hóa là một trong những địa bàn đánh phá trọng yếu. Đặc biệt trên tuyến đường từ miền Bắc vào miền Nam, cầu Hàm Rồng được giới quân sự Mỹ xác định là “nút cổ chai” hoặc là “điểm tắc lý tưởng” để ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào các chiến trường. Vì vậy, thị xã Thanh Hóa trở thành một trong những nơi bị đánh phá ác liệt nhất trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (25/3/1965), Thị ủy tổ chức cho các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể sơ tán về xã Đông Tiến (huyện Đông Sơn). Trong nội thị có 3.916 hộ với 17.398 nhân khẩu, 167 cơ quan, xí nghiệp với 9.500 cán bộ, nhân viên sơ tán khỏi thị xã, phụ huynh học sinh cho con, em chuyển về học ở các trường nông thôn. Những người ở lại vừa sản xuất vừa tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Các lực lượng phục vụ chiến đấu cứu thương, cứu sập, tài thương... đều được chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống địch mở rộng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Ngày 3, 4/4/1965 Hàm Rồng - Nam Ngạn chiến thắng ngay từ trận đầu cùng Nhân dân Đồ Lèn, Phà Ghép bắn rơi 47 máy bay;... bắt sống những tên giặc lái sừng sỏ như Trung tá Đen Tôn.... với tinh thần “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”, “giặc đến là đánh, giặc đi là sản xuất”, chi ủy các tiểu khu Nam Ngạn, Đông Thọ, Ba Đình, Phú Sơn, Ngọc Trạo... đã lãnh đạo các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng phong trào thi đua “Ba giỏi” (Sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi, làm giao thông vận tải giỏi)... tăng cường sản xuất, hoàn thành các chỉ tiêu trên giao. Đoàn thanh niên với phong trào “Ba sẵn sàng”, Hội Phụ nữ với phong trào “Ba đảm đang”, các trung đội dân

quân tự vệ của các xóm, phổ với phong trào quyết thắng phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, bám sát trận địa, bám sát dân để vận động toàn dân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Trong 4 năm (1965-1968), Nhân dân thị xã Thanh Hóa đã chiến đấu 144 trận đánh máy bay địch bảo vệ vùng trời tầm thấp; Tự vệ xí nghiệp Mộc xẻ Bến Cốc, tự vệ Nhà máy cưa Mộc Sơn độc lập bắn rơi 2 máy bay Mỹ. Toàn thị xã đóng góp 326.253 ngày công phục vụ trực tiếp chiến đấu, đào đắp công sự, trận địa và các công trình quốc phòng, tiếp tế vận chuyển đạn dược, thay thế pháo thủ, cứu chữa thương binh. Đồng thời, trên mặt trận giao thông vận tải, dưới sự lãnh đạo của thị ủy, Ủy ban hành chính thị xã, Nhân dân thị xã Thanh Hóa với tinh thần “tim có thể ngừng đập nhưng mạch máu giao thông không tắc” hoặc “sống anh dũng, bám đường, chết kiên cường, dũng cảm” đã đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống ở cả 3 tuyến: đường sắt, đường thủy và đường bộ.

Trên lĩnh vực kinh tế đã tạo được không khí thi đua sôi nổi, rầm rộ. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, máy bay địch bắn phá liên tục gây nhiều thiệt hại về người và của nhưng với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” ngành tiểu, thủ công nghiệp đẩy mạnh phong trào thi đua “ba điểm cao” (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều), hằng năm có từ 30/38 đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Trong sản xuất nông nghiệp, với diện tích canh tác lúc này có trên 400ha, nằm trong vùng đánh phá ác liệt, 8 hợp tác xã phấn đấu thực hiện phong trào thi đua “Ba mục tiêu” và 5 tấn thóc/1ha canh tác, 2 đầu lợn/1ha gieo trồng, 1 lao động/1ha. Các hợp tác xã đã mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đảm bảo cấy hết diện tích, do đó năng suất, sản

lượng lúa, hoa màu, chăn nuôi... đều đạt chỉ tiêu đề ra và đóng góp nghĩa vụ đầy đủ với Nhà nước.

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế làm nghĩa vụ của hậu phương vẫn tiếp tục phát triển. Nông nghiệp thị xã trở thành một trong sáu đơn vị của tỉnh đạt năng suất lúa 5 tấn/ha. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã có 3.000 xã viên của 38 hợp tác xã sản xuất và 72,5% xí nghiệp quốc doanh địa phương hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Công tác xây dựng Đảng được quan tâm lãnh đạo. Chất lượng lãnh đạo toàn diện được nâng cao hơn trước. Tỷ lệ đảng viên đạt 4 tốt năm sau cao hơn năm trước. Công tác phát triển đảng viên mới trong 02 năm (1965 - 1967) đã kết nạp được 434 đảng viên mới.

Trong 4 năm chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chúng đã gây nên những tội ác “trời không dung, đất không tha” đối với thị xã Thanh Hóa: chúng đã đánh phá khu vực thị xã và Hàm Rồng 410 trận, sử dụng 1.857 lần chiếc máy bay đánh phá vào 659 điểm trong đó có đường sắt, đường bộ, đường sông, kho tàng, bến bãi... 90 lần đánh vào khu dân cư với khối lượng 11.842 bom phá, 37 bom bi mẹ, 6 quả thủy lôi, 280 tên lửa, 206 quả đại bác từ biển lên tàn phá $\frac{3}{4}$ thị xã, phá hoại 1.791 ngôi nhà ngói, 6.357 nhà lá, phá hoại 7.582m đường bộ, 8.337m đường sắt...

Phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hậu phương, chi viện miền Nam, sẵn sàng chiến đấu đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 của đế quốc Mỹ (1969-1972)

Ngày 01/11/1968, Tổng thống Mỹ - Giôn Sơn tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại đối với miền

Bắc và sau đó họp hội nghị bốn bên về Việt Nam tại Pari (Thủ đô nước Pháp).

Nhằm tổ chức quy mô lại thị xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới ngày 28/8/1971, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị quyết số 226/TTg sáp nhập các xã Đông Hải, Đông Thọ, Đông Vệ, Đông Hương huyện Đông Sơn và xã Quảng Thắng, huyện Quảng Xương vào thị xã Thanh Hóa.

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI, tháng 4/1969, Đại hội đề ra nhiệm vụ cho những năm 1969-1971 và đến năm 1975 trong đó nhấn mạnh việc khôi phục và phát triển thị xã sau chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ; phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hậu phương và chi viện tiền tuyến.

Quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ VII Thị ủy phát động đợt thi đua “100 ngày cùng Hội An tiến công thắng Mỹ” nhằm thúc đẩy khí thế hăng say lao động, phát triển kinh tế, xã hội của các tầng lớp Nhân dân.

Mặc dù đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng ném bom bắn phá, nhưng chúng vẫn lén lút tiến hành chiến tranh nhiều mặt đối với miền Bắc. Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa chúng thường xuyên cho máy bay do thám, trinh sát trên các trục đường giao thông nhất là khu vực cầu Hàm Rồng. Đối với thị xã Thanh Hóa vẫn là trọng điểm đánh phá trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ.

Ngày 26/12/1971, máy bay Mỹ ném bom bắn phá dữ dội khu vực Hàm Rồng. Mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ trên vùng đất thị xã Thanh Hóa. Trước tình hình ấy, tháng 1/1972, Thị ủy thông qua phương án và chỉ đạo Ủy ban hành chính thị xã, huy động nhân lực sửa chữa hầm hào, hướng dẫn nhân dân sơ tán.

Trong năm 1972 giặc Mỹ đã đánh vào thị xã Thanh Hóa 82 trận với 27 lần chiếc máy bay B52, 1.308 lần chiếc máy bay phản lực các loại ném xuống thị xã 10.395 tấn bom, đạn các loại; 53 quả tên lửa; 96 quả bom từ trường; 7 lần pháo kích với 7.000 quả pháo cỡ 122 - 175 ly... gây thương vong cho 685 người (249 người chết và hy sinh, 436 người bị thương); 1.731 ngôi nhà bị cháy, sập. Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 của đế quốc Mỹ tuy thời gian ngắn hơn nhưng sự tàn phá khốc liệt hơn nhiều lần so với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Sự tàn bạo của kẻ thù càng làm tăng thêm ý chí quật cường, dũng cảm của Nhân dân. Chỉ tính từ tháng 4/1972 đến tháng 9/1972, thị xã đã huy động 57.000 ngày công xây dựng trận địa tên lửa; 17.500 công sửa chữa trận địa pháo cao xạ Hàm Rồng. Công tác tuyển quân luôn luôn vượt mức trên giao, năm 1972 được tặng cờ “Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân chi viện tiền tuyến”. Đồng thời công tác đảm bảo giao thông thông suốt đã được Ủy ban hành chính chỉ đạo sát sao. Ngày 6/10/1972, máy bay Mỹ đánh sập cầu Hàm Rồng, quân và dân thị xã đã nhanh chóng làm 3 cầu phao trên đoạn sông Mã; ngành đường sắt mở thêm trạm chuyển tải II; đoàn xếp dỡ I và xếp dỡ Đông Xuân, thị xã lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng, tích cực bốc xếp hàng vào kho hoặc lên tàu, xe, thuyền. Ngoài ra tỉnh đã chỉ đạo cho thị xã hình thành tuyến vận tải thô sơ vào Nghệ An giao cho thị xã huy động 500 xe đạp vận chuyển 3.600 tấn hàng hóa và 300 tấn vận chuyển bằng thuyền. Thị xã đã huy động 571 xe đạp thồ của ngành tiểu thủ công nghiệp, 6 tiểu khu và 5 xã...

Với thắng lợi to lớn và toàn diện, quân và dân ta ở 2 miền Nam, Bắc, ngày 27/01/1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (gọi tắt là Hiệp định Pari) được ký kết.

Xây dựng thị xã sau chiến tranh, chi viện miền Nam ruột thịt, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973-1975)

Ngày 14/01/1973, Ủy ban Hành chính tỉnh ban hành quy định hướng dẫn việc khôi phục, xây dựng lại thị xã Thanh Hóa. Bắt đầu từ ngày 27/01/1973 tiến hành mọi mặt khôi phục, xây dựng thị xã. Trong 4 tháng (từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1973), 36 cơ quan tỉnh, thị xã từ nơi sơ tán trở về, số còn lại trở về từ tháng 7 (đợt 2). Ủy ban nhân dân thị xã triển khai quy hoạch 2 khu dân cư: Tân An, Hoàng Văn Thụ, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp mở rộng mạng lưới thương nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Nổi bật là hợp tác xã cơ khí Thành Công; hợp tác xã Thủy tinh Thống Nhất; hợp tác xã Toàn Thành. Trong sản xuất nông nghiệp Ủy ban hành chính Thị xã triển khai xây dựng các vùng rau chuyên canh như: Đông Vệ, Phú Sơn, Công Nông (thuộc phường Lam Sơn ngày nay), Quảng Thắng; quy hoạch xây dựng 4 hợp tác xã vận tải, chỉ đạo tất cả 12 hợp tác xã nông nghiệp tiến hành tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý theo tinh thần Chỉ thị 208, 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Cùng với khôi phục, phát triển kinh tế sau chiến tranh, Thị ủy, Ủy ban thị xã lãnh đạo, chỉ đạo Nhân dân với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” dồn sức chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Riêng công tác tuyển quân: Trong 3 năm (1973-1975), thị xã Thanh Hóa tổ chức 5 đợt tuyển quân vượt 33,9% chỉ tiêu được giao. Ngoài ra còn tuyển thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, dân công phục vụ chiến trường C, thanh niên xây dựng kinh tế mới... Thị xã được tỉnh công nhận là một trong 5 đơn vị

huyện, thị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện sức người cho tiền tuyến.

Ngày 30/4/1975, với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam toàn thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng, kết thúc gần 30 năm chiến đấu gian khổ và vô cùng anh dũng của dân tộc ta. Trong 10 năm cùng cả nước chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện miền Nam góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, thị xã Thanh Hóa có 5.413 thanh niên gia nhập quân đội. Trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thị xã Thanh Hóa có 2.226 liệt sĩ, 2.508 thương binh, 661 bệnh binh, 116 người nhiễm chất độc da cam và nhiều người được hưởng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước về người có công trong kháng chiến.

IV. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1975-2020)

1. Khôi phục phát triển kinh tế, xã hội (1975 - 1985)

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VIII. Đại hội quyết định phát động đợt thi đua “Tiến quân vào thời kỳ mới” trong thời gian 55 ngày (từ 5/6-30/7/1975), nhiệm vụ trọng tâm là tiến quân vào mặt trận thủy nông, làm vụ mùa, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 1975.

Trong thời kỳ mới, Đảng bộ và Nhân dân thị xã xác định rõ phải tập trung mọi khả năng, sức lực của các ngành, các cấp, đẩy mạnh phát triển kinh tế nhằm sử dụng hết khả

năng lao động, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch, thúc đẩy mọi mặt công tác văn hóa - xã hội phát triển mạnh mẽ. Với quyết tâm nhanh chóng ổn định sản xuất, khôi phục, phát triển kinh tế, ngày 26/01/1976, Thị ủy ra Quyết định số 01-VP/TU trong đó đề ra nhiệm vụ trong năm 1976 và chỉ rõ mục tiêu là phấn đấu xây dựng “thị xã giàu về kinh tế, giỏi về trật tự, đẹp về nếp sống”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII và Nghị quyết của Đảng bộ thành phố, toàn Đảng bộ và các tầng lớp Nhân dân đã vượt qua khó khăn, thử thách, tạo nên những phong trào thi đua sôi nổi cùng Nhân dân trong tỉnh vững vàng bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980).

Trên mặt trận công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, thị ủy tập trung vào 2 mũi nhọn là xuất khẩu và xây dựng. Cán bộ xã viên, công nhân viên nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, có nhiều sáng kiến trong lao động, sản xuất, đã có 28/34 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đạt và hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 100-139%. Điển hình là các hợp tác xã: Thành Công, Chiến Thắng, phương Nam, Đoàn Hùng, Hợp Tiến... phát triển nhiều mặt hàng mới như phụ tùng xe đạp, máy cán cối, máy đập ngói cải tiến v.v... Thực hiện quy mô tiểu khu như Phú Sơn, Nam Ngạn, Hoàng Hoa Thám.

Thực hiện chủ trương của tỉnh về mở các “Đại công trình thủ công” xây dựng các công trình thủy lợi lớn như: Công trình sông Quảng Châu (còn gọi là công trình Thống Nhất nay thuộc thành phố Sầm Sơn); công trình sông Lý (huyện Quảng Xương), công trình sông Hoàng... Trên các công trình này “thị xã Thanh Hóa đã huy động hơn 10.000 lao động với gần 300.000 ngày công, tham gia đào đắp trên 300.000 m³ đất đá...”. Ngoài ra thị

xã đã huy động Nhân dân tham gia với hàng ngàn ngày công hoàn thành Chi giang 25, hồ chứa nước Núi Long...

Sau ngày đất nước thống nhất, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã luôn quan tâm sâu sắc đến thị xã Hội An, quê hương kết nghĩa. Trong những năm đầu xây dựng quê hương, thị xã Thanh Hóa đã giúp Hội An đào tạo cán bộ, học nghề, tặng các sản phẩm làm mẫu... Nhất là trên lĩnh vực sản xuất, phát triển ngành nghề thủ công. Đến năm 1977, Hội An đã xây dựng được cơ sở sản xuất mạnh trúc với số lao động trực tiếp và gia công tại các hộ gia đình lên tới hàng ngàn người.

Sự nghiệp văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo sát sao. Giáo dục phổ thông hằng năm đều tăng: năm 1978 có 24 lớp, năm 1979 có 51 lớp đến năm 1980 tăng lên 99 lớp. Các trường như Ba Đình, Điện Biên, Lê Văn Tám, Cù Chính Lan... vẫn giữ vững trong tốp đầu của thành phố, của tỉnh. Năm học 1980-1981, Trường cấp III Lam Sơn, Hàm Rồng, các trường hệ vừa học, vừa làm có 68 lớp với 3.561 học sinh. Bình quân cứ 4 người dân có 1 người đi học. Đội tuyển học sinh giỏi của thị xã luôn luôn đóng vai trò chủ đạo trong đội tuyển học sinh giỏi của tỉnh.

Công tác quốc phòng - an ninh

Tham gia cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: Cuộc chiến tranh ở biên giới phía Tây Nam năm 1978; Tiếp đó là cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc tháng 2/1979, Đảng bộ thị xã thành lập Trung đoàn Hàm Rồng; xây dựng tuyến phòng thủ, các cụm chiến đấu, các tổ an ninh nhân dân được củng cố. Ban chỉ huy quân sự thị xã đã động viên hơn 5.000 quân dự bị hoàn thành chỉ tiêu tỉnh giao Nhân dân thị xã đã đóng góp 22.070 ngày công; 186.860 viên gạch;

21 tấn vôi; 545m³ đá; 6,6 tấn xi măng để xây dựng công sự, hầm hào...

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981-1985).

Ngày 3/7/1981, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 511/TC-UBND chuyển 8 khu và tiểu khu của thị xã Thanh Hóa thành 8 phường, trong đó có 2 tiểu khu đổi tên mới là Quang Trung, Hoàng Hoa Thám và khu Lai Thành.

Ngày 15/3/1983, tại hội trường thị ủy thị xã Thanh Hóa diễn ra Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XII (vòng 2). Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị. Ngày 5/4/1984, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về “Củng cố và phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thị xã”. Sau 5 năm thực hiện, mặc dù gặp khó khăn gay gắt nhưng Đảng bộ và Nhân dân thị xã đã giành được những thành tích chủ yếu trên các lĩnh vực: kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

2. Thị xã Thanh Hóa trong 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986-1996)

Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986-1990)

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đề ra đường lối đổi mới và 3 chương trình kinh tế lớn là: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XIII (10/1986), xác định nhiệm vụ, phương hướng của Đảng bộ và nhân dân thị xã, trong đó nhấn mạnh “Tiếp tục phát triển sản xuất, trọng tâm là sản xuất tiểu, thủ công nghiệp; phát triển giao thông vận tải; mở rộng dịch vụ, chú trọng dịch vụ và đời sống...”.

Vận dụng 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng, năm 1987, Thị ủy tập trung chỉ đạo 3 chương trình, mục tiêu là: Chương trình hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; chương trình sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm; chương trình nếp sống văn hóa mới; chỉ đạo thực hiện Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng về dân chủ hóa các hoạt động kinh tế, giải phóng sức sản xuất. Tổ chức đổi mới đối với các doanh nghiệp quốc doanh, giao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho các đơn vị. Đến năm 1990, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã có 561 cơ sở sản xuất của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đưa số lao động có công ăn, việc làm lên 6.672 người.

Trên mặt trận nông nghiệp: Tháng 4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp. Cơ chế Khoán 10 được triển khai ở tất cả các hợp tác xã nông nghiệp. Lĩnh vực lưu thông phân phối có chuyển biến tích cực; xây dựng cơ bản và quản lý đô thị theo hướng nâng cấp, cải tạo là chính, xây dựng mới có trọng điểm, ưu tiên các tuyến đường trọng điểm...

Về văn hóa, xã hội: Phát triển giáo dục phổ thông, phát triển giáo dục bổ túc văn hóa, xóa nạn mù chữ. Số lượng học sinh tăng nhanh, chất lượng giáo viên, học sinh ngày càng cao. Năm 1990, được Bộ Giáo dục công nhận đã phổ cập tiểu học và xóa mù chữ. Điển hình là phường Hàm Rồng, Ba Đình, Ngọc Trạo...

Đưa sự nghiệp đổi mới của Đảng phát triển toàn diện (1991-1996)

Đại hội Đảng bộ thị xã Thanh Hóa lần thứ XV (4/1991). Đại hội xác định cơ cấu kinh tế của thị xã là công nghiệp

(bao gồm cả tiểu thủ công nghiệp), thương nghiệp - dịch vụ và nông nghiệp.

Kết quả nổi bật về kinh tế, văn hóa - xã hội của thị xã trong thời gian này:

Về kinh tế: Cơ cấu chuyển dịch đúng hướng theo Quy định 306/QĐ-UBTX ngày 6/12/1991 của Ủy ban nhân dân thị xã. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh phát triển, đến cuối năm 1995 có 74 Công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân đóng trên địa bàn. Hoạt động thương nghiệp hoạt động ổn định, nề nếp. Hệ thống thương nghiệp quốc doanh từng bước vươn lên thích ứng với cơ chế mới.

Về nông nghiệp đã chuyển đổi cơ cấu cây con, mùa vụ chuyển hướng sang sản xuất hàng hóa. Giá trị sản lượng nông nghiệp năm 1995 đạt gần 9 tỷ đồng, đưa giá trị tăng bình quân là 9,16%/năm. Kinh tế xuất nhập khẩu phát triển thêm một số mặt hàng mới như: nấm mỡ của Công ty Ăn uống; Rượu của Công ty chế biến nông sản thực phẩm; Quặng Crôm của Xí nghiệp sứ Thanh Hóa.

Tốc độ đô thị hóa tăng nhanh: Đường trong nội và ngoại thành được nâng cấp; hệ thống thoát nước được bổ sung như: Hồ Thành, kênh Tân Sơn, Đại lộ Lê Lợi... mạng lưới bưu chính viễn thông được mở rộng.

Ngày 1/5/1994, tại Nghị định số 37/CP của Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thành phố Thanh Hóa trên cơ sở thị xã Thanh Hóa, thành phố Thanh Hóa có 11 phường, 6 xã. Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngày 24/9/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công nhận 225 đường, phố, ngõ. Ngày 30/8/1995, Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh

hùng lực lượng vũ trang cho Nhân dân và lực lượng vũ trang thành phố Thanh Hóa.

3. Đảng bộ thành phố Thanh Hóa lãnh đạo nhân dân thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2020)

Cùng cả nước triển khai thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2000)

Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XV nhiệm kỳ 1996-2000. Đại hội đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm nhiệm kỳ 1991-1995. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung trong những năm 1996-2000 là “Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, trọng tâm là phát triển mạnh kinh tế nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân...”.

Kết quả triển khai thực hiện:

Về công nghiệp quốc doanh: Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 12,9%/năm. Đến năm 2000 có 1.373 doanh nghiệp trong đó có 30% số đơn vị làm ăn có lãi.

Công nghiệp ngoài quốc doanh, năm 1999 giá trị sản lượng đạt 88 tỷ đồng (tăng 8,6% so với năm 1998). Bình quân thu nhập đầu người đạt 420.000 đồng/tháng/người.

Năm 1999, hình thành khu công nghiệp Lễ Môn, thành lập 4 Công ty cổ phần là: Nước mắm Thanh Hương; Phân lân Hàm Rồng; Vận tải Hành khách và Sửa chữa Ô tô 19/5.

Sản phẩm nông nghiệp - tiêu dùng truyền thống phát triển, đã hình thành những sản phẩm công nghiệp mới như giấy Đông Thành.

Về dịch vụ thương mại: Thành lập Công ty cổ phần Ăn uống Dạ Lan; chợ Vườn Hoa (mới) được đưa vào sử dụng. Đến năm 2000, tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ đạt 90%.

Về sản xuất nông nghiệp: Đến năm 2000, diện tích đất nông nghiệp còn 5.993ha. Bà con xã viên tích cực thực hiện chuyển đổi mùa, vụ, tập trung chuyển đổi sang hàng hóa. Năm 1999, tổng sản lượng quy thóc đạt 22.484 tấn. Đến năm 2000, nông nghiệp tăng 14,2%.

Các ngành tài chính, tín dụng chuyển hướng hoạt động, tăng nguồn thu, đáp ứng kịp thời yêu cầu chi đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế và các hoạt động của thành phố. Năm 1999, tổng thu ngân sách đạt 33,68 tỷ đồng. Riêng quý I/2000 thu được trên 8 tỷ đồng.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị hóa: Ngày 26/3/1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về định hướng phát triển thành phố đến năm 2010 và những nhiệm vụ chủ yếu đến năm 2000.

Trong những năm này thành phố tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Đến năm 2000 đã đưa vào sử dụng: Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố từ cầu Hoàng Long đến Quốc lộ 1A; Đường 1B từ cầu Hoàng Long đến ngã ba Phan Chu Chinh; chợ Vườn Hoa; Nhà thi đấu thể thao...

Quản lý đô thị ngày càng chặt chẽ, việc đặt tên đường phố, số nhà đã từng bước khắc phục tình trạng “nhà không số, phố không tên”.

Phát triển văn hóa - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), tháng 12/1996 về “định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000” và nghị quyết “về định hướng chiến lược

phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa...”; Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), tháng 7/1998 về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”. Kết quả: Cơ sở vật chất các cấp trường đều được đầu tư xây dựng đáp ứng yêu cầu dạy và học. Xây dựng trường Trung học phổ thông Hàm Rồng và 6 trường THCS, Tiểu học cao tầng kiên cố.

Chất lượng dạy và học tiếp tục tăng lên. Số học sinh giỏi các cấp vượt nhiều lần so với các năm học trước. Thực hiện xã hội hóa giáo dục thành phố tổ chức Hội nghị biểu dương của gia đình nuôi con khỏe, dạy con ngoan đóng góp nhiều cho sự nghiệp giáo dục.

Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố một bước và thực hiện tốt các chương trình quốc gia về y tế như: Tiêm chủng mở rộng, phòng chống bệnh phong, lao, suy dinh dưỡng ở trẻ em.

Trung tâm y tế thành phố phối hợp với các ngành kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra các hộ hành nghề y được tư nhân.

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao đã dần từng bước xã hội hóa. Nhân dịp kỷ niệm 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh phối hợp với Thành ủy, HĐND, UBND thành phố khởi công xây dựng khu văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển mạnh ở các phường, xã, số đội bóng đá, bóng chuyền ở các phường, xã và các câu lạc bộ, sân bãi toàn thành phố có 32 Câu lạc bộ với 62.000 người tập thường xuyên.

Công tác quốc phòng an ninh: Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 09/CP của Chính phủ và Quyết định số 139-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Tăng cường công tác

phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội”. Ngày 22/8/1998, Chủ tịch nước ký Quyết định số 424/KT-CTN phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang cho nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân Tiểu khu Hàm Rồng (nay là phường Hàm Rồng); ngày 11/6/1999, Chủ tịch nước ký Quyết định số 203/KT-CTN phong tặng danh hiệu cho nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân Tiểu khu Phú Sơn, Nam Ngạn, Đông Thọ và xã Đông Cương.

Ghi nhận những đóng góp của thành phố Thanh Hóa, ngày 21/2/2000 Chủ tịch nước tặng thưởng cho cán bộ, Nhân dân thành phố Thanh Hóa Huân chương Lao động hạng Nhì.

** Đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2000-2005)*

Thực hiện Chỉ thị 54-CT/TW ngày 22/5/2000 của Bộ Chính trị, Đảng bộ thành phố tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2000-2005. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2000-2005, trong đó nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung đầu tư phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng cường quản lý đô thị, giải quyết tốt các vấn đề bức xúc về văn hóa - xã hội, trọng tâm là xây dựng nền văn hóa mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”. Đại hội chỉ rõ những mục tiêu về kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị.

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ và Nhân dân thành phố đã đạt được những kết quả trên các lĩnh vực: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, giảm tỷ lệ nông nghiệp. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tăng nhanh. Dịch vụ thương mại phát triển. GDP bình quân đầu người tăng và gấp 2,5 lần so với bình quân của tỉnh.

Văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ, nếp sống văn minh đô thị từng bước được nâng lên, đời sống vật chất cũng như tinh thần của Nhân dân ngày một nâng cao. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Với kết quả đạt được, ngày 6/4/2004 thành phố được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba; Ngày 29/4/2004, Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận thành phố Thanh Hóa là đô thị loại II.

** Đẩy mạnh toàn diện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng phát triển nhanh, bền vững (2005-2010)*

Thực hiện Chỉ thị 46 của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, từ ngày 5-9/9/2005, Đại hội đại biểu thành phố Thanh Hóa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2005-2010. Với chủ đề “Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết và đổi mới” Đại hội đề ra nhiệm vụ, mục tiêu trong nhiệm kỳ 2005-2010. Tại Đại hội, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã chỉ rõ nhiệm vụ cho Đảng bộ và Nhân dân thành phố trong đó nhấn mạnh: “thành phố có khả năng tạo ra năng lực nội sinh to lớn, vừa thu hút nguồn lực và tụ hội nhân tài từ nhiều nơi. Vì vậy, thành phố phải phát triển nhanh, mạnh, vững chắc, phấn đấu đi trước và về đích trước trong sự nghiệp CNH, HĐH phấn đấu trở thành đô thị loại 1 vào năm 2015”.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ Đảng bộ, chính quyền thành phố đã triển khai thực hiện quy hoạch chung thành phố đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 điều chỉnh quy hoạch chung, mở rộng không gian thành phố, tổ chức công bố quy hoạch khu đô thị nam thành phố, khu đô thị Bắc cầu Hạc, khu tái định cư Tây Bắc Ga, lập quy hoạch khu quảng trường văn hóa trung tâm, phố thương mại Phan Chu Trinh.

Đảng bộ quan tâm phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chuyển đổi hình thức quản lý một số chợ sang loại hình doanh nghiệp như chợ Điện Biên, Nam Thành, Tây Thành, các loại hình dịch vụ vận tải, ăn uống... với sự chỉ đạo kịp thời, đồng bộ của các cấp, các ngành cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, thương mại dịch vụ phát triển mạnh, các khu công nghiệp thu hút nhiều doanh nghiệp vào sản xuất kinh doanh, nghề thủ công truyền thống được quan tâm... Tháng 9/2008, Thành ủy tiến hành Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ, Hội nghị khẳng định thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt với tinh thần “tăng tốc, kỷ cương, phát triển bền vững”. Hội nghị đề ra phương hướng trong năm 2 năm 2009 - 2010, tiếp đó ngày 7/10/2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 07/NQ-TU về “xây dựng và phát triển thành phố Thanh Hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa”. Nghị quyết đề ra định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ giải pháp phát triển thành phố trong thời kỳ mới...

Thực hiện Nghị quyết Đảng bộ thành phố, những năm 2006-2010 kinh tế thành phố duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, nhiều chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu Đại hội đề ra. Các loại hình trong từng ngành kinh tế chuyển dịch tích cực về cơ cấu sản phẩm, cơ cấu công nghệ, gắn sản xuất với thị trường. Các loại hình dịch vụ mới, dịch vụ có giá trị tăng cao như: tài chính, ngân hàng, tư vấn, viễn thông phát triển mạnh.

Nông nghiệp đã chuyển đổi diện tích trồng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng các loại cây, con có giá trị kinh tế cao. Các mô hình trồng rau, hoa, cây cảnh được đầu tư nhân rộng. Tỷ trọng ngành nông nghiệp tăng bình quân 5,3%/năm. Chăn nuôi phát triển theo hướng công nghiệp, trang trại. Tỷ trọng ngành

chăn nuôi trong nông nghiệp tăng từ 44% năm 2005 lên 60% năm 2010.

Các thành phần kinh tế phát triển, đến năm 2010 có 3.050 doanh nghiệp đăng ký thành lập. Kết quả trong 5 năm, GDP bình quân đạt 1.100 USD/người. Tỷ trọng giá trị trong công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp là 49,4 - 47,5 và 3,1.

Về văn hóa - xã hội

Giáo dục: Cơ sở vật chất, thiết bị trường học được tăng cường. Năm học 2005-2006, có 864 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia; 17 giáo viên giỏi cấp tỉnh. Năm 2008, tập trung thực hiện chương trình xóa phòng học cấp 4 bằng các nguồn trái phiếu Chính phủ, vốn đóng góp của các nhà đầu tư. Đến năm 2010 có 29 trường đạt chuẩn Quốc gia. Thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” và “Phong cách nhà giáo, học sinh thành phố” đã được triển khai mạnh mẽ trong các nhà trường tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh.

Hoạt động văn hóa thông tin đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và Nhân dân. Năm 2006 thành phố tổ chức kỷ niệm 45 năm ngày kết nghĩa thành phố Thanh Hóa và thành phố Hội An (1961-2006), kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9... Duy trì phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; xây dựng thêm 6 đơn vị văn hóa, công nhận 27 đơn vị văn hóa cấp Thành phố. Tổ chức hội nghị biểu dương 235 gia đình văn hóa tiêu biểu 5 năm liên tục (2005-2010).

Thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về cuộc vận động “Xây dựng đô thị văn minh, công

dân thân thiện”. Toàn thành phố đã có 395 đơn vị khai trương xây dựng đơn vị nhà văn hóa, 1 phường và 143 phố, thôn được công nhận là đơn vị văn hóa; 105/243 phố, thôn có nhà văn hóa.

Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” phát triển mạnh mẽ. Đến năm 2010 có 250 câu lạc bộ thể thao; 45% số hộ đạt danh hiệu gia đình thể thao.

Công tác y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc trẻ em thường xuyên được quan tâm. Năm 2006, thành lập Trung tâm Y tế dự phòng và Bệnh viện Đa khoa Thành phố trên cơ sở chia tách Trung tâm Y tế thành phố. Những năm 2006 - 2010 nhiều bệnh viện, phòng khám tư nhân được thành lập, thực hiện tốt chế độ khám, chữa bệnh cho người có công, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố. Đến tháng 9/2008, toàn Thành phố có 11/18 phường, xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,7%.

** Xây dựng thành phố trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh (2010-2015)*

Từ ngày 22-24/6/2010, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2010-2015. Chủ đề: Tăng tốc - kỷ cương - phát triển bền vững. Đại hội đề ra 4 chương trình trọng tâm; hai khâu đột phá và nêu ra nhiệm vụ cơ bản.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa XIX, thành ủy tập trung lãnh đạo, triển khai với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực, từng bước giải quyết những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Ngày 29/6/2012, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về “Huy động nội lực phát triển kinh tế”. Nghị quyết nêu ra 5 mục tiêu và 10 nhiệm vụ

giải pháp chủ yếu. Với những chủ trương đúng đắn và chương trình đồng bộ, thành phố đã huy động được tối đa nguồn lực để xây dựng thành phố phát triển toàn diện trên các lĩnh vực:

Về dịch vụ - thương mại: Tạo điều kiện thuận lợi và có nhiều chính sách khuyến khích để các doanh nghiệp, Nhân dân buôn bán kinh doanh. Nhiều siêu thị, chợ, trung tâm dịch vụ, thương mại lớn hình thành góp phần đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Sau khi sáp nhập 19 phường, xã tốc độ tăng trưởng bình quân ngành dịch vụ tăng trưởng 17,9%. Năm 2015 có 17.355 cơ sở dịch vụ tăng 7.000 cơ sở so với năm 2010, giá trị xuất khẩu năm 2015 đạt 753,4 triệu chiếm 67,5 giá trị xuất khẩu toàn tỉnh.

Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng: Tập trung phát triển ngành công nghiệp có lợi thế về lao động, nguồn nguyên liệu như: dệt may, da dày, chế biến, đồ mộc dân dụng... đồng thời khuyến khích phát triển các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị tăng cao như: điện tử, tin học, viễn thông... tiến hành quy hoạch lại, quy hoạch mới và xây dựng các khu công nghiệp: Tây Bắc Ga, Lễ Môn, Hoàng Long, Nam thành phố, các cụm công nghiệp, làng nghề tiểu thủ công nghiệp như: đá xẻ Quảng Thắng, rượu Làng Quảng. Trong lĩnh vực xây dựng thành phố, quy hoạch xây dựng các đô thị mới như: Khu đô thị Đông Sơn, Bình Minh, Nam thành phố... Đồng thời khuyến khích đầu tư xây dựng cho công nhân, sinh viên thuê, nhà ở chung cư cao tầng, nhà chung cư giá rẻ...

Về sản xuất nông nghiệp, thành phố chỉ đạo các xã, phường tập trung quy hoạch đất nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Trong 5 năm đã chuyển đổi được 1.700ha trồng lúa thấp sang nuôi trồng các loại cây, con có giá trị kinh tế cao. Năm 2015, thu nhập trên diện tích canh tác đạt 110tr/ha, tăng 1,5 lần so với năm 2010.

Chương trình xây dựng nông thôn mới phát triển mạnh mẽ. Đến cuối năm 2015, đã có 4 xã: Quảng Tâm, Hoàng Anh, Thiệu Dương, Quảng Thịnh đạt xã nông thôn mới. Các xã còn lại bình quân đạt 16 tiêu chí.

Công tác quy hoạch, quản lý đô thị tiếp tục được đẩy mạnh triển khai xây dựng theo tiêu chí của đô thị loại I. Năm 2012 điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Hoàng Hóa, Thiệu Hóa, Đông Sơn và Quảng Xương để mở rộng thành phố Thanh Hóa; năm 2013, nâng cấp 6 xã lên phường. Đến cuối năm 2015, thành phố Thanh Hóa có 37 phường, xã (20 phường và 17 xã). Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015 phát triển các khu đô thị như: khu đô thị Đông Nam thành phố, khu đô thị mới Trung tâm thành phố, Bắc cầu Hạc, khu đô thị Đông Cương, khu đô thị Tây Nam thành phố... Bên cạnh đó, thành phố đã quy hoạch và giao đất cho đồng bào sinh sống trên sông, hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở và tạo việc làm mới; các khu nhà ở xã hội như: Khu thu nhập thấp Đông Phát, khu nhà ở xã hội Phú Sơn... Trong 5 năm, thành phố đã giải phóng mặt bằng 67 dự án lớn đảm bảo các công trình lớn của Trung ương, của tỉnh đều được giải phóng mặt bằng đúng tiến độ.

Văn hóa - Xã hội: Thực hiện Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày 4/01/2013 của BCH TW Đảng (khóa IX) về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH...”. Thành ủy lãnh đạo các trường triển khai phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS giai đoạn 2013-2015 và định hướng 2020. Sau 5 năm triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố và 3 năm thực hiện Nghị quyết số 29 NQ/TW, lĩnh

vực giáo dục phát triển mạnh về chất lượng và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất. Đến năm 2015, toàn thành phố có 140 trường, trong đó hệ mầm non có 49 trường; tiểu học 43 trường; trung học cơ sở 36 trường; 2 trường liên cấp; 1 trung tâm giáo dục thường xuyên; trung học phổ thông 9 trường. Đã có 83 trường đạt chuẩn Quốc gia (đạt 59,2%). Công tác xã hội hóa giáo dục và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng có nhiều chuyển biến, góp phần nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nghề cho Nhân dân.

Trong nhiệm kỳ 2010-2015, thành phố đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết theo từng thời điểm cụ thể, giải quyết những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển bền vững của thành phố như: Chỉ thị 01 CT/TU “về xây dựng đô thị văn minh, công dân thân thiện”, tiếp đó là các Chỉ thị 04, 06, 08, 09 và Chỉ thị số 10 CT/TU, ngày 6/8/2014 về “nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, ý thức cộng đồng trong cán bộ, đảng viên và người dân thành phố”. Việc thực hiện các chỉ thị đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức, hành động, tạo thành phong trào sâu rộng vì thành phố văn minh, thân thiện.

Công tác xây dựng làng, phố, cơ quan văn hóa phát triển mạnh. Đến năm 2015, toàn thành phố đã có 617 đơn vị khai trương và phát động xây dựng phố, làng, đơn vị văn hóa. Đã có 390 phố, thôn, đơn vị được công nhận đơn vị văn hóa; trên 80% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

Phong trào xây dựng phường đạt chuẩn văn minh đô thị theo tinh thần Chỉ thị 01 ngày 10/10/2010 của Ban Thường vụ Thành ủy được các phường, xã triển khai mạnh mẽ. Đến cuối năm 2014, có 26/37 phường, xã phát động xây dựng phường, xã văn hóa, được công nhận 8/26 phường, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường, xã đạt chuẩn văn minh đô thị.

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Đảng bộ thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình trọng tâm là chương trình phát triển thương mại, du lịch; chương trình “Xây dựng đô thị văn minh, công dân thân thiện”; chương trình phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Với nỗ lực phấn đấu, năm 2014 thành phố Thanh Hóa được công nhận là đô thị loại I và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

** Xây dựng thành phố theo hướng văn minh, hiện đại, thân thiện (2015 - 2020)*

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 90-KH/TU, ngày 8/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 11 đến 13/5/2015 diễn ra Đại hội Đảng bộ thị xã Thanh Hóa lần thứ XX nhiệm kỳ 2015-2020. Với chủ đề “Nâng cao vai trò trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; quy tụ sức mạnh toàn dân; tranh thủ thời cơ, phát huy thể mạnh, năng động, sáng tạo...” và phương châm “Đoàn kết, kỷ cương, dân chủ, trách nhiệm”. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu trong nhiệm kỳ 2015-2020, đồng thời chỉ rõ 4 chương trình trọng tâm, 02 khâu đột phá trong quá trình thực hiện.

Đảng bộ, Nhân dân thành phố Thanh Hóa thực hiện nhiệm vụ chính trị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX trong điều kiện chính trị ổn định, tiềm lực kinh tế ngày càng lớn mạnh. Nhiều công trình, dự án lớn về hạ tầng kinh tế - xã hội được triển khai và đi vào hoạt động.

Được sự quan tâm trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Nhân dân thành phố Thanh Hóa đã đoàn kết, tranh thủ

thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách giành nhiều kết quả trên tất cả các lĩnh vực.

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 16,5%/năm. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Cơ cấu các ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng khai thác và phát huy tốt hơn tiềm năng, lợi thế để nâng cao hiệu quả sản xuất và gắn với thị trường tiêu thụ. Dịch vụ thương mại phát triển nhanh cả về quy mô, loại hình. Hoạt động xuất khẩu đạt kết quả cao, kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 18,4%. Hạ tầng thương mại phát triển nhanh cả về loại hình và số lượng, các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng thực phẩm an toàn chiếm tỷ lệ cao trên thị trường. Thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi chợ trên địa bàn, phương thức quản lý, đổi mới tạo điều kiện để bà con tiểu thương yên tâm kinh doanh, buôn bán. Dịch vụ du lịch có nhiều chuyển biến, chất lượng dịch vụ du lịch ngày càng được nâng lên. Đã xây dựng được điểm du lịch tham quan làng cổ Đông Sơn, tuyến du lịch ngược, xuôi sông Mã và 14 tuyến du lịch kết nối với các khu, điểm du lịch trong tỉnh.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng cao. Một số làng nghề và sản phẩm tiểu thủ công nghiệp được khôi phục như: Nghề làm hương ở Trường Thi; nghề làm hoa giấy ở Đông Vệ; nghề chế tác đá ở Đông Hương, Quảng Thắng... Trên địa bàn thành phố đã hình thành thành một số tổng công ty, công ty cổ phần tập đoàn xây dựng có thương hiệu, ngày càng lớn mạnh.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo. Đến năm 2019 có 17/17 xã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành

nhệm vụ xây dựng nông thôn mới (trước 1 năm so với mục tiêu đề ra). Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm (OCOP) được triển khai, thực hiện, 100% các phường, xã đăng ký 1 sản phẩm có thương hiệu.

Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, huy động vốn đầu tư phát triển vượt mục tiêu đề ra. Công tác vận động, xúc tiến đầu tư được tăng cường và đạt kết quả cao, giai đoạn 2016 - 2020 có 168 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn, trong đó có 3 dự án từ nguồn vốn FDI. Huy động vốn đầu tư tăng cao so với những năm 2011-2015.

Doanh nghiệp phát triển nhanh cả về số lượng và cơ cấu ngành nghề, đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh. Toàn thành phố giai đoạn này đã thành lập mới 4.675 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp lên 6.478 doanh nghiệp (chiếm 28,6% toàn tỉnh).

Công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị theo hướng đồng bộ thúc đẩy phát triển kinh tế, bộ mặt đô thị ngày càng khởi sắc từng bước văn minh, hiện đại. Tốc độ đô thị hóa nhanh, ranh giới đô thị ngày được mở rộng... Kết cấu hạ tầng đô thị được tập trung cải tạo, nâng cấp. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình giao thông, tiêu thoát nước, khu đô thị trọng điểm như:

Đại lộ Đông - Tây, đường tránh phía Tây, khu đô thị núi Long, khu đô thị Vinhoms, khu đô thị Đông Hải, khu đô thị mới phường Điện Biên, khu đô thị An Phú Hưng, khu đô thị An Phát Gardent, trung tâm thương mại Vincom, trung tâm hành chính thành phố... Đầu tư, cải tạo, nâng cấp 804km đường giao thông; triển khai đầu tư xây dựng 11 khu nhà ở xã hội, từng bước hoàn thiện hạ tầng mặt bằng các khu dân cư, tái định cư.

Về Văn hóa - xã hội: Đến năm 2019 có 14/14 xã đạt danh hiệu văn hóa; 15/20 phường đạt chuẩn văn minh đô thị; 20 phường, xã, cơ quan đạt tiêu chí kiểu mẫu.

Thể dục thể thao thành tích cao luôn đứng đầu toàn tỉnh; thể dục quần chúng phát triển mạnh, đến năm 2020 có 294 câu lạc bộ và hơn 200 cơ sở tập luyện thể thao.

Giáo dục và Đào tạo: Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất được đầu tư thỏa đáng. Đến năm 2019, có 134/149 trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác đào tạo nghề giai đoạn 2016 - 2020 đã đào tạo cho 46.575 người trong độ tuổi lao động.

Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, mạng lưới y tế cơ sở được chú trọng đầu tư. Năm 2018, 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế. Năm 2020, 100% xã, phường được công nhận đạt tiêu chí về an toàn thực phẩm. An sinh xã hội được quan tâm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm, đến năm 2020 có 10 phường, xã không còn hộ nghèo.

Thực hiện Chỉ thị 35CT/TW của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của BTV Tỉnh ủy về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tháng 5 năm 2020 Đảng bộ thành phố Đại hội lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phương hướng chung của Đại hội đề ra là “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Phát huy sự năng động, sáng tạo, khát vọng thịnh vượng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong đó phát triển công nghiệp - xây dựng là then chốt, dịch vụ - thương mại là mũi nhọn. Đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh. Xây dựng thành phố đến năm 2025 trong nhóm đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh hàng đầu cả nước, đến năm 2030 cơ bản trở thành đô thị thông minh, văn minh, hiện đại”. Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ Đại hội chỉ rõ phương châm hành động là “Đoàn kết - Kỷ cương - Nêu gương - Sáng tạo - Phát triển” và 3 chương trình trọng tâm, 2 khâu đột phá. Cụ thể là:

- Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với hạ tầng đô thị.

- Chương trình phát triển các ngành dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ du lịch và các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Chương trình xây dựng đô thị văn minh, công dân thân thiện trọng tâm là thực hiện cuộc vận động “Người dân thành phố nói lời hay, làm việc tốt, hành động thân thiện”.

Các đột phá:

- Đột phá về cải tiến mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh gắn với cải cách hành chính và xây dựng chính quyền đô thị, thành phố thông minh.

- Đột phá về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Những kết quả bước đầu sau 02 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI, Đảng bộ và Nhân dân thành phố phải đối mặt với những khó khăn, thử thách lớn nhất là đại dịch Covid-19 và dịch bệnh gia súc, gia cầm đã

ảnh hưởng lớn đến mọi hoạt động và đời sống của tầng lớp Nhân dân. Tuy vậy, sau hơn 2 năm (2020-2022) cán bộ, đảng viên và Nhân dân thành phố đã đồng sức, đồng lòng phấn đấu xây dựng và phát triển thành phố có những đổi thay, tăng tốc ngoạn mục. Kinh tế từng bước được phục hồi, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 15,8%, xếp thứ 3 các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Ngành dịch vụ giữ mức doanh thu cao nhất là xuất khẩu tổng giá trị đạt kế hoạch và tăng gần 30% so với cùng kỳ. Sản xuất công nghiệp mặc dù gặp khó khăn do giá nguyên liệu đầu vào của một số ngành tăng cao vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Đã hoàn thành rà soát, đánh giá thực trạng hoạt động các cụm công nghiệp, cụm làng nghề và làng nghề trên địa bàn thành phố. Thu ngân sách 6 tháng đầu năm đạt 73% toàn tỉnh, 59% dự toán thành phố giao vượt 18% so với cùng kỳ. Huy động vốn đầu tư đạt khá, đã huy động được 17.194,7 tỷ đồng, thành lập mới 751 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố lên 7.700 doanh nghiệp.

Văn hóa, xã hội tiếp tục được đẩy mạnh, các hoạt động tuyên truyền thực hiện cuộc vận động “Người dân thành phố nói lời hay, làm việc tốt, hành động thân thiện” được Nhân dân hưởng ứng tích cực. Thực hiện linh hoạt, có hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong nhà trường. Phòng Giáo dục thành phố triển khai tổ chức tốt các kỳ thi, hội thi học sinh giỏi cấp thành phố.

Năm 2021, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, thành phố đã triển khai linh hoạt, hiệu quả, kịp thời các quy định mới của ngành y tế, của tỉnh về công tác phòng, chống dịch Covid-19; đồng thời chủ động ban hành phương án điều trị F0 không có triệu chứng tại nhà. Huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, tập trung đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 hoàn thành kế hoạch.

Trong 2 năm, thành phố đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kế hoạch, đề án, kết luận... để lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị. Kết quả: năm 2021, tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 44,583 tỷ đồng (tăng 11,8% so với năm 2020); tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 43,764 tấn (tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2020); thu ngân sách nhà nước 3.050,97 tỷ đồng; có 1.546 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới. Tất cả các chỉ thị, nghị quyết đã được cán bộ, đảng viên và Nhân dân thành phố đón nhận, thực hiện tốt. Thành phố tiếp tục đi đầu trong toàn tỉnh về công tác cán bộ, về chất lượng đào tạo; an ninh trật tự, an toàn giao thông, về xây dựng gia đình văn hóa, đơn vị văn hóa, gia đình, khu phố... kiểu mẫu.

Hơn một thế kỷ thành phố Thanh Hóa ra đời và phát triển, gần một thế kỷ Đảng bộ thành phố thành lập. Một chặng đường qua 2 thế kỷ, Đảng bộ và Nhân dân thành phố đã đồng sức, đồng lòng xây dựng thành phố và Đảng bộ thành phố từng bước đi lên. Đến nay, trong sự phát triển chung của cả tỉnh, cả nước thành phố Thanh Hóa tự hào đã đóng góp xứng đáng vào sự phát triển đi lên của quê hương, đất nước.

BÀI 4

KHÁI QUÁT CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ THANH HÓA

Kể từ ngày thành lập đến nay, Đảng bộ thành phố Thanh Hóa đã trải qua 21 kỳ Đại hội. Mỗi kỳ Đại hội là một mốc lịch sử quan trọng ghi nhận những thắng lợi, thành tựu và những bài học kinh nghiệm của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Quá trình xây dựng, phát triển và trưởng thành, đảng bộ, chính quyền và Nhân dân thành phố Thanh Hóa đã giành nhiều thắng lợi có ý nghĩa lịch sử: Cùng Nhân dân trong tỉnh và cả nước làm nên thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, giành chính quyền về tay Nhân dân; tiến hành các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc thắng lợi, xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt nhiều thành tựu to lớn.

Ngày 15/11/1945, tại Hồ Máy Đèn, thị xã Thanh Hóa (nay là công viên Thanh Quảng, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa), Tỉnh ủy Thanh Hóa đã triệu tập Hội nghị công bố Quyết định của Tỉnh ủy thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Thị xã. Đồng chí Trần Tiến Quân (Trịnh Huy Lân) được phân công làm Bí thư chi bộ. Đây là tổ chức Đảng tiền thân của Đảng bộ thành phố Thanh Hóa hiện nay.

Chấp hành Chỉ thị của Tỉnh ủy, tháng 3 năm 1946, tại tầng 2 Hồ Máy Đèn đã diễn ra Hội nghị toàn thể đảng viên bầu Thị ủy lâm thời, gồm 3 đồng chí: Trần Tiến Quân, Nguyễn Thị Nghiên và Võ Nguyên Lượng. Đồng chí Trần Tiến Quân được bầu làm Bí thư Thị ủy lâm thời.

1. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ I (1959 - 1960)

Từ ngày 8 đến 12/1/1959, tại thị xã Thanh Hóa, Đảng bộ thị xã đã tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ I (1959 - 1960). Đây là thời điểm cán bộ, đảng viên và nhân dân Thị xã đang nỗ lực quyết tâm hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ còn lại của kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế - văn hóa (1958 - 1960).

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ: Tích cực củng cố các tổ chức thợ thủ công, tiểu thương lao động, nông dân vào con đường làm ăn tập thể..., nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng là phải ra sức củng cố Đảng bộ vững mạnh về tổ chức, kiên định về lập trường tư tưởng, đủ sức lãnh đạo toàn dân hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I gồm 09 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Đặng Văn Bôi được bầu giữ chức Bí thư Thị ủy, đồng chí Hồ Văn Huân giữ chức Phó Bí thư Thị ủy.

2. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ II (1960 - 1961)

Để đánh giá kết quả công tác lãnh đạo phong trào cách mạng, những thành tích đạt được của Đảng bộ và nhân dân Thị xã Thanh Hóa trong năm 1959 và đề ra nhiệm vụ, phương hướng của Đảng bộ trong năm 1960, từ ngày 10 đến ngày 17/5/1960, tại thị xã Thanh Hóa đã diễn ra Đại hội Đại biểu đảng bộ lần thứ II. Dự Đại hội có 92 đại biểu chính thức đại diện cho 37 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1960: “Ra sức củng cố và phát huy thắng lợi năm 1958 - 1959, tăng cường ý chí phấn đấu, tăng cường củng cố, xây dựng cơ sở và sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, tranh thủ vươn lên hàng đầu, kiên quyết phấn đấu hoàn thành vượt mức và trước thời hạn kế

hoạch Nhà nước năm 1960, đưa phong trào Thị xã tiến lên mạnh mẽ, vững chắc và toàn diện...”.

Đại hội đã tiến hành bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II, gồm 11 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Đặng Văn Bôi được bầu giữ chức Bí thư Thị ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Hành chính thị xã Thanh Hóa, đồng chí Hồ Văn Huân giữ chức Phó Bí thư thị ủy. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh, gồm 05 đồng chí chính thức và 01 đồng chí dự khuyết.

3. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ III (1961 - 1962)

Phát huy thắng lợi của ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã lần thứ II (1960), tình hình trong Thị xã có những chuyển biến cách mạng sâu sắc.

Từ ngày 4 đến ngày 8/4/1961, Đảng bộ thị xã Thanh Hóa triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ III. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ Thị xã đã phát động nhiều phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân; tiếp tục tăng cường quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, củng cố an ninh - quốc phòng và chăm lo đời sống nhân dân.

Đại hội thống nhất nhận định: "Trong 3 năm qua, việc cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, Thị xã chúng ta đã đạt được những thành tích to lớn làm cho tình hình trong Thị xã có những chuyển biến cách mạng rất sâu sắc".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III gồm 13 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ đã họp Hội nghị bầu Ban Thường vụ gồm 05 đồng chí, do đồng chí Hồ Văn Huân làm Bí thư thị ủy kiêm Chủ

tịch Ủy ban hành chính thị xã; đồng chí Trần Trọng Tài làm Phó Bí thư.

4. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ IV (1962 - 1963)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III, trong năm 1961 và những tháng đầu năm 1962, Thị xã Thanh Hóa đã có bước chuyển biến tích cực về cải tạo XHCN, hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội.

Từ ngày 10 đến 14/7/1962, Đảng bộ Thị xã tiến hành Đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ IV. Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ: “Ra sức phát huy những thành tích đạt được, dựa vào những thuận lợi và nhân tố mới của phong trào hợp tác hóa, phong trào thi đua yêu nước của quần chúng, tiếp tục cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, trên cơ sở nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần hợp tác tương trợ, đưa các cơ sở sản xuất, các ngành kinh tế phát triển với tinh thần cần kiệm, tự lực cánh sinh, nâng cao trình độ quản lý tổ chức kỹ thuật, tăng cường tích lũy vốn, tăng thêm thiết bị kỹ thuật, tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, phát triển văn hóa - giáo dục, giữ vững trật tự, trị an, củng cố quốc phòng (...) đưa phong trào thi đua sản xuất phát triển, thúc đẩy từng bước công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi từng bước kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất...”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV gồm 13 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết; đồng chí Hồ Văn Huân tiếp tục được bầu làm Bí thư thị ủy; đồng chí Trần Trọng Tài được bầu làm Phó Bí thư thị ủy.

5. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ V (1964 - 1967)

Từ ngày 24 đến 26/6/1964, Đảng bộ Thị xã đã tiến hành tổ chức Đại hội Đại biểu lần thứ V. Đây là thời điểm Đảng bộ và nhân dân Thị xã đang ra sức thi đua hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1964 và tiến tới hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương. Dự Đại hội có 120 đại biểu chính thức, thay mặt cho 1.474 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ tới là: “Quán triệt tinh thần Nghị quyết của Trung ương, tinh thần nhiệm vụ kế hoạch năm 1964, đảm bảo các nhiệm vụ chủ yếu là giải quyết vấn đề lao động, lương thực, xuất khẩu, lưu thông phân phối và tinh thần một năm hoàn thành kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, kết hợp với khả năng tình hình địa phương, giáo dục sâu sắc về giác ngộ xã hội chủ nghĩa, về quan điểm đấu tranh giai cấp, quan điểm cần kiệm xây dựng Tổ quốc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Phát huy tinh thần dũng cảm cách mạng, tinh thần tự lực cánh sinh, khắc phục vượt mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước năm 1964 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng đảm bảo là hạt nhân lãnh đạo thắng lợi mọi phong trào cách mạng của nhân dân thị xã Thanh Hóa...”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa V, gồm 13 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Đặng Văn Bôi được bầu giữ chức Bí thư thị ủy, đồng chí Hồ Văn Huân giữ chức Phó Bí thư thị ủy, kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã.

6. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ VI (1967 - 1969)

Trong lúc Đảng bộ và quân dân Thị xã đang sôi nổi thi đua đẩy mạnh các phong trào chiến đấu, sản xuất, giao thông

vận tải, với ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã lần thứ VI được tiến hành từ ngày 5 đến ngày 8/9/1967 tại xã Đông Tiến (huyện Đông Sơn). Về dự Đại hội có 117 đại biểu thay mặt cho 914 đảng viên của 61 Đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc.

Đại hội đã đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ V, Đại hội khẳng định: Trong 2 năm trực tiếp chống Mỹ, cứu nước, nhận thức rõ vị trí trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa, đầu mối của trục giao thông thủy bộ và vị trí quân sự trọng yếu, Thị xã đã có những bước chuyển biến lớn, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc.

Căn cứ tình hình, đặc điểm của Thị xã và quán triệt các nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy, Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ của nhiệm kỳ là: "Phát huy kinh nghiệm tốt qua 3 năm chống Mỹ, cứu nước, trong gian khổ khói lửa, đặt cao hơn nữa công tác chính trị tư tưởng và tổ chức. Đặc biệt là tập trung xây dựng cơ sở Đảng vững mạnh, tích cực hơn nữa việc cải tiến tác phong lãnh đạo và chỉ đạo, công tác, thực sự mở rộng dân chủ, đi sâu phát động quần chúng, giáo dục cán bộ, quần chúng tinh thần quyết tâm cao, tinh thần tiến công cách mạng, không ngừng ra sức vượt mọi khó khăn hoàn thành tốt các nhiệm vụ công tác khác. Đặc biệt kiên quyết tập trung toàn lực đẩy mạnh sản xuất phát triển đưa phong trào tiến lên".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa VI gồm 19 đồng chí, đồng chí Hồ Văn Huân được bầu làm Bí thư thị xã; đồng chí Trần Trọng Tài làm Phó Bí thư thị ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã.

7. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ VII (1969 - 1971)

Sau khi địch tạm ngừng ném bom bắn phá miền Bắc, các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể từ xã Đông Tiến (huyện Đông Sơn) chuyển về Thị xã. Đảng bộ và nhân dân Thị xã nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Thanh Hóa lần thứ VII diễn ra từ ngày 17 đến 23/4/1969, tại Thị xã Thanh Hóa. Dự Đại hội có 116 đại biểu chính thức và 11 đại biểu dự khuyết.

Đại hội đã đánh giá những thành tựu đạt được trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI. Đại hội khẳng định: "Quá trình thực hiện nhiệm vụ của Đảng cấp trên giao cho và với tinh thần trách nhiệm trước nhân dân Thị xã, Đảng bộ đã phát huy năng lực chủ quan của mình, chủ động kết hợp chặt chẽ với các ngành liên quan, ra sức động viên cán bộ đảng viên và nhân dân Thị xã, nêu cao tinh thần phấn đấu cách mạng, tự lực cánh sinh, khắc phục mọi khó khăn, vì vậy trong những năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ" và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ là: "Lấy xây dựng Đảng làm gốc, lấy tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân và thi đua yêu nước làm động lực, thúc đẩy toàn Đảng, toàn quân và toàn dân hướng về miền Nam ruột thịt, quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến lớn, giữ vững nếp sống quân sự hóa, bảo vệ Thị xã an toàn trong mọi tình huống, phát huy cao độ ý thức tự lực cánh sinh và tinh thần công tác tương trợ, nỗ lực phấn đấu hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch Nhà nước; tăng thêm vốn tích lũy đầu tư vào việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, ưu tiên số 1 là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề, góp phần cao nhất vào sự nghiệp đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ

xâm lược, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao một bước đời sống nhân dân".

Đại hội ra Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, coi trọng "củng cố và nâng cao chất lượng cơ sở Đảng. Ba mặt công tác: Tư tưởng, tổ chức và kiểm tra phải được tiến hành đồng đều, cân đối, công tác tư tưởng phải đi trước một bước nhưng phải lấy công tác tổ chức làm gốc. Công tác kiểm tra phải kịp thời nghiêm chỉnh".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VII gồm 21 ủy viên chính thức và 02 Ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hồ Văn Huân tiếp tục được bầu làm Bí thư; đồng chí Hoàng Tửu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính thị xã.

8. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ VIII (1971 - 1975)

Trong không khí toàn Đảng, toàn quân ta đang sôi nổi thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 19, cán bộ, đảng viên và nhân dân Thị xã thi đua lao động sản xuất trong phong trào “Mùa Xuân thắng Mỹ”, quyết tâm thực hiện thắng lợi *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 14/02/1971, Đảng bộ Thị xã đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ VIII.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1971 và những năm tiếp theo: “Tập trung lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất; giải quyết tốt các mối quan hệ giữa chiến đấu, phòng tránh với sản xuất; giữa kinh tế với quốc phòng. Tập trung các biện pháp phát triển sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp với tinh thần tập trung sản xuất hàng tiêu dùng một cách phong phú, phát triển sản xuất lương thực - thực phẩm, nhằm đạt hiệu quả cuối cùng là: năng suất lao động tăng; sản phẩm xã hội

nhieu; chất lượng tốt, bền đẹp, giá thành hạ. Coi công tác xây dựng Đảng là then chốt, khâu quyết định thắng lợi của Đảng bộ”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 18 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 05 đồng chí. Đồng chí Hồ Văn Huân được bầu làm Bí thư thị ủy, đồng chí Hoàng Tửu được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã.

9. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ IX (1975 - 1977)

Hòa cùng niềm vui thắng lợi vĩ đại của dân tộc, từ ngày 26 đến ngày 31/3/1975, Đảng bộ Thị xã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ IX.

Đại hội đề ra nhiệm vụ: “Tập trung mọi khả năng sức lực của các ngành, các cấp đẩy mạnh sản xuất kinh tế phát triển, nhằm sử dụng hết mọi khả năng lao động xã hội là khâu cơ bản nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, thúc đẩy mọi mặt văn hóa - xã hội trong năm 1975 và những năm tới. Tăng cường công tác quản lý kinh tế, văn hóa, quản lý thị xã, quản lý Nhà nước làm cho các mặt quản lý có những tiến bộ rõ rệt, phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, nhằm củng cố và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả hai khu vực quốc doanh và tập thể, tổ chức xây dựng cuộc sống mới tươi vui, lành mạnh. Nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, tăng cường công tác quân sự địa phương, công tác bảo vệ trật tự trị an xã hội, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, ngăn ngừa và đánh bại mọi hành động chiến tranh tâm lý gián điệp và mọi hoạt động phá hoại của địch, đáp ứng đầy đủ nhất các yêu cầu chi viện người và của cho cách mạng miền Nam...”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX gồm 21 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 06 đồng chí. Đồng chí Hồ Văn Huân được bầu làm Bí thư Thị ủy, đồng chí Thiều Quang Mộc làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã.

10. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ X (1977 - 1979)

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã lần thứ X diễn ra từ ngày 28 đến ngày 30/6/1977. Dự Đại hội có 200 đại biểu, thay mặt cho 4.613 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ của Thị xã trong nhiệm kỳ 1977 - 1979 là: "Sử dụng hết khả năng lao động và thiết bị hiện có, tăng thêm thiết bị cho một số ngành kinh tế trọng điểm, tăng cường công tác tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 19, 61, 134/CP của Hội đồng Chính phủ. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng cung cấp phần lớn cho nhu cầu nhân dân trong tỉnh. Tăng nhanh tốc độ sản xuất hàng xuất khẩu, sản xuất nhiều sản phẩm "rau, thịt", giải quyết vững chắc lương thực, đóng góp đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, cải thiện từng bước đời sống nhân dân Thị xã, đồng thời tăng cường công tác quân sự địa phương, công tác trật tự, vệ sinh từng bước xây dựng Thị xã thành địa bàn công - nông nghiệp liên hiệp".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 23 đồng chí (02 ủy viên dự khuyết). Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X đã bầu Ban Thường vụ gồm 07 đồng chí; đồng chí Lê Xuân Sang được bầu làm Bí thư; đồng chí Thiều Quang Mộc làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thị xã.

11. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XI (1979 - 1983)

Ngày 17/02/1979, cuộc chiến tranh chống quân bành trướng Trung Quốc, bảo vệ Tổ quốc diễn ra trên toàn tuyến

biên giới phía Bắc. Tiếp tục phát huy truyền thống "Tòng quân giết giặc cứu nước", Đảng bộ Thị xã quyết định thành lập Trung đoàn Hàm Rồng do đồng chí Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự Thị xã trực tiếp làm Trung đoàn trưởng và Sư đoàn dự nhiệm theo tinh thần Lệnh tổng động viên của Quốc hội và Chủ tịch nước, bảo đảm vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương, vừa sẵn sàng cơ động nơi xa.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 25 đến ngày 28/6/1979, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã lần thứ XI đã diễn ra tại Thị xã Thanh Hóa, với sự tham dự của 306 đại biểu từ 187 chi bộ, đảng bộ cơ sở. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Thị xã trong nhiệm kỳ XI: "Phát huy hơn nữa quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, ý chí tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công, khắc phục khó khăn, tận dụng thuận lợi nhằm tăng cường cải tiến quản lý kinh tế, tổ chức lại sản xuất trong cả tiểu, thủ công nghiệp, vận tải, nông nghiệp, tiếp tục phân bổ lại lực lượng lao động, sử dụng tốt khả năng lao động hiện có, tận dụng tốt công suất thiết bị, ruộng đất, vật tư, phế liệu, phế phẩm, khai thác thêm nhiều nguồn nguyên liệu mới, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đẩy mạnh sản xuất vụ đông, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và cung cấp ngày càng nhiều thực phẩm, thực hiện hậu cần tại chỗ. Đồng thời, tăng cường giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh quân sự hóa toàn dân, vũ trang toàn dân, khẩn trương chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu thắng lợi; chi viện đầy đủ và kịp thời các yêu cầu của tỉnh và cả nước, từng bước xây dựng Thị xã thành đơn vị kinh tế công - nông nghiệp, tổ chức tốt đời sống nhân dân và thành pháo đài vững chắc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa...".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 35 đồng chí, trong đó có 33 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết. Trong phiên họp thứ nhất (ngày 9-7-1979), Ban Chấp hành đã bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ; đồng chí Lê Xuân Sang làm Bí thư Thị ủy; đồng chí Ngô Đức Kính làm Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Thiều Quang Mộc được tái cử Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thị xã. Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X gồm 17 đồng chí.

12. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XII (1983 - 1986)

Thành tích đạt được trong hai năm đầu thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ ba cũng là hai năm hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XI đề ra. Đảng bộ Thị xã đã từng bước khẳng định sự trưởng thành trong công tác lãnh đạo.

Từ ngày 15 đến ngày 18/3/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã Thanh Hóa lần thứ XII đã khai mạc trọng thể tại Hội trường Thị ủy, 339 đại biểu thay mặt cho 9.123 đảng viên ở 194 cơ sở Đảng.

Đại hội đề ra mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và xác định rõ nhiệm vụ chủ yếu trong ba năm 1983 - 1985: "Ra sức nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, tăng cường hiệu lực quản lý hành chính nhà nước, quản lý xã hội và quản lý kinh tế, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động; thực hiện một sự chuyển biến căn bản về tập trung sức đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, nông nghiệp, vận tải mà trọng tâm là sản xuất tiểu, thủ công nghiệp và vận tải, lo đủ việc làm cho người lao động. Phấn đấu ổn định đời sống nhân dân về vật chất và có phần được cải thiện về tinh thần. Xây dựng nếp sống sản xuất công nghiệp, lối sống lành mạnh, giản

dị, tiết kiệm. Đề cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, gắn liền với chống tiêu cực, nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, từng bước xây dựng Thị xã Thanh Hóa thành một đơn vị giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về an ninh, quốc phòng và đẹp về văn hóa".

Đại hội bầu Ban Chấp hành, gồm 33 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành đã bầu đồng chí Hoàng Tạ làm Bí thư, đồng chí Trần Văn Lãm làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Ngô Đức Kính làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thị xã.

13. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XIII (1986 - 1989)

Diễn ra trong thời điểm Đảng ta tiến hành Đại hội lần thứ VI với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Sự đổi mới về chất trong tư duy kinh tế của Đảng là định hướng để các địa phương xác định kế hoạch, chiến lược phát triển phù hợp điều kiện thực tế của địa phương mình.

Quán triệt tinh thần đổi mới được thể hiện trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, từ ngày 6 đến 11/10/1986, tại Hội trường Thị ủy đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã lần thứ XIII, nhiệm kỳ 1986 - 1989. Dự Đại hội có 309 đại biểu thay mặt cho 7.364 đảng viên từ 145 cơ sở Đảng trong Đảng bộ.

Đại hội quyết nghị: Xuất phát từ phương hướng cơ bản của tỉnh: "Từ lương thực, xuất khẩu và sản xuất hàng hóa phong phú, đa dạng mà đi lên", ổn định và tiếp tục phát triển

mạnh sản xuất, trọng tâm là sản xuất tiểu, thủ công nghiệp; phát triển giao thông vận tải; mở rộng dịch vụ, chú trọng dịch vụ đời sống. Phát triển nông nghiệp toàn diện, tập trung thâm canh tăng năng suất, hình thành vành đai thực phẩm ổn định. Mọi người có việc làm và đời sống ổn định.

Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, truyền thanh, thể dục thể thao... làm tốt công tác nhà đất, từng bước xây dựng đô thị theo quy hoạch để đổi mới bộ mặt của Thị xã.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Tăng cường kinh tế quốc doanh, củng cố phát triển kinh tế tập thể, khuyến khích kinh tế gia đình phát triển đúng hướng.

Xây dựng Đảng bộ vững mạnh, hệ thống chính quyền có đủ năng lực quản lý hành chính nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, các đoàn thể quần chúng vững mạnh”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII gồm 39 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành họp Hội nghị lần thứ nhất bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Hoàng Tạ được bầu làm Bí thư thị ủy; đồng chí Trịnh Đình Bốn làm Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Trần Văn Lãm làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thị xã.

14. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XIV (1989 - 1991)

Trên cơ sở tổng kết những kết quả bước đầu đạt được trong năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XIII, ngày 29/01/1989, đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã Thanh Hóa lần thứ XIV. Đại hội kiểm điểm các mặt hoạt động của Đảng bộ trong nhiệm kỳ XIII và đề ra phương hướng nhiệm kỳ tới.

Trong không khí dân chủ, công khai, với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật", Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: "Đẩy mạnh phát triển sản xuất (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp), mở mang, lưu thông hàng hóa, giải quyết việc làm cho người lao động, giữ vững và nâng cao dần mức sống cho nhân dân, củng cố xây dựng quốc phòng vững mạnh, đảm bảo cho Thị xã có nếp sống văn minh, trật tự an toàn xã hội".

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIV, nhiệm kỳ 1989-1991, gồm 35 đồng chí, bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Hoàng Văn Thịnh được bầu làm Bí thư thị ủy; đồng chí Ngô Đức Kính làm Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Mai Văn Minh làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thị xã.

15. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XV (1991 - 1996)

Tháng 4/1991, Đảng bộ Thị xã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XV, nhiệm kỳ 1991-1996. Tham dự Đại hội có 303 đại biểu đại diện cho 8.578 đảng viên ở 134 cơ sở Đảng trực thuộc.

Đại hội quyết nghị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội: "Tiếp tục thực hiện sự nghiệp đổi mới; đẩy mạnh xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, giải quyết việc làm cho người lao động, ổn định và nâng dần mức sống cho nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện nếp sống văn minh đô thị, lập lại kỷ cương; từng bước xây dựng Thị xã "giàu về kinh tế, vững về quốc phòng - an ninh, đẹp về nếp sống".

Đại hội xác định cơ cấu kinh tế của Thị xã là: Công nghiệp (bao gồm cả tiểu thủ, công nghiệp), thương nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp. Cơ cấu đó được đan kết vào nhau trong các thành phần kinh tế.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Thị xã khóa XV gồm 35 đồng chí. Ban Chấp hành đã bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Hoàng Văn Thịnh được bầu làm Bí thư thị ủy; đồng chí Nguyễn Ngọc Lâm làm phó Bí thư Thường trực và đồng chí Mai Văn Minh làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thành phố ¹⁵.

16. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI (1996 - 2000)

Sáng ngày 29/3/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thanh Hóa lần thứ XVI, nhiệm kỳ 1996 - 2000 đã khai mạc trọng thể tại hội trường lớn của Thành ủy. Dự Đại hội có 251 đại biểu thay mặt cho hơn 9.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ chung của Thành phố trong giai đoạn 1996 - 2000 là: "Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh công cuộc đổi mới trọng tâm là phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao dân trí. Từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân; đảm bảo trật tự an toàn xã hội, thực hiện nếp sống văn minh đô thị, đảm bảo kỷ cương, công bằng xã hội, tiếp tục xây dựng Thành phố ngày càng giàu đẹp, văn minh...".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVI gồm 35 ủy viên. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 11 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Ngọc Lâm được bầu làm Bí thư Thành ủy; đồng chí Nguyễn Đức Thắng được làm Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Mai Văn Minh bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thành phố.

¹⁵ Trong nhiệm kỳ này, Thị xã Thanh Hóa đã được Chính phủ ra Quyết định nâng cấp lên thành phố vào ngày 01/5/1994.

17. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII (2000 - 2005)

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22/5/2000 của Bộ Chính trị về việc tiến hành đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 12 năm 2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2000 - 2005 được tổ chức trọng thể. Dự đại hội có 180 đại biểu, thay mặt cho hơn mười ngàn đảng viên sinh hoạt tại 103 đảng bộ, chi bộ cơ sở. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tới dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu trong nhiệm kỳ 2000 - 2005: “Phát huy cao độ truyền thống, những tiềm năng về vốn, lao động, trí tuệ và khoa học kỹ thuật; tiếp tục đổi mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung đầu tư phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng cường quản lý đô thị, tiến hành có trọng tâm, trọng điểm và có hiệu quả. Từng bước giải quyết tốt các vấn đề bức xúc về văn hóa - xã hội, trọng tâm là xây dựng nền văn hóa mới, giải quyết việc làm và tệ nạn xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Cùng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự - an toàn xã hội. Tiếp tục thực hiện xây dựng chính quyền Đảng, đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phấn đấu năm 2000, Đảng bộ Thành phố đạt và giữ danh hiệu “Đảng bộ trong sạch, vững mạnh”; đến năm 2005, Thành phố được nâng cấp lên đô thị loại 2”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa XVII, nhiệm kỳ 2000 - 2005, gồm 33 đồng chí. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí.

Đồng chí Nguyễn Đức Thắng được bầu làm Bí thư Thành ủy; đồng chí Nguyễn Văn Ngọc được bầu làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Bùi Tường Hỷ được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thành phố. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XV gồm 22 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết^{16. 2111}.

18. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII (2005-2010)

Đảng bộ thành phố được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn là đơn vị đại hội điểm của tỉnh. Từ ngày 5 đến ngày 9/9/2005, Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2005 - 2010 được tổ chức trọng thể tại Hội trường Thành ủy. Dự Đại hội có 250 đại biểu, đại diện cho hơn 11.000 đảng viên của 103 tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tới dự và trực tiếp chỉ đạo Đại hội.

¹⁶ Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động và chỉ định các đồng chí tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ khóa XVII:

Tháng 9/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa điều động và chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Lợi, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh về làm Bí thư Thành ủy thay đồng chí Nguyễn Đức Thắng được điều động về Tỉnh ủy công tác.

Tháng 4/2004, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa điều động và chỉ định đồng chí Nguyễn Ngọc Hồi, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn về làm Phó Bí thư Thành ủy phụ trách chính quyền và được HĐND thành phố bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay cho đồng chí Bùi Tường Hỷ chuyển công tác khác.

Tháng 5/2004, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa điều động và chỉ định đồng chí Hoàng Văn Hoàng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về làm Bí thư Thành ủy thay đồng chí Nguyễn Văn Lợi được điều động về tỉnh công tác.

Tháng 2/2002, đồng chí Lưu Ngọc Trung được bầu bổ sung Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy (thay đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự thành phố nghỉ hưu). Tháng 7 năm 2005, đồng chí chuyển công tác lên Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh. Cũng trong nhiệm kỳ, đảng bộ và nhân dân thành phố được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba. Thành phố được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định nâng cấp lên đô thị loại II (ngày 29/4/2004).

Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 2005 - 2010: “Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của đô thị tỉnh lỵ, tạo sức bật mới để tăng tốc phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh thu hút đầu tư, xác định rõ các chương trình và các công trình trọng điểm để tập trung đầu tư có hiệu quả; chăm lo phát triển văn hóa - xã hội, xây dựng ý thức văn minh đô thị làm nền tảng tinh thần cho phát triển toàn diện, giữ vững kỉ cương, làm tốt công tác cán bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; mở rộng dân chủ, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phấn đấu trở thành đô thị loại I vào năm 2015”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVIII, nhiệm kỳ 2005 - 2010 gồm 39 đồng chí. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVIII bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí; bầu Bí thư và các Phó Bí thư. Đồng chí Hoàng Văn Hoàng được bầu lại làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Ngọc làm Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Nguyễn Ngọc Hồi làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XV gồm 21 đại biểu chính thức¹⁷.¹².

19. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIX (2010 - 2015)

Từ ngày 22 đến ngày 24/6/2010, Đảng bộ thành phố Thanh Hóa tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XIX (nhiệm kỳ

¹⁷ Tháng 7/2007, đồng chí Nguyễn Xuân Phi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động về làm Phó Bí thư phụ trách chính quyền và tháng 10/2007 được HĐND thành phố bầu làm Chủ tịch UBND thành phố thay đồng chí Nguyễn Ngọc Hồi về tỉnh nhận công tác khác.

2010 - 2015). Dự Đại hội có 298 đại biểu, đại diện cho hơn 14.000 đảng viên, tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết và trí tuệ tập thể của toàn Đảng bộ.

Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2010 - 2015 như sau: “Phát huy mạnh mẽ lợi thế so sánh, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để xây dựng Thành phố với tinh thần *“Tăng tốc - Kỷ cương - Phát triển bền vững”*, làm đầu tàu tăng trưởng và giải quyết các nhiệm vụ trọng yếu về phát triển kinh tế của tỉnh; gắn phát triển kinh tế với chính trang, mở rộng đô thị theo quy hoạch, tạo sự chuyển biến rõ nét về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại; đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội, từng bước xây dựng Thành phố xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và dịch vụ của cả tỉnh; đồng thời phấn đấu để trở thành một trong những trung tâm văn hóa, thể thao, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe của vùng Nam Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; là đầu mối giao lưu của tỉnh với cả nước; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường; tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phấn đấu xây dựng Thành phố trở thành đô thị loại I vào năm 2013”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XIX, nhiệm kỳ 2010-2015 gồm 47 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí. Đại hội đã trực tiếp bầu đồng chí Hoàng Văn Hoàng làm Bí thư Thành ủy. Tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố đã bầu đồng chí Nguyễn Văn

Ngọc làm Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Nguyễn Xuân Phi làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thành phố¹⁸.¹³.

20. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XX (2015 - 2020)

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã diễn ra từ ngày 11 đến 13/5/2015. Dự đại hội có 299 đại biểu từ 90 tổ chức cơ sở đảng, đại diện cho hơn 18.000 đảng viên đảng bộ thành phố.

Đại hội đã đề ra 4 chương trình trọng tâm: Chương trình phát triển dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ du lịch; Chương trình phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ và mở rộng không gian thành phố theo quy hoạch; Tiếp tục thực hiện Chương trình “Xây dựng Đô thị văn minh - Công dân thân thiện” và 2 khâu đột phá: Cải cách thủ tục hành chính; Phát triển hạ tầng đô thị.

¹⁸ Tháng 11/2010, đồng chí Đào Trọng Quy, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy khóa XIX, giữ chức Phó Bí thư Thành ủy phụ trách công tác chính quyền; tháng 3/2011 được HĐND thành phố bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Tháng 11/2013, đồng chí Nguyễn Tư Khánh, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố được bầu làm Phó Bí thư Thường trực thay đồng chí Nguyễn Văn Ngọc nghỉ hưu.

Ngày 01/4/2013, đồng chí Nguyễn Như Huệ, Phó Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy khóa XIX, giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy.

Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố đã ra hệ thống các chỉ thị, nghị quyết tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực đời sống xã hội, từng bước làm thay đổi bộ mặt đô thị, tạo đà cho thành phố có sự phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Đại hội bầu 43 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, 13 đồng chí trong Ban Thường vụ Thành ủy. Đồng chí Nguyễn Xuân Phi được bầu lại làm Bí thư Thành ủy; đồng chí Đào Trọng Quy được bầu lại làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thành phố. Đồng chí Nguyễn Tư Khánh được bầu làm Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Nguyễn Như Huệ được bầu làm Phó Bí thư Thành ủy¹⁹.¹⁴.

21. Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI (2020 - 2025)

Thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, từ ngày 10 đến ngày 12/6/2020, tại Hội trường Trung tâm Hội nghị thành phố Thanh Hóa, Đảng bộ thành phố Thanh Hóa tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Dự Đại hội có 298 đại biểu chính thức đại diện cho gần 22 nghìn đảng viên trong Đảng bộ thành phố, được bầu từ 71 Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc.

Đại hội đã đánh giá tình hình thực hiện 5 năm 2015 - 2020, làm nổi bật những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và rút ra các bài học kinh nghiệm. Đại hội đã quyết nghị phương hướng: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

¹⁹ Ngày 11/5/2017, đồng chí Đào Trọng Quy, Chủ tịch UBND thành phố được tỉnh điều động nhận công tác khác. Ngày 11/01/2018, đồng chí Lê Anh Xuân, Tỉnh ủy viên, Bí thư, Chủ tịch HĐND huyện ủy huyện Thọ Xuân được Ban Thường vụ Tỉnh ủy luân chuyển về thành phố và chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy, được bầu làm Phó Bí thư Thành ủy phụ trách chính quyền. Ngày 24/01/2018, được HĐND thành phố bầu giữ chức Chủ tịch UBND thành phố. Ngày 14/01/2020 được bầu giữ chức Bí thư Thành ủy, thay đồng chí Nguyễn Xuân Phi nghỉ hưu.

Ngày 26/02/2020, đồng chí Trịnh Huy Triều, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động về thành phố tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy, giữ chức vụ Phó Bí thư phụ trách chính quyền; ngày 09/3/2020 được HĐND thành phố bầu làm Chủ tịch UBND thành phố.

Phát huy sự năng động, sáng tạo, khát vọng thịnh vượng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, trong đó phát triển công nghiệp - xây dựng là then chốt, dịch vụ - thương mại là mũi nhọn. Đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh. Xây dựng thành phố đến năm 2025 trong nhóm đô thị loại I trực thuộc tỉnh hàng đầu cả nước, đến năm 2030 cơ bản trở thành đô thị thông minh, văn minh, hiện đại”.

Đại hội đã đề ra 3 chương trình trọng tâm và 2 khâu đột phá để tổ chức hành động hiệu quả với ý chí quyết tâm cao, hành động quyết liệt. 3 chương trình trọng tâm: Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với hoàn thiện hạ tầng đô thị; Chương trình phát triển các ngành dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ du lịch và các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao; Chương trình xây dựng đô thị văn minh, công dân thân thiện, trọng tâm là thực hiện tốt cuộc vận động “Người dân thành phố nói lời hay, làm việc tốt, hành động thân thiện”.

2 khâu đột phá: Đột phá về cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh gắn liền với cải cách hành chính và xây dựng chính quyền đô thị, thành phố thông minh; Đột phá về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 40 đồng chí. Tại kỳ họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố đã bầu Ban Thường vụ Thành ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Lê Anh Xuân, tiếp tục được bầu làm Bí thư Thành ủy; đồng chí Trịnh Huy Triều được

bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thành phố; đồng chí Lê Anh Tuấn được bầu làm phó Bí thư Thường trực Thành ủy. Đại hội đã bầu Đoàn đại biểu Đảng bộ thành phố, gồm 22 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết dự Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025²⁰.¹⁵.

* * *

Trải qua gần 80 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Đảng bộ thành phố Thanh Hóa đã trải qua 21 kỳ Đại hội. Mỗi kỳ Đại hội là một mốc lịch sử quan trọng, ghi nhận, đánh dấu những thắng lợi, thành tựu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Thanh Hóa. Khái quát các kỳ Đại hội để chúng ta cùng nhìn lại chặng đường vinh quang, hào hùng của Đảng bộ thành phố Thanh Hóa từ khi thành lập đến nay, qua đó khẳng định các quan điểm, mục tiêu, chương trình trọng tâm, các khâu đột phá, nhiệm vụ và các giải pháp đề ra tại các kỳ Đại hội là phù hợp với từng giai đoạn lịch sử, góp phần tiếp tục khắc sâu niềm tự hào của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với những giá trị truyền thống cách mạng của thành phố Thanh Hóa anh hùng.

²⁰ Tháng 10/2020, đồng chí Lê Văn Tú, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch UBND thành phố chuyển công tác khác. Tháng 5/2021, đồng chí Lê Mai Khanh, Thành ủy viên, Phó Chủ tịch UBND thành phố được Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố bầu vào Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, nhiệm kỳ 2020-2025.

Tháng 01/2021, đồng chí Trịnh Thị Hoa, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Dân vận, Chủ tịch UB MTTQ VN thành phố Thanh Hóa chuyển công tác khác. Tháng 5/2021, đồng chí Nguyễn Việt Hùng, Thành ủy viên, Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố được Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố bầu vào Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy và phân công giữ chức vụ Trưởng ban Dân vận Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Thanh Hóa.

Tháng 5/2021, đồng chí Nguyễn Anh Tuấn, Thành ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Đông Hương được Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố bầu vào Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, nhiệm kỳ 2020-2025.

Tháng 6/2021, đồng chí Lê Quang Hiến, Thành ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND phường Đông Vệ được Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố bầu vào Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy và giới thiệu bầu vào chức vụ Phó Chủ tịch HĐND thành phố, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

1. Đồng chí Lê Anh Tuấn,
Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Trưởng ban.
2. Đồng chí Nguyễn Thị Hiền,
Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị thành phố, Phó Trưởng ban Thường trực.
3. Đồng chí Phạm Thị Việt Nga,
Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố, Phó ban.
4. Đồng chí Lê Đại Hành,
Thành ủy viên, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thành phố, Thành viên.
5. Đồng chí Lê Thành Đồng,
Quyển Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Thành viên.
6. Đồng chí Đào Thị Châu,
Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử thành phố, Thành viên.

*** Mời tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn**

1. Đồng chí Nguyễn Văn Phát,
nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa.
2. Đồng chí Mai Văn Minh,
nguyên Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Chủ nhiệm Câu lạc bộ Hạc Thành thành phố Thanh Hóa.
3. Đồng chí Nguyễn Anh Tuấn,
nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi thành phố Thanh Hóa.
4. Đồng chí Nguyễn Thiện Phùng,
đảng viên Chi bộ Tổ dân phố 7, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa.

TỔ BIÊN SOẠN

1. Đồng chí Nguyễn Thị Hiền,
Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị thành phố, Tổ trưởng.
2. Đồng chí Nguyễn Văn Quân,
Phó Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy, Thành viên.
6. Đồng chí Lê Hữu Ngọc,
Giảng viên Trung tâm Chính trị thành phố, Thành viên.
7. Đồng chí Lê Thị Thanh,
Chuyên viên phòng Văn hóa và Thông tin thành phố, Thạc sỹ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

*** Mời tham gia Tổ biên soạn**

1. Đồng chí Đào Thị Châu,
Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử thành phố Thanh Hóa.
2. Đồng chí Nguyễn Anh Tuấn,
*nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Thành ủy;
Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi thành phố Thanh Hóa.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Thanh Hóa, *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa (1945-2015)*, xuất bản theo Giấy phép số 125/GP-STTTT, ngày 28/10/2015 của Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa (in tại Công ty In báo Thanh Hóa).
2. Thành phố Thanh Hóa xưa và nay, Nxb. Thanh Hóa, 2015.
3. Thành phố Thanh Hóa (1804-1997), Nxb. Thanh Hóa, 1990.
4. Thành ủy thành phố Thanh Hóa, *Đảng bộ thành phố Thanh Hóa 75 năm xây dựng và phát triển (1945-2020)*.
5. Đại Nam nhất thống chí, tập II, Nxb KHXH, Hà Nội, 1970.
6. Đại Nam Thực Lục chính biên, Đế Nhất kỷ, tập 3, quyển XXV, trang 206, Sđd, Tập 3, quyển XXIV, trang 189.
7. Đinh Xuân Lâm - Lê Đức Nghi, thành phố Thanh Hóa từ 1804-1947, Nxb Thanh Hóa, 1990, trang 113.
8. Thành phố Thanh Hóa (1804-1994), Nxb Thanh Hóa, 1994.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	3
-------------	---

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH LÝ THANH HÓA	5
--	---

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI	5
--	---

1. Vị trí địa lý	5
2. Điều kiện tự nhiên	5
3. Điều kiện kinh tế - xã hội	9

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH LÝ THANH HÓA	12
--	----

1. Giai đoạn trước năm 1804	12
2. Giai đoạn từ đầu năm 1804 đến năm 1945	15
3. Giai đoạn từ năm 1945 đến nay	18

BÀI 2

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ, VĂN HÓA THÀNH PHỐ

I. KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ ĐẤU TRANH DỪNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC Ở THÀNH PHỐ THANH HÓA TỪ THẾ KỶ I TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỶ XIX	23
---	----

1. Thời kỳ chống Bắc thuộc từ thế kỷ I trước công nguyên đến thế kỷ X	23
2. Thời kỳ từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIX	29

II. KHÁI LƯỢC VỀ VĂN HÓA THÀNH PHỐ	39
1. Những nền văn hóa cổ trên địa bàn thành phố	39
2. Di sản văn hóa thành phố	50
3. Truyền thống hiếu học	74

Bài 3

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG, THAM GIA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC, XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1945-2020)	77
--	----

I. THÀNH PHỐ THANH HÓA TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX	77
--	----

1. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội	77
2. Phong trào yêu nước của Nhân dân thành phố Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	79

II. THỊ XÃ THANH HÓA TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930- 1954)	81
---	----

1. Phong trào cách mạng của Nhân dân thành phố góp phần giành chính quyền về tay Nhân dân (1930 -1945)	81
2. Sự ra đời của Đảng bộ thành phố và quá trình lãnh đạo Nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1945 -1954)	91

III. ĐẢNG BỘ THỊ XÃ THANH HÓA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)	101
--	-----

1. Khôi phục lại thị xã và thực hiện phát triển kinh tế, văn hóa, (1954-1965)	101
2. Chống hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và chi viện cho miền Nam, cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (8/1965-1975)	106
IV. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1975-2020)	113
1. Khôi phục phát triển kinh tế, xã hội (1975 - 1985)	113
2. Thị xã Thanh Hóa trong 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986-1996)	116
3. Đảng bộ thành phố Thanh Hóa lãnh đạo Nhân dân thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2020)	119

BÀI 4

KHÁI QUÁT CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ THANH HÓA	137
1. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ I (1959 - 1960)	138
2. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ II (1960 - 1961)	138
3. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ III (1961 - 1962)	139
4. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ IV (1962 - 1963)	140
5. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ V (1964 - 1967)	141
6. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ VI (1967 - 1969)	141
7. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ VII (1969 - 1971)	143
8. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ VIII (1971 - 1975)	144
9. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ IX (1975 - 1977)	145
10. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ X (1977 - 1979)	146

11. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XI (1979 - 1983)	146
12. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XII (1983 - 1986)	148
13. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XIII (1986 - 1989)	149
14. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XIV (1989 - 1991)	150
15. Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XV (1991 - 1996)	151
16. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI (1996 - 2000)	152
17. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII (2000 - 2005)	152
18. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII (2005 - 2010)	154
19. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIX (2010 - 2015)	155
20. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XX (2015 - 2020)	157
21. Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI (2020 - 2025)	158

MỘT SỐ HÌNH ẢNH LỊCH SỬ, VĂN HÓA THÀNH PHỐ THANH HÓA

PHỤ LỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO	163
---------------------------	-----

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú - P. Ba Đình - TP. Thanh Hóa

Điện thoại: (0237)3853.548 - 3723.797 - 3852.281

Fax: (0237)3853.548 * E-mail: nxbthanhhoa@yahoo.com

GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ THANH HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản

ThS. HOÀNG VĂN TÚ

Biên tập: **ThS. Hồ Thị Phương**

Bìa: **Như Thái**

Trình bày: **Lê Minh**

Sửa bản in: **Phạm Hương**

ISBN: 978-604-74-5682-6

In: 3.000 cuốn, khổ 16 x 24cm cm, tại Công ty Cổ phần In Báo Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa.

Số xác nhận ĐKXB: 3859-2022/CXBIPH/03-108/ThaH, ngày 28 tháng 10 năm 2022.

Quyết định XB số: 249/QĐ-NXBThaH, ngày 07 tháng 11 năm 2022.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.